

VĂN NGHỆ

*hemingway sống và viết • lê huy
oanh • những điều nói với thơ •
lý hoàng phong • trường hợp
nhật linh • cung trầm tường
• sau trận dịch hạch • dương
nghiêm mậu • sự tưởng tượng
trong hội họa • nguyên trung*

số 7

tháng 8-1961

lê huy oanh	1	hemingway sống và viết
cung trần trường	22	trước sau cơn địa chấn
vuông lân	24	kỷ niệm
đỗ quý toàn	25	mỹ châu
sao trên rừng	26	còn cá mập
trần đức uyên	33	những thời kỳ sắp tới
nguyễn trung	36	sự tưởng tượng trong hội họa
trần thý nhã ca	42	chim nhỏ
hữu thu	45	tháng mười saigon
dương nghiêm mậu	46	sau trận dịch hạch
nguyễn nghiệp nhượng	57	cái ghế đá của gió
trần dạ tìc	61	chị em, cha con và trẻ thơ
cung trần trường	79	trường hợp « ba người bộ hành » hay trường hợp nhất linh
lý hoàng phong	85	những điều nói với thơ

VĂN NGHỆ

tạp chí tranh đấu văn học
nghệ thuật mới

chủ nhiệm :
lý hoàng phong
thư ký tòa soạn :
ngọc dũng
trị sự
phí ích nghiêm

số 7

tòa soạn và trị sự
554, trường minh
giảng, saigon
điện thoại : sg. 060

hemingway sống và viết

LÊ HUY OANH.

Nhà văn hào Hoa Kỳ Ernest miller Hemingway đã tạ thế vào sáng ngày mùng 2 tháng 7 năm 1961, thọ 62 tuổi. Ông chết tại Thung-Lũng Mặt Trời (Sun Valleys), thuộc tiểu bang Idaho. Trong khi ông đang lau một khẩu súng thì một viên đạn nổ bất ngờ, trúng ngay vào đầu ông, khiến ông bị thiệt mạng lập tức.

Báo chí quốc tế đã nói rất nhiều về cái chết của văn hào này, coi đây là một cái tang lớn trong giới văn nghệ sĩ và là một điều đáng tiếc thương cho mọi người.

Trong số ra ngày mùng 2 tháng 7, tờ *Nữu-uớc thời báo* viết đại ý như sau: «Trong đời ông, Hemingway rất ưa thích súng đạn, và ông đã chết vì súng đạn. Có lẽ đó là điều xứng hợp với ông.

Trong đời ông, Hemingway rất ưa những cảnh rừng rú hoang vu, và ông đã chết dưới bóng những ngọn núi cao ở Sun Valleys, giữa một khung cảnh đặc vẻ hoang vu. Giờ đây ông đã cưỡi ngựa đi vào chỗ mặt trời lặn »

Đáng khác, trong một bản tuyên bố nhân dịp Hemingway qua đời, Tổng thống Hoa kỳ Kennedy nhận định rằng: rất hiếm những người Hoa Kỳ có ảnh hưởng lớn đến những cảm nghĩ của nhân dân Hoa Kỳ bằng Hemingway.

Cuộc đời của Hemingway rất ly kỳ, đặc biệt: Ông đã từng là kẻ thất nghiệp ở Chicago, làm gián điệp ở Cuba, làm võ sĩ ở Ba-lê, đi săn bắn trong các rừng rú Phi Châu, làm thông tin viên chiến tranh tại Tây ban Nha, vác súng bắn nhau tại các mặt trận ở Ý và ở Pháp, và đặc biệt hơn cả, Hemingway là một văn sĩ nổi danh khắp thế giới, từng chiếm giải thưởng văn học Nobel 1954, và có thể kiếm mỗi năm cả triệu mỹ kim.

Ông là một người to lớn lực lưỡng, lúc nào cũng ưa chiến đấu, ưa hoạt động.

Trong những năm về sau này, mặc dầu đã có tuổi, Hemingway vẫn còn mạnh mẽ lắm. Ông vẫn còn đủ sức xông xáo suốt ngày trong rừng.

HEMINGWAY SỐNG VÀ VIẾT

rậm đề săn bắn hổ báo, hươu nai, hoặc cưỡi thuyền máy lênh đènh cả đêm ngoài biển khơi để đánh cá. Cái sức làm việc giẻo giai bền bỉ của Hemingway thật là vô địch. Ông vẫn còn đủ lực kéo những con cá nặng cả trăm cân Anh ở dưới biển lên, hoặc liên tiếp trong mấy ngày đêm ngồi sửa tác phẩm của mình mà không biết mệt mỏi.

Vốn là võ sĩ nên Hemingway có hai trái đấm rất mạnh. Một lần ở Los Angeles, ông đã đấm một phê bình gia sưng mặt rồi tống cô ra khỏi một quán rượu. Lý do vì nhà phê bình nọ dám chế diễu Hemingway gọi nhà văn là ông «Ta đây Hemingway». Vào một lần khác, ông đã đấm ngã một nhà vô địch quyền Anh hạng nặng vì nhà vô địch này dám chỉ trích ông.

Hemingway còn là một tay súng rất cừ khôi, có thể đứng cách xa ba mươi bước bắn tít một điều thuốc lá.

Ông còn ưa đấu bò rừng. Tại Madrid, thủ đô Tây ban Nha, nhiều lần ông đã giữ vai torero, ra đấu trường thi sức với bò rừng. Có lần hạ một lúc hai con bò nổi tiếng là hung dữ. Hạ bò xong ông tuyên bố một câu nửa thật nửa khôi hài rằng: tôi mệt quá và dần dần quá, không thể nào trở thành một Torero cừ khôi được. Nhưng cũng có lần ông suýt bị bò rừng húc chết.

Trông cái lối sống phiêu lưu mạo hiểm của ông ta có thể ví ông với thi sĩ Rimbaud của Pháp. Nhà văn Hoa kỳ này đã lang bạt trên khắp ba lục địa Âu, Mỹ, Phi. Con người hoạt động đó thường làm việc rất hăng hái và ăn uống rất dữ, có thể nốc luôn một lúc hai chai rượu whisky, hút liên tiếp hàng chục điếu xì gà, và ăn liền cả trăm con sò.

Có người hỏi ông hai điều mà ông thích thú hơn cả, ông cho biết rằng: Cái thích thú thứ nhất là vào năm 1941, ông đã chỉ huy một chiếc thuyền buồm đi săn tầu ngầm của Đức quốc xã. Cái thích thú thứ hai là có người đã lấy tên ông đặt tên cho một thứ cá mới tìm thấy ở dòng Gulf stream ngoài biển. Đó là loại cá Nemerintus Hemingweus.

Với một cuộc sống hoạt động phong phú như thế Hemingway đã viết tiểu thuyết toàn bằng những kinh nghiệm rất sống động của chính ông. Đọc sách ông viết, chúng ta gặp những khung cảnh chiến tranh thực sự, những pha săn bắn ác thú rất nguy hiểm trong rừng rậm, những cuộc câu cá hào hứng ngoài biển khơi, những hoạt động của các tay võ sĩ, các người đấu bò, các tên buôn lậu, những tay ăn chơi truy lạc khét tiếng bán giới không văn tự...

Ông đã viết cuốn *Vì ai chuông báo tử* (*For whom the bell tolls*) ngay lúc đang đóng vai thông tin viên chiến tranh và nhân viên hồng thập tự ở Tây Ban Nha. Đêm đêm, ông về gian phòng nhỏ ngồi sáng tác trong tiếng đại bác ầm ồ ngoài trời và những tiếng đạn găm rít trên mái nhà. Cuốn này đã nói đúng cái thâm kịch của cuộc nội chiến Tây Ban Nha.

Ông đã viết cuốn *Những ngọn đồi xanh ở Phi Châu* (*Green hills of*

Africa) ngay trong những căn lều vãi trong rừng thẳm Phi Châu bên ánh lửa đêm bập bùng, hoặc khi vừa say sưa săn đuổi các ác thú.

Vào năm 1931, ông cho xuất bản cuốn *Bên kia sông, trong đám cồng* (*Across the river and into the trees*). Cuốn này bị các nhà phê bình chê bai hết lời, cho rằng sự nghiệp văn chương của ông đã bắt đầu xuống dốc. Trước những lời phê bình đó, Hemingway bực tức lắm nhưng không nói gì cả. Ông lặng lẽng thu xếp hành lý rồi rời bỏ đô thị ra bờ biển sống với một đàn mấy chục con mèo quý của ông. Tại bờ biển ông vừa ra khơi đánh cá vừa viết văn. Kết quả, bằng những kinh nghiệm sống ông viết cuốn *Lão ngư ông và biển cả* (*The old man and the sea*) dài 27.000 chữ cho đăng trên tạp chí *Life*. Vừa xuất bản, tác phẩm này chấn động cả hoàn cầu: bốn triệu số báo *Life* in tác phẩm này của ông đã bán hết trong vòng 48 tiếng đồng hồ. Nhà báo phải cho tái bản 5 triệu 400 ngàn số nữa. Thế là Hemingway đã vinh quang trả thù các nhà phê bình đĩ chê ông.

Cái quan niệm sống để viết là một trong những nguyên tắc sáng tác quan hệ của Hemingway. Ông không ưa nằm trong « tháp ngà » để viết bằng tưởng tượng vì ông biết rằng viết bằng tưởng tượng người cầm bút sẽ không tránh được những sự sai lầm cả thể, những ý kiến phê phán nóng cạn, hơi hợt. Âu đây cũng là một lời khuyên tối đẹp cho một số đông những cây viết ở xứ ta cũng như ở nhiều xứ khác, chỉ nằm ru rú ở một nơi để viết những chuyện « động trời », những « pha » phiêu lưu mạo hiểm hoàn toàn bằng tưởng tượng. Đã đành rằng có những thiên tài có khả năng tưởng tượng rất đúng, nhưng những thiên tài như vậy rất hiếm hoi.

Khi sửa lại truyện ngắn *Tuyết trên đỉnh núi Kilimanjaro* (*The snows of Kilimanjaro*) thành truyện phim, Hemingway đã thêm một pha để bày tỏ quan niệm viết văn của ông là phải sống cho thật đầy đủ để lấy tài liệu sáng tác. Trong « pha » đó có một thanh niên mới lớn mơ mộng và ưa trở thành văn sĩ. Nhưng gã « mỗ trắng » đó chỉ lẩn quẩn ở xó nhà, mê một con nhỏ hay làm nũng; và gã chỉ mất thì giờ vì mối tình vụn vặt ấy.

Ông chú gã thanh niên thấy thế, bèn gọi cháu vào phòng khuyên cháu đại ý rằng:

« Cháu thích trở nên một văn sĩ, điều đó khiến chú hài lòng lắm. Nhưng cháu ạ, trên đời này có hai hạng văn sĩ: một là hạng văn sĩ chồi cùn, viết lách lắm nhảm, hơi hợt; hai là hạng văn sĩ đại tài, dám lặn mình vào cuộc sống để thâm nhập tài liệu viết nên những tác phẩm lớn lao. Thôi, cháu hãy quên cái con nhỏ ấy đi, quên cái mối tình hẹp hòi dờ dẩn ấy đi, và hãy lên đường mạo hiểm làm quen với cuộc sống rộng rãi phức tạp để có thể viết được những tác phẩm giá trị, có thể trở nên một nhà văn đại tài. Hãy lao mình vào cuộc sống thật sự để có dịp đương đầu, chế ngự những nỗi khó khăn nguy hiểm, để sống cuộc sống xứng đáng của một thằng đàn ông! Đây, ta tặng cháu một khẩu súng để làm lộ phí ».

HEMINGWAY SỐNG VÀ VIẾT

Hemingway còn quan niệm rằng không những cần có kinh nghiệm sống để sáng tác, một nhà văn còn phải biết diễn tả những kinh nghiệm ấy một cách hết sức thành thật, phải biết kể ra đúng cái hiện tượng, cái bản thể của chúng, không được dấu diếm che giấu gì cả. Chính vì thế nên những sáng tác của Hemingway đã nói lên những sự thực tự nhiên, chua chát, phũ phàng, phi lý của cuộc đời. Độc giả còn gặp những « pha » tả chân táo bạo trong một giọng kể truyện tự nhiên.

Vì cuộc đời có nhiều màu sắc, có nhiều trạng thái khác nhau, nên trong tiểu thuyết của Hemingway cũng có những màu sắc những trạng thái khác nhau như vậy. Những nhân vật tiểu thuyết của Hemingway gồm có đủ mọi hạng người trong xã hội, và mỗi một hạng người ấy lại có đủ những tính tình, đôi khi đến mâu thuẫn.

Vì sao Hemingway đã thông cảm được cái tính chất phức tạp của con người? Chính vì tâm hồn ông, nhân sinh quan của ông đã biết hướng về mọi ngã, đã vui lòng thấu nhận cả cái thiện lẫn cái ác: Ông là một người vừa phũ phàng thô bạo vừa giàu lòng bác ái; vừa lãng mạn mơ mộng, vừa can đảm, thực tế và cương quyết; vừa cảm được cái thú vị được sống chung với những người chung quanh vừa băn khoăn, hối hoảng vì một nỗi cô độc kinh khủng.

Những nhân vật tiểu thuyết của ông đã biểu dương đúng con người thực của ông. Nhân vật Robert Jordan trong *For whom the bell tolls* chẳng hạn. Chẳng là một người anh hùng quả cảm đã dám chết vì trách nhiệm nhưng cũng đã rất mực si tình những khi nằm gác đầu trong ngực nàng Maria. Nhân vật Henry trong *A farewell to arms* cũng vậy. Chẳng rất thực tế, rất quả cảm nhưng cũng hết sức mềm yếu mơ mộng khi nằm trong tay Catherine Barkley. Rồi cả những nhân vật như Jack Barnes, Brett Ashley, Robert Cohn, Mike Campbell trong *The sun also rises*: họ là những kẻ sống phóng đãng, bừa bãi, nhưng họ vẫn luôn luôn thắc mắc về giá trị và ý nghĩa thật của cuộc đời. Họ đi dần vào « địa ngục » nhưng vẫn luôn luôn tìm tới bình bóng của một « thiên đường », và trong tâm hồn họ có những cuộc giao tranh cực kỳ dữ dội giữa những ý niệm sống trái ngược lẫn nhau.

Do đấy, những nhà phê bình không thể liệt Hemingway vào một loại văn sĩ nào, vào một trường phái văn học nào cả. Các tác phẩm của ông có nhiều tính chất: lãng mạn, cổ điển và tả chân.

Hemingway sinh ngày 21 tháng 7 năm 1899 tại làng Oak Park thuộc tiểu bang Illinois. Thuở nhỏ ông được giáo dục trong bầu không khí tôn giáo, đạo đức của những trường học công giáo và thanh giáo ở quê nhà. Nhưng khi lớn lên, ông đã có một lối sống gần như khác biệt hẳn với lối sống mà các trường tôn giáo đã giáo dục ông lúc thanh xuân. Về sau này khi ông đã nổi tiếng, một thầy học cũ của ông đã phải kêu lên rằng: « Tôi và nhiều người khác ở Oak Park đã lấy làm ngạc nhiên về Hemingway; ngạc nhiên vì một đứa con trai vốn được dạy dỗ nuôi

năng trong một bầu không khí thiên chúa giáo và thanh giáo mà lại có thể sớm biết rõ về sự quý quai và những tội lỗi thấp hèn của con người để viết nên những tác phẩm đặc sắc hiện thực đến thế.»

Vào khoảng năm 17 tuổi, Hemingway bắt đầu bước chân vào nghề ký giả để sinh nhai và viết văn. Lúc đó ông viết những truyện ngắn theo kiểu Jack London. Những truyện ngắn của ông như *Sự phán đoán của Manitou* hay *Sept Zingan*, đăng trên báo *Tribuna* năm 1916 đã đưa ông vào một thế giới hung bạo với cái bản chất dã man, cứng cỏi tương tự như cái thế giới trong tiểu thuyết của Jack London. Ông còn chịu ảnh hưởng lối viết của hai nhà văn Ring Lardner và Mark Twain ở lối viết linh động, hồn nhiên, xác thực và mỉa mai. Tuy nhiên, ông không hướng về đường lối trào lộng như hai văn sĩ đó.

Tuy có chịu ảnh hưởng nhưng Hemingway không nô lệ những ảnh hưởng đó. So với những tác phẩm của London, Lardner hay Twain, tác phẩm của Hemingway vẫn có những sắc thái riêng biệt hẳn. Theo quan niệm của ông, thì một nhà văn có thể lãnh hội những tinh hoa trong tác phẩm của các văn sĩ khác, nhưng lại phải biết tạo ra những cái gì mới mẻ, phải nói lên những cái gì hoặc đặc sắc hơn những cái người khác đã nói, hoặc chưa hề ai nói tới. Vào năm 1936, Hemingway đã khuyên một nhà văn trẻ tuổi như sau: « Bạn hãy nghe tôi đây: thật là chẳng ích lợi gì khi ta viết những cái mà người khác đã viết trước ta, trừ phi sáng tác của ta vượt cao hơn những cái đó. Ngày nay điều mà một nhà văn phải làm là viết những cái gì người ta chưa viết, hoặc đánh ngã tài năng những người đã khuất trong chính lãnh vực sáng tác của họ ».

Trong những truyện ngắn khác như *The Golden Honey noon* hay *The Love Nest* mà Hemingway viết hồi 18 tuổi, độc giả thấy tác giả bày tỏ quan niệm chống đối những ảnh hưởng sót lại của thời kỳ văn học Victoria trong nền văn học đương thời tại Hoa kỳ.

Cuốn sách đầu tiên của ông cho xuất bản vào năm 1923 gồm có ba truyện ngắn và mười bài thơ ngắn với một cái nhan đề rất đơn giản là *Three stories and ten poems*.

Năm sau ông lại cho xuất bản cuốn *In our Time* (Trong thời đại chúng ta) tại Ba-lê. Với cuốn này, Hemingway bắt đầu được người ta đề ý tới. Tên tuổi của ông nổi lên dần dần. Lần lượt ông viết thêm nhiều cuốn tiểu thuyết khác nhưng đặc biệt có những cuốn sau đây:

THE SUN ALSO RISES (*Mặt trời cũng mọc*, 1926) — Trong cái thành phố Ba Lê ồn ào sau cuộc đại chiến thứ nhất, một thanh niên Hoa Kỳ tên là Jack Barnes làm việc cho một tờ báo Hoa kỳ nhưng chàng không có hứng thú gì trong công việc mình làm cả. Trong cuộc đại chiến thứ nhất, Jack Barnes là một quân nhân. Chàng bị thương ngoài mặt trận được chở về điều trị tại một bệnh viện. Tại bệnh viện, chàng gặp cô nữ y tá Lady Brett Ashley. Cô này cũng là một nạn nhân của chiến tranh: người yêu của nàng bị chết trong khói lửa,

HEMINGWAY SỐNG VÀ VIẾT

nàng phải lấy chồng khác nhưng lại đang kiện đòi ly dị. Gặp Barnes, Ashley cảm chàng và cũng được chàng yêu lại. Nhưng khổ một điều là thương tích khiến cho Barnes bất lực nên hai người không thể lấy nhau được. Tuy bất lực về vật chất nhưng trong tâm hồn Barnes vẫn yêu Ashley. Thật là một thảm kịch về tình yêu.

Chẳng bao lâu nàng phải lấy một người Tô Cách Lan rượu chè be bét tên là Mike Campbell. Vì chán chương nên Ashley sống rất bặt mạng. Tuy lấy Campbell nhưng Ashley ngoại tình lung tung với nhiều người khác trong đó có anh chàng Do Thái tri thức là Robert Cohn và anh chàng đấu bò rừng Pedro Romero. Cohn rất say Ashley vì chỉ được nàng tha thiết với trong vòng vài tuần lễ thôi. Vì thế, Cohn vẫn cứ đi theo Ashley để sẵn sàng phục vụ nàng mỗi khi nàng chán những anh khác và cần đến Cohn tạm bợ trong giây lát.

Jack Barnes còn quen với một nhân vật Hoa Kỳ khác là Bill Gorton, cũng thuộc hạng dưng từ chuyên tìm lẽ sống trong các quán rượu và bên bọn gái giang hồ, trong đó đặc biệt có Georgette.

Barnes, Ashley, Campbell, Cohn, Gorton, Georgette, tất cả những người đau khổ, chán chương, bặt mạng, truy lạc đó kết bọn kéo nhau đi lang thang trong cuộc sống vô vọng.

A FAREWELL TO ARMS (*Giã từ vũ khí*, 1929) — Những khung cảnh của truyện này là Ý Đại Lợi trong cuộc chiến tranh (1917 — 1918), rồi đến Thụy Sĩ. Frederick Henry là một người Hoa Kỳ lái xe hồng thập tự trong quân đội Ý. Chàng kết bạn với một số quân nhân khác như thiếu tá Rinaldi hoặc lính mục tuyền úy trong đơn vị. Bằng mối tình đầu, chàng yêu say mê Katherine Barkley, một nữ y tá người Anh có vị hôn phu bị thiệt mạng ít lâu trước khi nàng gặp Henry.

Trong một cuộc tấn công trên đèo Piave, Henry bị thương nặng được chở vào bệnh viện ở Milan để điều trị. Tại bệnh viện, chàng lại gặp Barkley và đôi trai gái này yêu nhau tha thiết, quyết tâm bảo vệ tình yêu của họ chống lại cái phi lý của đời sống chung quanh.

Khi đã bình phục và phải trở về quân ngũ, trung úy Henry đã cùng với những nhóm quân Ý rút lui khỏi mặt trận ở vùng Udine và Gorizia, vì lý do chiến thuật bất lợi.

Nhưng vì đã rút lui khi chưa có lệnh cấp trên nên Henry bị hội đồng quân sự kết án là bỏ hàng ngũ. Khi sắp bị xử tử, chàng đã liều mạng nhảy xuống một con sông bên cạnh trốn thoát khỏi tay tử thần.

Sau vụ này, Henry quyết định rời bỏ nước Ý: vượt qua những gian lao nguy hiểm, chàng và Catherine trốn sang Thụy Sĩ. Tại xứ này, chàng và nàng đã sống hoàn toàn hạnh phúc trong ít

lâu. Rồi một định mệnh chưa xót phá tan hạnh phúc của họ: Catherine chết sau khi đẻ được một đứa bé cũng đã chết. Catherine thành người thiên cô, chỉ còn lại Henry đau đớn bước đi dưới trời mưa ..

DEATH IN THE AFTERNOON (*Chết trong buổi chiều, 1932*) —

Cuốn này chuyên tả về những nơi đấu bò rừng ở Tây Ban Nha cũng với những ý nghĩa và lối nghĩ cách thức ở những nơi đó. Tác giả suy gẫm về mọi vấn đề liên hệ, đặc biệt là về cái chết của bò rừng hoặc của những người đấu bò. Sự diễn tả về kỹ thuật thỉnh thoảng được ngưng lại nhường chỗ cho những tư tưởng triết lý của tác giả hoặc những mâu đối thoại giữa tác giả và một bà già về lối đấu bò.

Những đặc điểm của xứ Tây Ban Nha được nói lên trong tác phẩm này cũng với những vấn đề mà tác giả hằng tha thiết đề ý tới.

FOR WHOM THE BELL TOLLS (*Vì ai chuông báo tử, 1940*) —

Cuốn này được coi là hay nhất của Hemingway. Nhân vật chính là Robert Jordan, một giáo sư người Hoa Kỳ chuyên dạy tiếng Tây Ban Nha. Trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha, Jordan chiến đấu trong hàng ngũ phe Cộng-hòa. Chẳng lãnh sứ mạng phá một chiếc cầu trong phòng tuyến địch ở gần Madrid. Chẳng liên lạc với một nhóm du kích quân hoạt động trong vùng núi. Trong ba ngày sửa soạn thi hành sứ mạng chàng đã có dịp chung sống với những phần tử du kích đó. Người đọc được biết những nhân vật như Pablo với vợ là Pilar, hay El Sordo cùng một vài chiến sĩ du kích khác sống cuộc đời khắc khổ và hằng hái tranh đấu bảo vệ tự do và quê hương của họ. Khi mới tới, Jordan còn gặp nàng Maria, một thiếu nữ 19 tuổi, nạn nhân của những sự tàn bạo của bọn phát xít. Jordan yêu Maria và được Maria mặc khải cho cái tính chất đam mê của người Tây Ban Nha, và cái tính chất thiết tha nồng cháy của một mối tình gần gũi.

Rồi Jordan bị thương nặng sau khi phá được chiếc cầu. Chàng từ biệt Maria, từ biệt các bạn đồng ngũ: để trung thành với lý tưởng, chàng đã nhận lãnh cái chết bằng cách một mình trơ trọi nổ súng bắn vào một nhóm địch quân đầu tiên đi gần tới chàng.

THE OLD MAN AND THE SEA (*Lão ngư ông và biển cả, 1952*)

Đây cũng là một cuốn tiểu thuyết rất đặc sắc của Hemingway diễn tả sức tranh đấu mãnh liệt của con người trong việc thực hiện nguyện vọng của mình. Cốt truyện rất đơn giản: miêu tả một ngư

HEMINGWAY SỐNG VÀ VIẾT

Ông tuy đã già, tuy gặp nhiều đen đủi, nhưng vẫn tha thiết với nghề nghiệp, quyết tâm ra khơi để đánh cá hầu thực hiện nguyện vọng và sở thích của ông là đánh được nhiều cá không thua kém những người khác.

Lần ấy, sau bao nổi vất vả cực nhọc, lão ngư ông câu được một con cá kim không lồ (dài hơn thuyền của lão) buộc vào thuyền giương vè. Nhưng những lũ cá mập thường xúm đến vây quanh thuyền để ăn thịt con cá kim. Ông lão phải chiến đấu kịch liệt với những bầy cá mập để bảo vệ xác con cá kim. Khi thuyền về tới bến ông lão kiệt lực và con cá kim chỉ còn là một bộ xương.

Xét qua tác phẩm và tiểu sử đời ông, chúng ta thấy Hemingway là một người tôn thờ sự hoạt động, luôn luôn tranh đấu mạo hiểm để hưởng những thú vị của một cuộc sống khác thường, và để tạo cho mình một nhân phẩm riêng, nhân phẩm của một người không ủy lụy tham sinh, không ưa sống lặng lẽ trong một cuộc đời tù hãm êm ả; đó cũng chính là cái nhân phẩm của một người đàn ông giàu tình cảm nhưng anh hùng, tha thiết với tình cảm nhưng coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

Trong lúc dự chiến cuộc ở Ý Đại Lợi, có lần Hemingway được người ta cất cử coi kho lương thực: hàng ngày ông đứng sau một cái quầy gỗ phát cà phê và đồ hộp cho các binh sĩ! Bị cử giữ việc phát lương thực, Hemingway tự coi như đó là một điều nhục nhã. Ông bèn xin với cấp trên cho phép được ra mặt trận, cầm lương thực phát tận tay cho các chiến sĩ đang chiến đấu trong các hầm trú ẩn. Trong lúc ông làm việc này, một trái ô buý đã nổ ngay sát gần ông khiến ông bất tỉnh nhân sự và bị thương ở chân. Người ta bèn chở ông tới điều trị tại nhà thương ở Milan (giống như trường hợp nhân vật Frederick Henry trong *Giã từ vũ khí*). Nhân vụ này Hemingway đã được chánh phủ Ý tặng cho một huy chương.

Quan niệm chiến đấu của Hemingway có phần tương tự với quan niệm của các hõo kiệt thời cổ: « chỉ làm trai dặm nghìn da ngựa, gleo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao ». Và trong lúc chiến đấu, người chiến sĩ lúc nào cũng phải thành tâm. Không phải chiến đấu để khoe khoang với những người khác; không phải chiến đấu để mong đạt được danh vọng, chức tước, tiền bạc; nhưng chiến đấu để phi chi tang hồng, để bảo vệ nhân cách của một người đàn ông, để thâm thập lấy những kinh nghiệm thiết thực. Những khi chỉ có một mình, Hemingway và nhân vật tiểu thuyết của ông vẫn chiến đấu tích cực, chiến đấu trong sự đơn độc, cương quyết đương đầu với nguy hiểm, đương đầu với cái chết để đạt mục tiêu, để bảo vệ lý tưởng. Trong *Lão ngư ông và biển cả*, cái lý tưởng và mục tiêu hành động của ông lão là đánh được nhiều cá, nhất là cá thật lớn. Ông lão đã già yếu rồi nhưng vẫn cương quyết

đối đầu với biển khơi để thực hiện nguyện vọng của mình. Suốt tám mươi ngày trời chẳng câu được cá nhưng ông lão không nản chí; cuối cùng ông đã vật lộn suốt ba ngày ba đêm với một con cá kim lớn và rút cuộc ông thắng. Tiếp đấy, ông lại phải chống chọi với những đàn cá mập hung dữ đến ăn thịt con cá kim. Hai bàn tay rách nát, đôi vai rách nát, thân thể mệt mỏi rũ rượi, nhưng ông lão nhất định không dung tha bầy cá mập; ông chiến đấu đến phút cuối cùng đầu biết rằng tình thế đã tuyệt vọng. Về đến bến, con cá kim chỉ còn là một bộ xương nhưng nó chứng tỏ cái giá trị của ông lão, chứng tỏ rằng tuy ông đã già nhưng ông vẫn còn có đủ khả năng để làm những việc phi thường.

Vì biết trọng nhân phẩm nên những nhân vật của Hemingway là những người rất cương quyết hành động đầu để phụng sự cái Đẹp hay cái Xấu, cái hữu lý hay cái phi lý.

Nhân vật chính trong cuốn *Vì ai chúng báo tử*, Robert Jordan, đã chứng tỏ điều đó. Là một nhà trí thức Hoa kỳ, Jordan gia nhập phe Cộng-hòa với mục đích chiến đấu cho tự do, đầu chỉ là nền tự do của Tây Ban Nha chứ chưa phải nền tự do của Hoa Kỳ. Vào dịp chàng nhận lãnh trách nhiệm phá một cây cầu bên phòng tuyến của địch thì chàng lại được ném cái vị thần tiên của ái tình, một thứ ái tình chân thành nồng cháy của một thiếu nữ Tây Ban Nha. Trong mấy ngày tâm hồn sôi nổi rung động vì yêu đương Jordan vẫn không quên trách nhiệm cao quý của một chiến sĩ. Kết cuộc, Jordan phá được cây cầu rồi chết. Cái chết của chàng, chàng đã tự tiên đoán là không thể nào tránh được. Jordan đã vì cái giá trị làm người mà thực hiện công việc phá cầu, rồi chết một cách rất anh hùng rất bình tĩnh không khác gì con chó sói của Vigny. Jordan đã phải chịu một cái chết gấp đôi (une mort double), vừa chết về thể xác vừa chết về linh hồn: thể xác chết đi kéo theo cái chết đau đớn của một cuộc tình duyên yêu mệnh.

Nhân vật liêu thuyết của Hemingway nhiều khi còn biểu lộ một sự khắc khoải ghê gớm về ý nghĩa cuộc đời. Nhân vật Harry trong truyện ngắn *Tuyết trên đỉnh kilimandjaro* (1) tượng trưng cho một sự băn khoăn trước cái hiện hữu phức tạp của cuộc sống và của vạn vật. Harry là một văn sĩ Hoa kỳ; chàng bị một vết thương nhỏ ở ống chân khi cùng cô vợ trẻ Helen đi săn trong các rừng Phi Châu. Vết thương bị nhiễm độc khiến chân Harry bị thối. Trong lúc nằm chờ phi cơ đến chở đi chỗ khác chữa chân, Harry đã nhìn lại suốt cuộc đời chàng và suy ngẫm về sự chết của con người Phi cơ không đến. Giữa một thứ ảo tưởng, Harry tưởng tượng bay tới những bờ tuyết trên đỉnh núi kilimandjaro, và chàng đã chết giữa lúc say sưa hoan lạc vì cái ảo tưởng đó.

Kilimandjaro là một ngọn núi được coi như cao nhất ở Phi Châu. Trong ý niệm của Hemingway (hay của Harry cũng thế) những lớp tuyết trên đỉnh núi đó biểu dương cho một cái gì cao đẹp của cuộc đời.

(1) Phạm nguyên Vũ đã dịch truyện này ra Việt ngữ. Bản dịch đã đăng trên Văn Nghệ số 1.

HEMINGWAY SỐNG VÀ VIẾT

Ngay ở mấy giòng mở truyện, Hemingway viết: «Sát với đỉnh núi phía tây có đám xương đã khô của một con báo. Không ai cắt nghĩa được loài báo lên tới độ cao như thế để làm kiếm gi.» Câu này tuy ngắn ngủi thế thôi, nhưng nó chứa đựng những hình ảnh những ý tưởng rất thâm trầm, rất sâu sắc về hành động của những con người vừa giàu suy tư vừa giàu sức lực như Hemingway như Harry, như Jordan.

Không phải chỉ có những văn sĩ Pháp như J.P. Sartre hay Camus đặt ra vấn đề phi lý của cuộc sống, chính Hemingway cũng như nhiều cây viết khác, vẫn thường nêu ra cái phi lý đó, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp. Hành động tẩu thoát của Frederick Henry trong *Giã từ vũ khí* chứng tỏ một phần nào sự phi lý về cái chết của Robert Jordan trong *Vì ai chúng ta báo tử*. Như con báo nọ, Jordan đã lên đến những lớp tuyết ở gần đỉnh Kilimandjaro để rồi chết mục xương trên đó: chàng chết bên chiếc cầu bị phá để bảo vệ «lý tưởng»; nhưng ai cũng phải nhận rằng: nếu xét cho kỹ, ta sẽ chẳng thấy rõ rệt cái ý nghĩa trong «lý tưởng» của Jordan. Cũng như con báo đã lên đến một độ cao như thế để chết, Jordan đã đi vào đất «địch» để chết. Nhưng đâu cái chết đó phi lý, cái chết đó không có một ý nghĩa đích đáng rõ rệt, nhưng nó vẫn là một thứ nhu cầu của những người mà con báo kia tượng trưng.

Hemingway, trong *Giã từ vũ khí*, đã định phá bỏ cái hiện tượng phi lý của chiến tranh nhưng do đấy ông lại đưa độc giả tới chỗ hoang mang hơn, Hemingway không lạo ra mà chỉ nêu ra cái tình cảnh hiển nhiên đó. Frederick Henry, sau khi bị thương rồi tìm thấy hạnh phúc trong tay Catherine Barkley, bèn chán ghét chiến tranh vì thấy nó phi lý quá, chán ghét nó ngay cả trước lúc chàng suýt bị tử hình. Frederick và Catherine bèn vượt mọi nguy hiểm gian nan trốn sang Thụy sĩ để cùng xây tổ ấm sống một cuộc đời tràn trề hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc đó đã không bền chút nào cả, và chàng thanh niên kia lại thấy cuộc đời phi lý hơn lúc nào hết.

Nhưng bất cứ trong hoàn cảnh nào, dù thấy cuộc sống phi lý hay không, các nhân vật của Hemingway không bao giờ chán nản, hèn yếu. Nếu Jordan đã chiến đấu can đảm để phá cây cầu thì Henry cũng đã làm hết sức của chàng để bảo vệ tình yêu. Tôi nhớ đến một câu thơ của Valery trong bài *Le cimetière marin*: *Le vent se lève, il faut tenter de vivre.*

Hemingway hiện là một trong số 10 tác giả quốc tế được độc giả ưa chuộng nhất. Điều này cũng chẳng lạ gì, vì các tiểu thuyết của ông rất hấp dẫn: hấp dẫn vì chúng đã hiển cho độc giả những cảm giác mới lạ phong phú về rừng thẳm, núi cao, sông dài, biển rộng, về nhiều quốc gia đặc biệt trên thế giới như Ý Đại Lợi, Pháp, Cuba, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ cùng nhiều quốc gia khác ở Phi Châu hay Nam Mỹ. Những chuyện ông kể thật đặc sắc mà thành thật, không bao giờ có cái vẻ «đi xa về

gần tha hồ nói khoác». Những cuốn như *Vi ai chuông báo tử*, *Giã từ vũ khí* và *Lão ngư ông và b ền c ả* là những cuốn đáng được coi như hay nhất của Hemingway và cũng đáng được sắp hạng vào những cuốn tiểu thuyết hay nhất thế giới. Giọng kể chuyện của Hemingway rất bình dân nhưng không «mây nước» và tâm thường như những giọng kể chuyện của hàng «xổ» cây viết khác, và nhất là không bao giờ có cái giọng «người hùng» phách lối l ăm nh ăm như Lê Văn Trương chẳng hạn.

Chẳng vì thế mà hầu hết mọi loại độc giả trên thế giới, từ bình dân đến trí thức đều ưa chuộng tiểu thuyết của Hemingway. Ta cũng chẳng lạ gì khi thấy ông được tặng giải thưởng văn học Nobel năm 1954, và được tất cả các hãng phim danh tiếng ở Mỹ o bế, chiếu chuộng. Tiểu thuyết của ông đã được dịch ra hàng mấy chục thứ tiếng và hầu hết đã được quay thành phim. Tại Việt Nam, chừng ta đã được thưởng thức những phim như *L' Adieu aux armes*, *Les Neiges du kilimandjaro*, *Le soleil se lève aussi* hay *Le Vieil homme et la Mer*. Ai cũng phải công nhận rằng những phim này đều là những phim trứ danh cả.

Đến nay Hemingway đã chết. Thật là một cái tang chung cho giới văn nghệ sĩ cũng như tất cả những người yêu nghệ thuật trên thế giới. Tôi tin chắc rằng : Hemingway chết đi, nhưng tác phẩm của ông sẽ sống mãi trong tâm hồn chúng ta và tâm hồn những thế hệ kế tiếp chúng ta.

LÊ HUY OANH



VĂN HEMINGWAY

ngoài mặt trận (1)

Trời tối và những luồng đèn chiếu quét lên những ngọn núi. Tại mặt trận của chúng tôi có những đèn chiếu lớn đặt trên những xe cam-nhông. Đôi khi trong đêm tối, người ta chiếu chéo ngọn trên những đường đi sát gần phòng tuyến. Chiếc xe cam-nhông nhẹ nhàng ngừng để lui lại và một sĩ quan chuyển luồng ánh sáng vào giữa đám người giặt mình hoảng sợ. Chúng tôi đi xuyên qua nhà máy gạch để lóe trộm cấp cứu chính (1). Bên trên lối vào có một mái hiên nhỏ bằng cành cây, và trong bóng tối, làn gió hây hây ban tối khua xào xạc những đám lá đã bị ánh mặt trời làm cho khô héo. Bên trong có ánh lửa. Ngồi trên một hòm gỗ viên thiếu tá gọi điện thoại. Một trong số những y sĩ hạng nhì nói với tôi là cuộc tấn công đã diễn ra từ một tiếng đồng hồ rồi. Ông ta đưa tôi một cốc cô-nhắc. Tôi thấy trên những mảnh ván dùng làm bàn những dụng cụ lấp loáng dưới ánh đèn: những chậu thau, những ve thuốc nút thủy tinh. Gordini đứng sau tôi. Viên thiếu tá đứng dậy.

— Cuộc tấn công bắt đầu, thiếu tá nói. Chúng ta giành lại cái thế giờ trước.

Tôi nhìn ra ngoài. Trời tối và đằng sau chúng tôi những đèn chiếu của quân Áo quét những ngọn núi. Sự im lặng kéo dài chừng vài phút, rồi tất cả những khẩu đại bác ở đằng sau chúng tôi bắt đầu hoạt động.

— Savoia đấy, thiếu tá nói.

— Còn súp có chưa, y sĩ thiếu tá? tôi hỏi.

Ông ta không nghe thấy tiếng tôi nói. Tôi nhắc lại câu hỏi.

— Người ta chưa mang đến.

Một trái ô-buay nổ trong xưởng gạch. Một tiếng nổ khác và giữa những tiếng nổ vỡ, có tiếng lao rào nhỏ hơn của trận mưa gạch và đất.

— Có gì ăn không bố?

— Chúng ta có một ít thức ăn làm bằng bột nhào, thiếu tá nói.

— Thiếu tá có thể cho tôi cái gì tôi ăn cái này.

Thiếu tá nói với một người lính và người này chạy vào trong mang

(1) Đoạn này trích trong cuốn *Giã Từ Vũ Khí* (A farewell to Arms). Ở ngoài mặt trận, trung úy quân y Frederick Henry và bốn bác tài xe hồng thập tự ngồi ăn uống trong hầm trú ẩn. Tình hình, một viên đạn mỗ-chĩa rơi vào hầm... Đoạn này và đoạn « Ai tình và thời khắc » ở sau, do Lê Huy Oanh dịch.

HEMINGWAY SỐNG VÀ VIẾT

ra một đĩa bằng kim khí đựng đầy ma-ca-rô-ni nguội. Tôi chuyển đĩa này cho Gordini.

— Thiếu tá có phó-mách không ?

Thiếu tá lăm băm vài lời với người lính hầu cận và người này lại chạy vào lỗ sau rồi cầm ra một phần tư bánh phó-mách trắng.

— Cảm ơn lắm, tôi nói.

— Tốt hơn hết các ông đừng ra ngoài.

Có hai người tới đặt cái gì trước cửa ra vào. Một người ngó vào bên trong.

— Mang vào đây, thiếu tá nói. Các chú sao thế ? Các chú tưởng chúng tôi sắp ra để tìm người bị thương chăng ?

Hai người phụ trách băng-ca xốc nách người bị thương đưa vào trong hầm.

— Xé áo ra, thiếu tá nói.

Ông cầm một mẫu băng kẹp ở đầu nhíp. Hai thiếu tá cấp nhĩ cởi bỏ áo vét của họ ra.

— Thôi, các chú đi, thiếu tá nói với những người khiêng băng ca.

— Chúng mình cũng tới thôi, tôi nói với Gordini.

— Các ông nên chờ cho xong cơn oanh tạc rồi hãy đi, thiếu tá nói một cách lơ là.

— Họ đói, tôi nói.

— Nếu thế các ông cứ đi đi vậy.

Ra đến ngoài chúng tôi chạy xuyên qua xưởng gạch. Một trái ô-buay nổ sát ngay bên sông. Một trái khác rơi về phía chúng tôi, bất thình lình quá đến nỗi chúng tôi không đủ thì giờ để nghe thấy nó bay tới. Chúng tôi nằm úp xuống đất, cảm nhận cùng một lúc ánh sáng lóa ra, tiếng nổ chói chói, mùi khét lẹt, tiếng rít của những mảnh đạn bay tang và tiếng rào rào của trận mưa gạch. Gordini chỗi dậy lao mình về phía hầm trú ẩn. Tôi chạy theo anh ta, cầm trong tay miếng phó-mách mà lớp mặt nhẵn phủ đầy bụi gạch. Trong hầm trú ẩn, ba người tôi xé ngồi tựa lưng vào tường hút thuốc lá.

— Này cầm lấy, lũ người ái quốc, tôi nói.

— Các xe có sao không ?

— Tốt lắm.

— Trung úy có sợ không ?

— Cũng sợ chứ, tôi nói.

Tôi rút dao mổ ra, chùi lưỡi rồi cạo cái mặt trên nhóp bụi của miếng phó-mách. Gavuzzi đưa cho tôi một đĩa ma-ca-rô-ni.

— Trung úy ăn trước đi.

— Không, tôi nói. Cứ đặt đĩa xuống đất, chúng ta ăn chung.

— Không có nữa.

— Cần quái gì nữa, tôi nói bằng tiếng Anh.

Tôi cắt miếng phó-mách và đặt các miếng đó trên ma-ca-rô-ni.

— Các bạn ngồi xuống ăn đi chứ.

Mọi người ngồi xuống và chờ đợi. Tôi thò bốn ngón tay vào rút ma-

ca-rô-ni. Nhưng nó ra cả một tảng lớn.

— Giơ cao nó lên, Trung úy.

Tôi giơ tay thật cao và các ống búa ma-ca-rô-ni rời ra. Tôi hạ xuống cho cả phần trong tay vào miệng, hút mạnh, cắn đứt các đầu ống búa mà nhai. Tiếp đó tôi ăn một miếng pho-mách, vừa nhai vừa uống một ngụm rượu vang. Rượu có mùi sắt rỉ. Tôi chuyển bi-đông rượu cho Passini.

— Bần quá, hẳn nói. Rượu ở trong bi-đông lâu quá rồi. Trong xe tôi cũng có rượu.

Họ ăn, cắn sát vào đĩa, đầu ngửa ra sau, hút vào miệng những đầu ống búa ma-ca-rô-ni. Tôi nuốt một miếng búa khác, ăn pho-mách và uống một ngụm rượu. Bề ngoài hầm có một cái gì rơi xuống làm rung chuyển mặt đất.

— Đạn súng 420 hay súng minnerwerfer, Gavuzzi nói.

— Trong những giây núi không có súng 420 đâu, tôi nói.

— Bọn chúng có những đại bác lớn kiểu Shoda. Tôi đã trông thấy những lỗ đạn.

— Loại súng 305 đấy.

Chúng tôi lại tiếp tục ăn. Có cái gì chuyển ục ục, một tiếng động giống tiếng đầu xe lửa chuyển máy, rồi một tiếng nổ lại làm rung chuyển mặt đất.

— Hầm trú ẩn này không sâu, Passini nói.

— Đây là loại đạn mỏ chĩa lớn phá hầm núp.

— Đúng đấy.

Tôi ăn nốt miếng pho-mách và uống một ngụm vang. Giữa những tiếng động tôi lại phân biệt được những tiếng ục ục nữa, rồi những tiếng rít chú... u... chú... u... chú... u..., rồi một đợt ánh sáng lóe ra tựa như miệng một lò lửa đột nhiên bật nấp, một tiếng găm, đầu tiên trắng xóa, rồi đỏ, rồi theo một luồng gió tím rất mạnh. Tôi cố gắng thở, nhưng hơi tôi bị đứt đoạn và tôi thấy như tôi đã hoàn toàn thoát ra khỏi chính tôi để bị gió đưa đi xa, thật xa. Cả người tôi tán lác rất mau; tôi biết tôi đã chết lúc ấy và cũng biết thật là một sự sai lầm khi tin rằng người ta chết như vậy không nhận thấy cái chết đó; rồi tôi tự thấy như đang trôi nổi chập chờn, và, thay thế cho cái cảm giác là mình tiếp tục bay đi, tôi cảm thấy lại rơi bịch xuống đất. Tôi thở được. Tôi đã hồi sinh. Mặt đất lún xuống và trước mặt tôi có một cái đầm nhà nát xác xơ. Đầu óc hỗn mang, tôi nghe thấy có tiếng ai kêu. Tôi tưởng nghe ai rú lên. Tôi cố động cựa nhưng không thể nào động cựa được. Tôi nghe tiếng súng liên thanh và những loạt súng dọc theo suốt bờ sông bên kia. Trong làn ánh sáng rực rỡ tôi trông thấy những đạn ô-buy lấp lánh bay lên, nổ tung, chập chờn trong không khí với những màu trắng xóa. Tất cả trong vài phút những tia đạn vút lên, và có những tiếng bom nổ. Tiếp đó, tôi nghe bên cạnh có tiếng kêu

HEMINGWAY SỐNG VÀ VIẾT

«Mama mia! Oh, mama mia!» (1). Tôi thụt vào, co quắp lại để có thể đuổi chân ra. Tôi đã có thể quay lại và sờ vào hắn. Đó là Passini; khi tôi động tới hắn, hắn rú lên. Hai chân hắn hướng về phía tôi. Trong những lớp ánh sáng và bóng tối xen lẫn nhau, tôi trông thấy cả hai ống chân hắn bị rập nát cho tới đầu gối: một ống bị đứt rời còn ống kia chỉ còn mắc lại nhờ những sợi gân và một miếng quần; cái khúc thịt ấy rút lại và co quắp dường như nó đã đứt rời hẳn. Passini cắn vào cánh tay rên rĩ: «Ôi, mama mia, mama mia!» rồi «Dio te salve, Maria. Dio te salve, Maria» (2). Ôi, Chúa Giêsu! xin Chúa hãy lấy linh hồn con đi; Lay Chúa Giêsu Kirixitô, xin hãy lấy linh hồn con đi. Mama mia mama mia! «Ôi, lay Đức Mẹ Đồng trinh Maria, xin hãy lấy linh hồn con đi. Đau quá. Đau quá. Đau quá. Ôi, Giêsu, ôi, nữ thánh Maria, đau quá. Ôi, ôi, ôi, đau quá!» Cuối cùng giọng hắn nghẹn lại: «Mama mia mama mia!» và hắn nằm im, răng vẫn cắn vào tay, khúc thịt cũng khế ghệt vì những phần xé.

— *Porta feriti*! (3), tôi dùng hai bàn tay làm loa gọi lớn. *Porta feriti!* Tôi cố tới gần Passini với hy vọng kẹp chặt mạch máu chân hắn lại, nhưng tôi không thể nhích được. Tôi lại cố nữa và lần này chân tôi dịch được một chút. Tôi dùng cánh tay và khuỷu tay lết lui. Passini không động cựa nữa. Tôi ngồi bên hắn, tháo khuy áo hắn và cố xé vạt áo sơ-mi của tôi. Không xé nổi, tôi ghé răng gắng cắn đứt viền áo. Chính lúc đó tôi nghĩ tới những giải xà-cạp ở chân hắn. Tôi mang tất len nhưng Passini chỉ còn có một ống chân. Trong khi cởi giải xà-cạp tôi Nhưng Passini chỉ còn có một ống chân. Trong khi cởi giải xà-cạp tôi nhận thấy đầu có thắt mạch máu chân Passini cũng vô ích vì Passini đã chết. Tôi thấy chắc chắn là hắn đã chết hẳn. Bây giờ phải tìm lại ba người kia. Tôi ngồi lên và lúc ấy có cảm tưởng như có một cái gì giầy giữa trong đầu tôi và tôi đập vào đáy mắt tôi, tựa như cái đối lực của cặp mắt một con búp bê. Tôi cảm thấy hai ống chân tôi nóng hổi và ẩm ướt; bên trong giầy tôi cũng nóng và ướt. Tôi hiểu rằng tôi bị thương. Tôi cúi xuống và muốn đặt bàn tay vào đầu gối tôi. Đầu gối tôi không còn đó nữa. Tay tôi đặt vào khoảng trống rỗng. Đầu gối tôi đã rơi đầu mất. Tôi lau tay vào áo sơ mi. Một chân nện kiểu la mã cháy sáng từ từ hạ xuống hằm. Tôi nhìn ống chân tôi và hoảng sợ «Ôi, Chúa ơi, tôi nói, các ông hãy đưa tôi ra khỏi đây». Dầu sao tôi cũng biết là còn ba người khác nữa. Có bốn người thì xế chừ gì? Passini đã chết. Vậy còn lại ba người. Có ai xốc tay nâng tôi dậy và một người khác đỡ lấy chân tôi.

— Còn ba người nữa, tôi nói, và một người đã chết.

— Tôi đây Manera đây. Chúng tôi đã cố tìm bằng ca nhưng không thấy. Trung úy có sao không?

(1) Má ơi! (2) Cầu này có nghĩa một lời cầu khẩn (3) Người khiêng bằng ca.

— Gordini và Ganuzzi đâu ?

— Gordini đang được băng bó ở trạm cứu thương. Ganuzzi đang đỡ chân anh đấy. Hãy bám chặt vào cổ tôi. Trung úy có bị thương nặng không ?

— Bị thương ở ống chân. Gordini bị sao ?

— Không hề gì lắm. Đúng là thứ đạn vỏ chia lớn phá hăm nóp.

— Passini chết rồi.

— Vâng. Hân chết rồi.

Một viên đạn ô-huy rơi gần chúng tôi. Cả hai người nằm úp xuống đất, buồng tôi ngã xuôi

— Xin lỗi Trung úy, Manera nói. Bám chặt lấy cổ tôi.

— Anh lại buồng tôi ngã nữa...

— Tại chúng tôi sợ.

— Các anh có bị thương không ?

— Có, cả hai chúng tôi đều bị thương nhẹ.

— Gordini sẽ có thể lái xe được không ?

— Không chắc.

Trước khi tới trạm, họ lại buồng rơi tôi lần nữa.

— Mấy anh khi già này, tôi kêu lên.

— Xin lỗi, Manera nói. Chúng tôi sẽ không làm ngã trung úy nữa.

Phía trước trạm cấp cứu, phần đông chúng tôi nằm dài dưới đất, trong bóng tối. Người ta đưa các thương binh ra vô. Mỗi lần tấm màn cửa được vén lên để người nào đó ra hay vô, tôi có thể thấy ánh sáng trong trạm. Những người chết được để riêng biệt. Các y sĩ, tay áo xắn tới vai, khắp người đỏ lôm như những tay đồ tể. Không có đủ băng ca. Một vài người bị thương kêu la rầm-rĩ nhưng đa số đều giữ im lặng.

Bên trên lối ra vào trạm cứu thương, những chiếc lá ở mái hiên run rẩy trong làn gió nhẹ. Đêm tối mát mẻ. Những người khiêng băng ca tới không ngừng. Họ đặt băng ca xuống đất bỏ thương binh ra rồi lại vác băng ca chạy đi.

(GIÃ TỪ VŨ KÍ, chương IX)

những giờ chiến đấu cuối cùng (1)

Người lão cứng đờ ; chỗ nào cũng thấy đau, lạnh ban đêm kích thích mọi vết thương mọi chỗ đau trên thân thể quá mệt mỏi của lão.

— Cầu cho đừng phải táng cho chúng nó nữa. Ta không muốn chút nào cả.

Nhưng đến nửa đêm cuộc chiến đấu lại bắt đầu. Lần này ông lão hiểu

(1) Nhà văn Mặc Đỗ đã dịch cuốn The old man and the sea ra Việt ngữ với nhan dịch Lão ngư ông và biển cả (Quan điểm, 1956). Đoạn này trích trong bản dịch của Mặc Đỗ diễn tả những giờ chiến đấu cuối cùng giữa ông lão và bầy cá mập đến ăn thịt con cá kìm.

HEMINGWAY SỐNG VÀ VIẾT

rằng không còn hi-vọng gì nữa. Lão phải chống trả với cả một bầy lớn. Không trông thấy gì khác ngoài những cái vây cá lớn trên mặt nước và những vết sáng dài theo đường bơi của mỗi con cá mập khi nó lao vào con cá. Ông lão đập vu vơ vào một vài cái đầu, lão nghe thấy những hàm răng va chạm vào nhau. Chiếc thuyền bị đội lên vì những cái lưng cá, chòng chành. Ông lão chống cự một cách thất vọng với kẻ địch mà lão chỉ nghe thấy và đoán chừng thấy thôi. Bỗng cái chày trên tay lão tuột khỏi tay : dường như có kẻ giằng lấy vậy.

Tức thì ông lão tháo cái tay lái ra, hai tay cầm lấy, cứ thế lão phang loạn sạ vào khắp nơi. Nhưng lũ cá mập ồm ồm kéo đến chỗ bánh lái. Lúc thì theo đuổi nhau, lúc thì cùng một lúc, chúng nhào tới con cá, giựt từng miếng thịt, mỗi khi chúng quay trở lại lần công nữa, những miếng thịt loé sáng dưới nước. Một con cuối cùng nhào tới, nó lặn sả vào cái đầu cá. Ông lão hiểu rằng thế là hết. Lão dơ cao cây lái và nện xuống giữa hàm của nó đương mắc vào những xương sụn ở đầu con cá. Lão nện hai lần, ba lần, mười lần. Cái cán gãy đôi. Lão tiếp tục nện bằng cái nửa còn lại. Lão thấy cây gậy chọc sâu vào người con cá mập ; cho rằng cây gậy rất nhọn, lão lại nện nữa. Con cá mập phải nhả ra rẫy chết. Đó là con cuối cùng trong đàn. Chẳng còn chút chi ăn được nữa. Ông lão thở rất khó nhọc ; trong miệng lão có một vị lạ lùng, nhạt và tanh mùi sắt khiến lão lo sợ lắm. Nhưng thế có nghĩa gì.

Lão khạc nhổ xuống biển và nói :

— *Alasos*, ăn đi. Để chúng mày tưởng tượng rằng đã giết chết một người.

Lão tự thấy thất bại rồi, hoàn toàn, không cách gì cứu gỡ. Lão quay ra phía lái : cái đầu cán không vừa với kẻ hổ đã đục sẵn ở lái. Bây giờ bánh lái theo hướng định đi. Chiếc thuyền bây giờ rất nhẹ, và ông lão mọi sự rồi. Lão chỉ còn nghĩ tới chuyện đưa con thuyền về tới bến, thật yên ổn, thật khôn ngoan, thế thôi.

Trong đêm tối vài con cá mập tới ngoạm vào b) xương như những người nghèo tới nhặt những miếng rơi vãi trên bàn ăn. Ông lão không lưu ý tới chúng nữa. Lão không còn lưu ý tới một vật gì ngoài cái vật quá nặng ở bên sườn.

Chiếc thuyền đã chịu đựng được. Còn toàn vẹn, không bị nứt mẻ một chút nào, trừ có cái tay lái. Chà ! cái tay lái thì dễ thay quá.

Lão đã đi trở vào giữa giòng nước ; lão trông thấy ánh đèn ở mọi bãi về bến bây giờ là một trò trẻ con.

Lão nghĩ : bở gì ta cũng có gió thuận rồi. Nghĩa là, ta muốn nói rằng thường thường như vậy, lão vội nói thêm như thế. Và còn biển cả nữa với những bè bạn và thú địch. Cái giường, đó là người bạn tốt ! Chỉ có cái giường. Lão nghĩ vậy. Nằm trên giường thì thoải nhất. Những cái

mất đi sao mà dễ dàng thế. Ta không bao giờ lại ngờ rằng dễ dàng đến thế. Nhưng cái gì đã sui cho mất mát như vậy ?

Không có gì hết. Chỉ tại ta ra quá xa.

Khi lão vào tới bến nhỏ, đèn ở quán đã tắt hết, lão biết rằng mọi người đã đi ngủ hết. Gió ngày càng lớn, thổi rất mạnh. Tuy ở bên nước lững, lão cũng đưa thuyền tới được chỗ những hòn đá nhỏ dưới chân núi. Vì không có ai giúp đỡ, lão bơi rẽ xa, rồi trèo ra khỏi thuyền và buộc thuyền vào một hòn đá.

Lão tháo cột thuyền ra, kéo buồm xuống gấp lại. Sau đó lão vác cột buồm lên vai và bắt đầu leo lên giốc. Lúc đó lão mới cảm thấy tất cả sự mệt mỏi ở chỗ. Lão ngừng lại một lát, quay cổ lại và ngó thấy dưới ánh một ngọn đèn, cái đuôi lớn của con cá kim cương đứng, còn cao hơn cả cái lái thuyền, Lão thấy rõ cái vết trắng tro tro của bộ xương sống, cùng với cái khối đen sì của cái đầu và cái khoảng rỗng không, tất cả cái khoảng trống rỗng đó.

Lão lại tiếp tục leo giốc. Lên đến đầu giốc, lão ngã khuỵu nằm co quắp, cái cột buồm ở ngang vai. Lão cố gắng đứng lên : thật là quá sức tàn của lão. Ngồi đó, tay giữ cái cột buồm, lão nhìn xuống đường cái phía bên kia một con mèo đi ngang, làm công việc của nó.

Sau cùng ông lão đặt cái cột nặng xuống đất rồi đứng dậy. Lão nhấc cái cột lên vai và tiếp tục đi. Lão còn phải ngồi xuống đến năm lần nữa.

Đến lều, lão dựng cái cột ở vách. Lần mò lão tìm được một chai nước, lão uống. Rồi lão ngã nằm xuống giường. Lão kéo mền lên vai, đắp chân và lưng. Nằm sắp bụng trên mở giấy báo, hai cánh tay đang thẳng, lòng bàn tay ngửa lên, lão thiếp đi.

(LÃO NGƯ ÔNG VÀ BIÊN CẢ, trang 118-120)

ái tình với thời khắc (1)

Robert Jordan nằm bên người thiếu nữ và ngó thời giờ trôi trên cổ tay chàng. Thời giờ trôi chậm chậm gần như không nhúc nhích gì cả,

(1) Đoạn này trích trong VI ai Chuông báo tử (For whom the bell tolls). Robert Jordan sắp lên đường thi hành việc phá cầu. Công tác của chàng rất nguy hiểm, dễ nguy đến tính mạng. Chàng và Maria nằm bên nhau một đêm cuối : chàng vừa ôm nàng vừa liếc nhìn đồng hồ. Trời sắp sáng rồi, chàng sắp phải từ biệt nàng .. Thời gian như ngừng lại, quá khứ lơ lửng lại mờ hết, nhường chỗ cho một hiện tại độc nhất. Những giờ phút này vừa say sưa, thần diệu vừa chưa xói đến rùng rợn.

Các bạn hãy để ý đến một kiểu hành văn rất đặc biệt của Hemingway trong đoạn này. Lời văn hào hùng, rộn rập, cuốn quít. Có lẽ Hemingway muốn lột tả cái tâm trạng bàng hoàng, sôi nổi, đau đớn của đời người trong lúc đó.

HEMINGWAY SỐNG VÀ VIẾT

vì đây là thứ đồng hồ nhỏ nên chàng không thể nhìn thấy sự chuyển dịch của cây kim chỉ giờ. Nhưng khi ngó cây kim chỉ phút chàng nhận thấy rằng nhờ ở sự chú ý chàng gần như theo dõi được nó. Đầu người thiếu nữ ngay dưới cằm chàng và khi chàng nhúc nhích để nhìn đồng hồ, chàng cảm thấy mớ tóc ngắn cọ vào má mình. Thật cũng êm ái, cũng sống động, cũng mượt như bộ lông con chồn khi ta đã mở bẫy rồi nó ra ôm nó vào người vuốt ve cái lớp lông lốm chốm. Cờ bóng Robert Jordan phồng lên khi má chàng cọ vào tóc Maria, và chàng cảm thấy một sự trống rỗng đau đớn trong tất cả người chàng, khi chàng ôm nàng trong tay. Chàng cúi đầu xuống, cặp mắt ghé vào đồng hồ nơi cái kim lần tính hình mũi tên lên chằm chằm ở phía trái mặt đồng hồ. Chàng phân biệt rõ ràng sự chuyển động đều đặn của nó trong lúc này, và chàng ghi chặt lấy Maria để sự chuyển động ấy chạm lại. Giờ đây đêm sắp tàn, chàng không muốn đánh thức nàng dậy nhưng cũng không thể để nàng yên. Chàng đặt môi sau tai nàng, lê môi dọc lên gáy nàng, cảm thấy một làn da mịn màng và sự đụng chạm êm ái của những sợi tóc nhỏ mọc trên làn da đó. Chàng nhìn cái kim trượt trên mặt đồng hồ và chàng ôm nàng chặt hơn, dùng đầu lưỡi đưa đẩy trên má nàng, trên vành tai nàng theo những đường vòng đến tận riềm tai em ái và chắc. Lưỡi chàng run lên. Chàng cảm thấy sự run rẩy đó tỏa ra khắp cái trống rỗng đau đớn của thể xác chàng và chàng nhìn kim đồng hồ chuyển từ vị trí một góc nhọn tới đỉnh để chỉ giờ đúng. Vì nàng vẫn cứ ngủ, chàng quay đầu nàng đặt môi mình lên môi nàng. Chàng để môi đó, khẽ cọ vào chiếc miệng phồng lên vì giấc ngủ, rồi chàng nhẹ nhàng khẽ vuốt môi trên chiếc miệng này. Chàng quay về phía nàng và cảm thấy suốt tấm thân dịu nhẹ của nàng run rẩy. Nàng thở dài trong giấc ngủ, rồi vẫn triển miên, nàng ôm chàng trong cánh tay, rất chặt, rất mạnh, và chàng nói: «nhưng em đau lắm».

Nàng trả lời: «Em không đau nữa»

— Nay, cừu con ơi

— Không, đừng nói gì cả.

— Cừu con của anh ơi.

— Đừng nói gì cả. Đừng nói gì cả.

Trong khi cái kim — mà chàng không nhìn nữa — trượt trên mặt đồng hồ, họ ôm chặt lấy nhau, biết rằng không có một cái gì có thể xảy ra cho người này nữa mà không xảy ra cho người kia, không có gì có thể xảy ra hơn cuộc tình này được; họ biết rằng cuộc tình duyên này là tất cả và là mãi mãi; quá khứ, hiện tại và cái tương lai xa lạ kia! Cái mà họ chẳng bao giờ nên có thì lúc này họ đã có. Họ có trong tương lai, và cho quá khứ và mãi mãi; lúc này, lúc này, lúc này; Ôi lúc này, ngay lập tức, cái hiện tại này, hiện tại độc nhất, hiện tại trên hết. Không có hiện tại nào ngoài hiện tại này, hiện tại, và cái hiện tại là nhà tiên tri của người. Hiện tại là hiện tại mãi mãi. Hãy tới đây lúc này, hiện tại, vì không có hiện tại nào ngoài lúc này cả. Phải, lúc này, lúc này, ta van người, lúc này, không có hiện tại nào khác ngoài cái hiện tại này.

LÊ HUY OANH

Và người ở đâu, và ta ở đâu, và cái khác ở đâu .. nhưng không có tại sao, không bao giờ có tại sao, chỉ có cái hiện tại này thôi, lúc này và mãi mãi, ta và người, mãi mãi hiện tại, mãi mãi hiện tại, lúc này mãi mãi một hiện tại ; chỉ một thời, chỉ một thời, không có cái khác, không có hiện tại khác ; một hiện tại độc nhất chuyển qua lúc này, nhỏ lên lúc này, trôi nổi lúc này, ra đi lúc này, lẫn lộn lúc này, bay đi lúc này, đi mất lúc này, đã xa trong lúc này, đã rất xa trong lúc này ; một (đực) với một (cái) bằng một, bằng một, một nữa, một mãi mãi... bằng một với sự thoải mái, bằng một một cách êm ái, bằng một với sự ước muốn, bằng một với lòng tốt, bằng một với hạnh phúc, bằng một với âu yếm, bằng một để thương yêu, bằng một trên trái đất, lúc này, những khuỷu tay chống tròn những cành thông bị chặt, chất đống bởi đêm tối, trong bóng tối và mùi nhựa thông ; trên trái đất, một cách vĩnh viễn, lúc này, và buổi sáng sắp tới Rồi chàng nói (bởi vì sự còn lại chỉ diễn ra trong óc chàng và chàng đã không thoát ra) : «Này Maria, anh yêu em và cảm ơn em.»

Maria nói : «Đừng nói gì cả. Tốt hơn hết đừng nói gì cả »

(VÌ AI CHUÔNG BẢO TỬ, chương XXXVI)

LÊ HUY OANH

trích dịch và giới thiệu

trước sau cơn địa chấn

1 DÃ THƯ

Ý se chỉ sợi ý buồn
Ý gian ngoan vẫn chầy nguồn kín bùng
Vạc tim tôi lửa sôi bùng
Mười beo chín cộp hủ rừng bầu nằng
Giác quan tôi nhào dây bưng
Tôi nghiêng tôi đổ ra thặng bạo thơ
Tứ chi tôi cũi cảnh khô
Vuốt nanh tôi cửa tôi vỗ trời cao
Quốc người tôi chữ tôi cáo
Con sâu ý cũ sỏi đảo tim tôi
Phất tay, chém núi chẻ đôi
Tôi mê điên bóp chết tôi hiền từ
Bồi dẫu tìm bấu suy tư
Tôi bằm tôi bỏ cho như người tôi
Ngó mình ruột hăm li ỏi
Tôi rung rung nhỏ lệ... rồi tôi cảm

2 HÓA THÂN

Đầu tôi nung ý đồ lần
Hóa thân cơn sốt đốt tan hình hài
Vén tay chẳng một chẳng hai
Tôi chầm đềm lửa đốt dài Hôm Nay
Vội khôn khéo có nợ này
Thêm trăm thế kỷ vẫn mây với lao
Lối lao lao cuộc lao đào
Tôi nghe rung chuyển tới sào huyết tôi

3 ĐỊA THIÊN

Quả đào chín vỡ làm đôi
Tôi nhân tiên sử năm phơi trần trường
Núi rừng chào hỏi chim muông
Tôi say tôi vượt trăm xuống lá vui
Rượu trần nút đã phanh khai
Tôi nghiêng tim rõ ngọt bụi liếng ru
Đất trời mở cuộc giao du
Đời sau địa chấn nở dù năm xanh

cung trăm lường

kỷ niệm

Tôi thức dậy sáng nay.
Hai tay choàng sự sống
Mùa thu về trên cây.

Mặt trời lộ chân tường.
Những tia sáng cuồn cuộn
Tôi ôm choàng sự sống

Rừng cây và chuyển di.
Những ngày đầu kháng chiến.

Trên bờ mương nước đầy.
Chiếc tàu chạy xuyên Việt
Trở lại thay màu sơn
Toa súc vật kín mít
Những họng súng đâm ra
Đồ giết người bốn phía

Tuổi trẻ ơi tuổi trẻ
Bờ mương đàn cá lóc
Tiếng súng nổ inh tai
Sự sống và muối chết

Này những lời rao truyền
Con chó ngao miệng loác
Đĩa ngục và thiên đàng

Thành phố ngái ngủ im
Em chịu lẽ sớm mai
Uống liền thuốc an thần
Giấc mơ chùng kỷ niệm
Để quốc với thực dân
Giấc mơ chùng kỷ niệm
Nhà tranh dân chó con

VƯƠNG TÂN

my châu

Ngựa trắng nằm phơi thân trên mỏm đá xanh
Ngựa hồng lang thang vào bão cát
Mây nổi bọt đầy trời
My châu ơi My châu !

Biên đau quặn sóng số gần vũ đài.

ĐỖ QUÝ TOÀN

con cá mập

SAO TRÊN RỪNG

Bây giờ nắng đã bắt đầu gắt như lửa đỏ. Không ai dám nhìn thẳng lên mặt trời. Mây trắng dần dần chiếm cả những khoảng trời xanh còn sót lại. Nắng to mới có ba ngày mà cũng đủ đốt hắc bộ mặt của biển. Cát khô ráo tràn xuống gần bờ nước. Ngoài kia, sóng nhỏ lăn tăn từng đợt đưa vào gây nên một âm thanh lạ lùng, đều đều, quều lẳng. Huyền, tuột nhanh cái áo sơ mi trắng chạy xuống nước tìm cách gỡ một con cá hanh khá to mắc vào lưỡi dao của Thanh. Con cá vùng vẫy để thoát thân nhưng hoàn toàn thất vọng. Mang nó phình ra thở vội vã. Nắng đốt cháy vào vết thương làm bầm đen vết máu tươi khi mới đem lên từ mặt nước. «Mày dám uống không? Rất bổ, rất ngon, rất sảng khoái», Huyền vừa nói với bạn vừa chụp con cá, bẻ vội hai cái vi nhon, nút máu nó một cách say sưa. «Rất bổ, rất ngon, rất sảng khoái», Huyền ngừng nút máu ngừng một về phía Thanh lập lại một đoạn câu nói. Thanh giả vờ như việc thường tình. Anh đến bãi cát nơi Huyền vừa để mấy con mọo nang anh vừa đâm được khi sáng sớm. Anh nhìn Huyền cười. «Coi chừng mưa đó nhé, máu cá đó không được tốt.» Nói xong anh hồi hận vì có thể làm giảm đi con sảng khoái của bạn. Trong cử chỉ, hành động, lời nói của Huyền, anh nhận thấy một sự tàn bạo, đã man làm anh nghi ngờ và ngạc nhiên nhiều về tâm tình của bạn. Anh hỏi nhỏ : «Máu cá uống ngon thật không, nó thế nào?» Huyền đáp ngay : «Béo và hay lắm». «Mày điên sao Huyền?» «Tập uống cho quen, ngon hơn sữa bò, tao không nói ngoa.» «— Mày bắt đầu uống từ hồi nào?» «— Năm ngoái.» «— Thôi nghỉ đi, tụi con Thủy, con Mộng, con Hà có lẽ sắp lợi đến phía tụi mình. Tụi nó mà trông thấy mày làm cái việc kia chắc chắn nó sẽ cho mình là đã man rừng rú.» «— Đừng tưởng, chính cái tụi đó mới đã man rừng rú, cái tụi có vú dơi Mày biết không?» Câu nói sau cùng của Huyền chấm dứt thì vừa lúc bạn con gái cũng vừa lợi đến.

Trông thấy Huyền, Thủy định hỏi thăm nhưng Huyền đã tìm cách như không hay biết gì sự có mặt đó. Thủy bây giờ là một bông hoa đã nở

CON CÁ MẬP

vào nhạc viện lớn nhất nhì bên Pháp, học được một năm rồi không hiểu vì sao cũng chán ngán bỏ luôn. Rồi đến cái tuổi kia, hắn cảm thấy cái vô vị trùm lên cả đời sống. Cuối cùng hắn ghi tên vào khóa sĩ quan hải quân và bây giờ đã là trung úy. Hắn có quyền điều khiển một chiếc tàu và hắn có quyền sinh sát đối với bọn thủy thủ khác đã tỏ ra ương ngạnh. Hắn đã bắn hai thủy thủ còn trẻ như hắn trên boong tàu và vứt xác xuống biển khi hai tên đó có ý phản nghịch. Bây giờ thực sự hắn không còn mơ ước gì trên đời nữa. Những lúc nghe chuyện đó Thanh nhìn thấy đôi mắt hắn như xéch lên, trông dữ tợn hoàn toàn khác ngày thường. — «Thật anh không còn ao ước một thứ gì khác nữa sao, bạn thân mến?» Thanh dịu dàng hỏi và thất vọng. Quen nhau không bao lâu thì tàu rời bến. Hắn say sưa một đêm với Thanh ở một quán ăn bên bờ biển. Nửa khuya sao đen, tím, trắng mọc đầy trời và mặt biển trở nên thâm u ghê rợn. — «Anh có nhìn thấy gì trong đêm không, anh có địa bàn cho lính hồn anh không?» Hắn say lú lú, không trả lời chỉ cười, và đêm đó tàu nhổ neo.

Sáng ra bọn gái điếm, vũ nữ ở quán ăn đó bàn tán không ngớt về hắn. Thanh tìm cách hỏi ban nhưng anh thất vọng vì không một ai nói cho anh biết điều gì cả. Anh chỉ biết chàng sĩ quan trẻ tuổi kia đã giết chết người bạn quốc tịch Anh và mang theo tàu. Không có gì đáng nói nữa. Nhưng sáng nay có một bọn thủy thủ trẻ tuổi lại đến đây, bắc ghế bố ra bãi cát nằm đọc sách có vẻ nghiêm trang như hắn và không đùa cợt hay chỉ tỏ vẻ trêu chọc bọn con gái tắm biển. — «Họ có giáo dục và lịch sự» Thanh nói với Huyền. — «Nhưng họ không có tuổi trẻ, họ là những xác chết.» Huyền đáp lại.

Bọn sĩ quan và thủy thủ kia chiếm vùng biển đẹp nhất, chỗ có quán ăn đẹp nhất, có bọn vũ nữ đẹp nhất. Bờ biển chỗ này sạch sẽ hơn ở đâu hết. Cát thì mịn và phẳng. Bờ nước thì cạn và đồ dốc từ từ thoải ra đại dương. Chưa nghe nói có ai chết đuối ở vùng này trừ vụ án mạng rùng rợn xảy ra hai năm về trước mà đến nay nhà chức trách chưa truy tìm ra thủ phạm mặc dù họ đã điều tra hết sức kỹ. Nạn nhân vụ án mạng đó và một nữ sinh một trường trung học. Thoạt đầu cô ta chỉ bị hăm hiếp thôi nhưng sau đó có lẽ vì cô ta chống cự la lối gì đó mà bị giết luôn. Người ta nghi ngờ hung thủ là một thanh niên có học thức, một sinh viên trường thuốc. Buồn cười là người ta đồn thanh niên đó đã lợi thắng ra một cù lao xa tít và chưa biết sống chết ra sao. «Tôi trông thấy chính mắt một bóng người con trai nhẩy ào xuống biển sau tiếng la cứu cứu thất thanh của nạn nhân. Tôi đã chờ đợi, rình rập mãi mà không thấy bóng người ẩn hiện ở đâu nữa. Hay họ chết luôn rồi cũng nên.» Đó là lời một vũ nữ đã về già và hiện là chủ nhân quán ăn chỗ gần nhất xảy ra án mạng. Sau đó ít hôm thì Huyền bị bắt. Người ta nghi anh chính là hung thủ. Anh im lặng để họ điều tra và sáng suốt tin ở công lý. Người anh của nạn nhân, thân nhân độc nhất có thể đứng ra kiện thủ phạm chính là Thanh. Thanh là bạn thân của Huyền. Thanh không thể nghi ngờ một chút nào ở Huyền dù mọi người vẫn tin như

SAO TRÊN RỪNG

vậy. Cuối cùng, dù muốn dù không, nhà chức trách đã theo dõi Huyền bắt Huyền thực sự, điều tra anh thật kỹ và hoàn toàn không tin gì ở những hành động ghê gớm đó có thể có ở nơi chàng thanh niên kia.

Một đêm tối, nhân danh sự cao thượng tuyệt đối của một người bạn chí thân, Thanh mời Huyền ra biển hỏi thực chuyện. Huyền đã danh dự thề rằng anh không hề biết gì chuyện ghê gớm đó. Và anh đã trách Thanh sao có thể nghi ngờ cho anh việc kia được. Thanh không biết nói sao đành chỉ xin lỗi Huyền. Năm sau, hai người đều học ở Sài-gòn. Thanh tuy chơi thân với Huyền nhưng cũng ráo riết theo dõi hành động của Huyền một cách kín đáo. Huyền biết được việc đó và tình bạn hai người tan rã. May thay Thanh hồi tâm suy nghĩ lại, bỏ ra ngoài tai tất cả lời đồn đại của thiên hạ, tin tưởng ở tình bạn cao cả của Huyền.

Nắng vẫn dịu. Trời mát và trong. Một buổi sáng đẹp lý tưởng. Bọn con gái đi xa quá khỏi chỗ mấy thủy thủ ngoại quốc ngồi đọc sách, uống la ve. Huyền và Thanh còn trông rõ bóng Thủy đằng xa, nhỏ lại và đẹp. «Bọn nó vô tư và sống đẹp, mày nghĩ sao Huyền?» «— Tao cũng nghĩ như mày, sống là phải sống như tụi đó. Đừng nghĩ ngợi gì hết, đừng lo lắng gì hết, đêch cần buồn chán gì hết, họ khôn ngoan thật!»

Thanh loay hoay tìm một sợi lạt để cột mấy con mực và con cá hanh lại. «Định làm gì với những thứ đó, Huyền?» «— Nhiều việc lắm», Huyền đáp «— Ví dụ?» «— Vứt chục bạc cho tụi ở quán trên kia nó luộc cho là có một bữa cơm ngon. Mực luộc ăn mắm chanh, lý tưởng!» «— Không ăn sống nữa sao, không uống máu nữa sao, tao chịu mày, hồi này giờ không ỏi hay sao?» «— Đã nói là uống máu cá khỏe lắm biết chưa?»

Sóng biển vẫn lăn lăn, gọi lên từng tiếng động nhỏ đều đều bất tuyệt. Bọn người đi tắm thả nhiên, vô tư đùa giỡn. Có những người lớn tuổi như sống lại thời thanh xuân. Họ chuyện trò buỵên não. Thanh chú ý đến một lão già, giáo sư một trung học trong tỉnh, đang tán tỉnh một vũ nữ trẻ tuổi ngồi đối diện.

Vừa lúc đó thì bọn Thủy, Mộng và Hà đã trở lại.

Thủy xin một con mực nang. Mộng cũng bắt chước xin một con. Rồi đến phiên Hà cũng vậy. «Còn con cá hanh là phần của các anh.» Thủy nói đùa. Huyền xách một con mực nang to nhất đưa cho Thủy. Mực bị động xỏ ra làm đen một vùng trên cát. «— Trông ghê quá anh nhỉ, không biết thứ đó dùng làm gì nhỉ? Trời sinh nhiều thứ cũng lạ!» «— Đề nó tự cứu thân khi lâm nguy, cô học vẹt vật hồi đệ thất, đệ lục không còn nhớ à?» Huyền trách đùa. Thủy mỉm cười: «à, à, anh còn nhớ dài quá, ông bác sĩ tương lai của nhân loại!»

Hà là đứa con gái ít nói nhất trong bộ ba. Hà có những tính tình khác hẳn Thủy và Mộng. Thế mà Hà vẫn có thể chơi thân được với họ. Người ta thấy ba cái bóng đó không lìa nhau ngay từ hồi mới học những năm đầu tiên ở trung học. Bây giờ Hà đã là giáo sư Anh văn. Mộng rủ ro hồng tuổi mấy năm phần hai và vẫn gan dạ tiếp tục thi. Thủy học được.

CON CÁ MẬP

Tuy học khác nhau, họ vẫn thân nhau. Họ đều gặp gỡ nhau ở một vài thứ trò vui, ước muốn tâm thường. Ví dụ cả ba đều thích xi-nê, đều thích tắm biển và lướt pho. Bởi vậy có dịp nghỉ là họ gặp nhau, tụ tập thành bộ ba chơi đùa với nhau như hồi mới quen biết nhau. «Tìm được một người bạn quả là hiếm, vậy mà bọn con Thủy, con Mộng, con Hà chơi với nhau thân từ nhỏ đến lớn, thật hạnh phúc!» «Đó là điều hiếm hoi và khó tìm nhất, người ta có thể quên đi tất cả những buồn chán khác trên đời này nếu người ta chơi thân được với nhau như vậy!» Thanh và Huyền không ngắt bàn tán về họ.

Tuổi nhỏ Thanh có rất nhiều bạn. Lớn lên mỗi người một sở thích, mỗi người một con đường, không ai giống ai hết, nên Thanh xu dần tất cả, trừ Huyền. Huyền khác Thanh nhiều điểm, nhưng tương đồng với Thanh nhiều điểm thâm sâu nhất trong tình cảm. Bởi vậy họ có thể chơi thân với nhau.

«Bây giờ phải làm gì? Có mang tiền đủ theo đó không?» Thanh hỏi. «Dù!» Huyền đáp. «Các anh cần tiền không, bọn này sẽ cho mượn!» Thủy xen vào. «— Cô có bao nhiêu?» Thanh hỏi. «— bao nhiêu cũng được miễn trả lại đáng hoàng». Thủy đáp. «— Nói đùa chứ bọn này không thiếu đâu» Huyền đáp thay lời Thanh.

Sóng vỗ lăn lăn chạy dài từng đợt nhỏ. Trời biển bao la như rộng hơn. Tự nhiên Thanh nghĩ nhiều đến đứa em gái xấu số. «Không biết bây giờ linh hồn nó ở đâu. Nó là một đứa con gái thông minh, nết na, tại số nó. Mỗi người có một số mệnh.» Thanh nghĩ thầm. Câu sau cùng Thanh nói lớn lên. «Mỗi người có một số mệnh» Thủy đùa lặp lại câu nói thật to với giọng hí hửng. Thủy vô tình làm Thanh chưa xót. Nàng tiếp: «Như những con mực nang và con cá hanh bị các anh đâm chết đây cũng có một số mệnh. Và anh Huyền sau này làm bác sĩ cứu nhân loại cũng là một số mệnh. Mà số mệnh anh Huyền thật quan trọng vì nó có thể cứu biết bao số mệnh của những người khác. Vậy từ đây anh đừng đâm chết cá nữa nhé!» Cả bọn cười ồ lên. Chỉ trừ Thanh. Anh đứng im nghĩ ngợi «Vô tình, vô tình!» Anh nói một câu bằng giọng tàn nhẫn của loài người là lắm cảm. Chưa bao giờ anh cảm thấy sự tàn nhẫn của loài người như lúc đó. «Một sự tàn nhẫn cần thiết» Anh chưa xót nghĩ như vậy.

Bây giờ nắng lên thực cao. Bọn thủy thủ ngoại quốc và bọn người tắm biển đã thừa dần. Trên biển chỉ còn lại những bác thuyền chài, những đàn vùng biển đang loay hoay ngời và lưới. Cả bọn năm người Thanh, Huyền, Thủy, Mộng, Hà ngoảnh ra biển vì chơi nghe những tiếng la hò vang dậy. «Chắc nhiều cá» Thủy nói. — «Chắc vậy». Mộng đáp. «— Thôi, xin mời hai cô đến quán dùng một bữa mực luộc với chúng tôi, ba con mực to tướng này hai chúng tôi không làm gì ăn hết. Biết khi nào còn có dịp may mắn và vui hơn, xin đừng ai từ chối.» Huyền vui vẻ mời tất cả bọn con gái. Thủy đáp nhanh: «Tôi xin thay mặt Mộng và Hà nhận lời ngay. Nhất là đối với anh Huyền, người đã có một số mệnh quan trọng vì có thể cứu biết bao số mệnh những người khác!» Cả bọn lại cười ồ lên.

«Tàn nhẫn, tàn nhẫn!» Thanh nói một mình vì anh tin rằng không ai hiểu tâm trạng anh lúc đó. Nhào sóng lẫn tăn gợn vào bờ, giầy khắc anh như nhận thấy lại một sự trùng hợp dị kỳ nào giữa những hiện tượng trong vũ trụ và cả trong tâm hồn người. «Có một sự gì bất biến.» Anh nghĩ thầm và tiếp: «Có một sự gì bất biến»

Rồi anh nhận thấy Thủy có lý, sự lựa chọn thái độ của Thủy đến giữa cuộc đời rất có lý. Anh nhìn lên Thủy cùng một lúc với Huyền. Hơn ai hết, anh thừa rõ cuộc tình duyên của hai người, cuộc tình duyên đã đổ vỡ và không đời nào còn hợp lại như xưa. Thủy đã biết chắc như vậy. Nhưng hai người thân nhiên. Ngày Thủy đi lấy chồng — tuy vẫn ghi tên học được — Thủy có đến tìm Huyền ở nhà riêng. Thủy thân nhiên trao lại cho Huyền tất cả những gì có liên quan đến kỷ niệm hai người. Huyền vì tự ái cũng lục soạn tất cả thư từ, hình ảnh của Thủy đem trả lại. Hai người đồng ý đốt tất cả và hứa coi nhau như bạn, như không có gì xảy ra, mặc dù Thủy chính là người đàn bà đầu tiên Huyền đã biết đến. Thủy có chồng kỹ sư và vẫn đẹp. Hai người có một đứa con gái khá dễ thương. Họ xây nhiều mộng đẹp. Rồi tình cờ ông kỹ sư chết. À, đó cũng là số mệnh. Thủy khóc mấy tháng ròng nên năm học được thứ nhất nàng đã hỏng. Rồi xui hơn, đứa con cũng chết sau một trận ốm lên miền. Lại cũng là một số mệnh. Hồi đó Thủy tưởng chừng phát điên. Nàng bỏ ăn bỏ uống, ốm như một que xương. Thế nhưng rồi đâu vào đó, Thủy lại bình phục và sắc đẹp trở lại như xưa. Khó lòng nhận thấy một sự thay đổi nào ở hình dáng người Thủy Thủy là một bông hoa đã nở đủ cả những cánh láo nhụy nhưng không tàn. Đó phải chăng cũng là số mệnh? Và bây giờ Thủy vẫn chơi thân với bọn Mộng và Hà. Thủy vẫn thích xí nê, vẫn thích tắm biển, thích đi lượn phố. «Sống như Thủy mới thật là sống, tao nói thật với mày không chút mỉa mai» Thanh nói với Huyền như vậy và Huyền im lặng. Anh không có ý kiến gì.

Bọn dân chài hò hét kéo lưới ở giữa biển. Những ghe nhỏ, ghe lớn ở đâu về giăng lưới khắp nơi «Có một con cá mập to lắm có lẽ đang bị mắc lưới nên người ta mới hùn nhau về giăng lưới từ phía, sợ nó thoát được thì thật là một sự đe dọa khủng khiếp cho chúng tôi. Nó đã hại hàng bao sinh mệnh. Nghe đâu thuyền của một người ở xóm tôi đã bị lật và đã chết mất cả gia đình cũng vì nó. Nó cứ lượn vờn trên mặt biển ở vùng này từ mấy năm nay. Nó, chính nó đó...» Một ông già ngồi khâu lại những mắt lưới nói với Thanh như vậy. Thanh cũng tâm sự lại cho vui: «Cuộc sống đầy gian nguy có làm cụ nào không?» «— Nản làm sao được bờ cậu tôi đã từng vào sinh ra tử với đại dương nên tôi coi thường tất cả.» Bây giờ bọn Thủy, Mộng, và Hà cũng xúm lại gần ông lão nghe chuyện. Thủy hỏi: «Thưa cụ, bây giờ cụ sống có một mình hay sao?» Ông già chưa kịp đáp thì Mộng đã hỏi tiếp: «Thưa cụ, cụ ăn cơm ở đâu?» Hà đập nhẹ tay vào vế Mộng: «'Tôi như trẻ con, không thấy kỳ cục sao!» Ông già ngẩng lên nhìn mặt từng đứa con gái. Nét mặt của ông không cho phép Thanh đoán được một thứ tình cảm nào.

CON CÁ MẬP

Nhưng có lẽ là ông đang hân hoan sung sướng. Một thứ không khí mát mẻ, tươi tắn của tuổi trẻ đang vây quanh lấy ông làm ông như được tiếp thêm sinh khí. Thanh nhìn Huyền như muốn nói một điều gì khó nói lắm. Rồi như tìm không được chữ đề diễn tả, anh lại thôi. Anh biết không bao giờ còn nói với Huyền điều đó. Một thứ gì hiện đến rồi mất đi như những đợt sóng nhấp nhô của nắng. Những thứ này sẽ đi về đâu, không ai biết. Vừa lúc này Thủy hát nhỏ trong miệng mấy câu tiếng Anh trong bản «One day». Nàng nhớ khi còn nhỏ nàng cũng đã nghe một người cậu hát bản này. Nhạc xưa quá nhưng vẫn còn hay. Nhiều lúc nghe lại chỉ muốn khóc. Thanh không hiểu vì sao một người như Thủy lại có những phút giây rung cảm như vậy. Anh chơi với Huyền, biết Huyền khác tính mình và có những điều ưa lúc đó hết sức kỳ cục nhưng anh vẫn mến. Điều đó khó nói. Vừa lúc đó cả bọn con trai, con gái nhìn lên trên đường thấy một cậu bé độ mười lăm tuổi đang mang một khúc bánh mì có kẹp thịt xuống cho ông lão. Nhân tiện ông lão nhìn lên bọn con gái đáp lại một câu hỏi của họ mà ông chưa có dịp trả lời: «Đây, cơm cơm.» Mộng hỏi: «Ở ngoài đảo có ai không thừa cù?» «Tôi sống một mình. Hai đứa con trai tôi đã chết mất xác trên biển. Một đứa vì trận bão năm kia. Một đứa vì cá mập, à... à... có lẽ con cá kia.» Ông lão vừa tát vạt chỉ tay ra biển, rồi ông tiếp: «Nay mai rồi cũng đến lượt tôi.» Thanh và Huyền đồng nhìn chăm chú ông lão. Chưa bao giờ họ nhận thấy ông lão có cái vẻ đạo sĩ như lúc này. Họ tưởng tượng một cuộc đời không rối rắm, phiền phức. Huyền vỗ vai Thanh nhìn ra biển: «Theo tao, ông cụ là người đã đi trên sinh tử, mày nghĩ sao?» Thanh không trả lời. Anh nhìn ra biển xa, tưởng tượng đến túp lều cỏ đơn của ông lão, đến chàng sinh viên đã giết người lợi ra đó một đêm khuya, đến cử chỉ đã man rợ rú của Huyền khi uống máu cá, đến đứa em gái yếu mệnh, đến anh bạn thuyền trưởng người Pháp... và tự nhiên mây đã khô và anh sắp đi về. Cử chỉ đột ngột ấy làm mọi người cười rộ lên. Thanh nói nhảm trong miệng: «Không ai hiểu gì hết, không ai hiểu gì hết»

SAO TRÊN RỪNG

những thời kỳ sắp tới

cơm ăn
và bánh mì
những nỗi buồn của trời
trao lại cho em
ôi việt nam việt nam
con chim khuyên bé nhỏ
chiếc khăn quàng trắng đục

anh cúi hôn xuống lòng lay kho
những đốt dài bất hạnh
đem trở lại bằng một phiến lưng đen
thân thể kẻ điên rồ cúi xuống
trận mưa lũ đầu năm
ôi việt nam việt nam
con chim khuyên bé nhỏ
tiếng than dài quá khứ

anh sẽ ném em cho cá sấu
cùng với một chiếc hôn
vòng hoa nữa
trông ái tình tan thành khói bay lên
mà núm lòng hãy nhớ
trái măng cụt với màu nâu của tóc
ôi việt nam việt nam
con chim khuyên bé nhỏ
một mặt trời rực rỡ.

mặt trời ôm anh đi trông ngổ hẹp
tim bạn bè bấy tổ nỗi đón đau
và kể chuyện chú lùn mẹ gái đẹp
sống chuỗi ngày rên rỉ vết thương chung
nói ra cho mọi người cùng biết
rằng việt nam việt nam
chú chim khuyên bé nhỏ
lời kêu gọi thiết tha

ta sẽ vì con mà khoan khoái chết.

điệp khúc chim

con chim sơn ca bay đi rồi
còn lại bằng khoảng trong hồn tôi
hồn bức tường căn nhà sụp xuống
và chôn luôn đôi mắt của người

con chim sơn ca bay đi rồi
còn lại cô đơn trong hồn tôi
trái tim này hôm qua ở đó
thời bấy giờ lấy dao chia đôi

con chim sơn ca bay đi rồi
còn lại đau thương trong hồn tôi
với thân thể quanh hiu vừa âm默默
bàn chân non gái góc đâm chồi

con chim sơn ca bay đi rồi
còn lại ẩn nấp trong hồn tôi
một buổi sáng bỗng thấy mình vô cánh
hóa thành chim bay đi khắp nơi.

đặng minh châu hai

còn gì không còn gì không em
trong giấc mơ lúc xoã của rừng
giòng sông thừa chảy lời
và nỗi buồn lớn khôn

buổi chiều xăm con phố hoá hưng này
những vũng nước báo hiệu mùa mưa sớm
nỗi ngu dần có biết dành thời
gạch ngói hai bên mỗi ngày khôn nạn

còn gì không còn gì không em
vườn hoa những đêm sao đầy hồn
với hồn đầy hối lỗi
đi một mình miệng nhắc lên luôn

là những điều anh chưa bao giờ nói
cùng với những điều anh chót nói ra
mức thiếu thời của một lần nhắc lại
liếc thương và ân hận cũng dư

còn gì không còn gì không em
những chiếc hôn đầu chưa biết hôn
bằng lên lút anh ghé vào, rất nhẹ
một tình yêu rất đổi mong manh

còn gì không liệu còn gì không em
trong giấc mơ đã hết rừng và tóc.

TRẦN ĐỨC UYÊN

sự tưởng tượng trong hội họa

NGUYỄN TRUNG

Trước, tôi có dự hai năm (hai năm nhưng cộng lại chỉ có vài giờ thôi) về thẩm-mỹ-học. Người dạy tôi có bằng cấp về triết. Và tôi thấy ông ta không hiểu gì về thẩm-mỹ hết (tôi không nói phách đâu!) nên tôi rút lui. Bây giờ tôi có vài anh bạn cũng học triết, rất sinh về mỹ-thuật và cũng không hiểu gì về thẩm-mỹ hết, mặc dầu họ đọc rất nhiều. Để kết luận, tôi cho là về mỹ thuật không phải học là biết. Phải có khiếu và luyện cái khiếu đó. (Đây tôi chỉ nói về phương diện thưởng thức thôi) và mấy người có nhiều bằng cấp mà không ý thức được những điều mình học, thì tôi coi như hãy còn u-mê, chưa phải là trí thức. Đó là mấy con kết đang học nói.

Mấy con kết đang học nói đó có lần bàn về nghệ-thuật, trong đó có sự tưởng tượng trong hội họa. Lẽ tất nhiên là chúng ta được nghe nói rất bùi tai.

Hôm nay, tôi cũng bàn về chuyện đó, nhưng xin các bạn chịu khó nghe, vì không được bùi tai cho lắm.

Đọc trong cuốn « L'Imagination » (que sais-je P.U.F.) của Jeanne Bernis, tôi thấy tác-giả cho là sự tưởng tượng được nổi bật vai trò của nó kể từ cuộc vụng dấy của hội họa, tức là từ ấn-tượng trở về sau, trong đó Cézanne, V. Gogh, Gauguin giữ vai quan-trọng. « Màu sắc mang tư tưởng của V. Gogh và Gauguin khiến cho từ công việc của họa sĩ nảy ra một biểu tượng của cá-tính ». Và đây là lời của V. Gogh : « Tôi tìm cách diễn tả rằng quán cà-phê là một nơi mà con người ta có thể suy-lần, trở nên điên hoặc sát nhân ». Theo Gauguin thì « nghệ-thuật là một trừu-tượng lấy từ một sự vật ». Nhưng người ta thường lầm rằng trong nghệ-thuật cổ-diễn, sự tưởng tượng đã bị chi-phối bởi những sắc độ, những hình-thể gò-găm. Theo tôi thì những bậc thầy cổ-diễn đã tỏ ra xuất-sắc trong sự diễn-đạt những trừu-tượng của nội-tâm. Giotto, Le La Tour, Rembrandt, El Greco, Vinci... có những tưởng tượng mạnh mẽ và thành-thật, khiến từng cá tánh nổi bật lên và gây ảnh-

hường không ít cho hội-họa mới, nhất là El Greco. Hội-họa lập thể là một trường có sự tưởng-tượng khá dồi dào nhưng trở nên khô-khan, vì trước hết, nó được diễn đạt bằng một tinh-thần hết sức là khoa-học, thứ nữa là nó cho người ta thấy cái vật chất nặng nề mà rất ít thấy cái trừu-tượng của sự vật qua từng người một. Hội-họa trừu-tượng hiện đại, trong đó Hartung đại-diện, có một tinh-thần chống đối hẳn cái vật chất nặng nề của lập-thể và đi gần với tinh-thần phóng bút của Trung-Hoa. Thường ở hội-họa, cái hình-ảnh của sự tưởng-tượng của họa-sĩ được biểu diễn bằng những đường viền bao bọc những hình-thể, màu sắc không nắm phần chủ-động trong sự biểu-lộ mà chỉ tô-điểm. Ở hội họa trừu-tượng chỉ thấy những tiết-điệu của từng nét; nó chỉ cho ta ấn-tượng về sự chuyển-động nào đó. Thành ra sự tưởng-tượng của người họa-sĩ trừu-tượng không tạo ra được *nội-điểm* lựa cho sự tưởng tượng thứ hai của người thưởng ngoạn.

Người ta cho là phải siêu-thực, nhất là ở lĩnh-vực thơ, là có những tưởng tượng dồi dào nhất. Tôi cũng thấy vậy, nhưng phần nhiều là những tưởng tượng giả hết, trừ vài trường-hợp như Chagall.

TRƯỜNG-HỢP CHAGALL.

Thiệt ra thì tôi biết rất ít về Chagall. Đó là điều đáng tiếc-cỡ cho một người làm hội-họa, một người viết về hội-họa và nhất là lại viết về Chagall. Tuy vậy tôi cũng hiểu được đôi chút về nhà danh-họa này qua những tác-phẩm được in lại trong mấy quyển sách viết về ông ta. Hiểu được một nhà nghệ-thuật nào, dù là một chút, cũng không phải là chuyện dễ. Nhưng Chagall đã rất dễ dãi với chúng ta, đã mở tất cả cửa tâm-hồn mình cho chúng ta, không phải bằng lời nói, mà bằng thiên tài hội-họa.

Nhiều người đã coi Chagall như là một họa-sĩ siêu-thực (Apollinaire lần đầu tiên khi xem tranh Chagall đã thốt lên «Thật là siêu-thực») Tôi thì không biết Chagall có cố ý siêu-thực như thế không, nhưng thấy rằng tranh của Chagall không mang tính-chất của những tác-phẩm siêu-thực khác. Một đằng thì đầy những mơ-mộng, hồn-nhiên, đầy những lời an- ủi ngọt ngào, đầy những dạ-khúc mê-mẩn; còn một đằng thì nặng nề những lý-trí, làm nhưc đầu nhưc mắt người coi tranh.

Tôi chưa thấy có họa-sĩ nào có sức tưởng-tượng dồi-dào như Chagall. Một sức tưởng tượng rất là tri-thức mà hồn-nhiên, chân-thành, ở đó tất cả cuộc đời mình, tự bên trong lẫn bên ngoài đều được gói ghém. Sức tưởng tượng đó đòi hỏi một hình-thức mà người ta gọi là siêu-thực, một hình-thức nặng về lý trí. Vậy mà tranh Chagall người ta quên cả cách sắp đặt khác thường của ông ta, quên cả cái phần «xác thật» của bức tranh, mà chỉ nghe thấy Chagall đang kể chuyện với mình, những câu chuyện đầy mơ-mộng, ngây thơ, hơi thoảng buồn dù là một chuyện vui. Tôi thấy ông ta trình bày những câu

SỰ TƯƠNG TƯỢNG TRONG HỘI HỌA

chuyện trên dễ dàng quá. Tuy vậy không phải là sự dễ dàng cái kiểu tài-tử đâu.

Tôi đã nói là biết rất ít về Chagall. Chỉ biết là ông có một sức tưởng tượng mãnh liệt và một thiên tài khiến cho người coi tranh chỉ thấy tâm sự của Chagall mà quên hẳn cái kỹ thuật, mà kỹ thuật vốn là một cản trở lớn trong nghệ-thuật.

NHỮNG TƯƠNG TƯỢNG GIÀ

Ở cuộc triển lãm Mùa Xuân, năm nào tôi đã quên mất, có mấy họa sĩ vẽ lập thể, siêu thực... Mấy người bạn đi xem tranh chung với tôi ngừng lại rất lâu ở những bức tranh này và suy nghĩ. Những cái gì gút mắc ở trên đời này đều làm ta chú-ý, nhất là những gút mắc lại được mệnh danh là nghệ-thuật và đối tượng của nó là mấy con người được mệnh danh là trí thức. Tôi ghét mấy cái gút mắc đó hết nước nói cũng như tôi ghét cái anh chàng họa sĩ lâu cả nào đó vẽ làm bậy để gạt thiên hạ ; tôi muốn có gì trong tay để bôi đen mấy cái tranh đó thì há dạ biết mấy.

Cái người xem tranh, cái người sáng tác tranh nói trên đóng kịch nhiều quá. Nhưng họ không biết những hành-dộng dơ dáy của mình đâu ; không hay biết gì hết, chắc chắn như vậy. Tôi hy vọng một ngày kia họ sẽ nhìn thấy, nhưng mà khó khăn lắm ; họ sẽ giật mình quay lại, họ sẽ khờ sở, họ sẽ đổ mặt lên vì mắc cỡ, vì tức giận mình. Và tự hỏi làm sao để tránh những trò lố-bịch đó.

Bây giờ, trước hết mình nên tìm hiểu nguyên do của những hành-dộng phi-thường đó. Không có gì hết. Chỉ tại bất tài và không chịu khổ. Tưởng rằng hề thích là được. Tưởng rằng hề khoái làm nghệ-sĩ là nhảy vô làm liền. «Thì một cái khung và mấy cái blob nguệch-nguợc ở trong cũng kêu là bức tranh, ít nhất nó cũng là bức tranh». Nhưng mà gạt mình chớ gạt thiên hạ đâu được. Tôi biết mấy người họa sĩ kể trên trong lúc làm việc họ làm tăng hơn ai hết. Họ lập lại trong bụng và sẵn sàng lập lại cho bất cứ ai những câu của các bậc thầy, thí dụ đại để như bất cần thiên-nhiên, phải vẽ theo sự rung cảm của mình, theo sự tưởng tượng của mình. Vậy họ tưởng tượng và vẽ ra. Những tưởng tượng của họ thật là siêu phàm. Tôi có anh bạn làm hội họa dở, nhưng tưởng-tượng thì thiệt là tài tloh. Các bạn có thể tưởng tượng ra «sự phi lý của không gian» là cái gì không ? Vậy mà anh bạn tôi đã tưởng tượng nổi và vẽ thành tranh hẳn hoi. Tôi không biết phải tả cho các bạn thấy bức tranh ấy như thế nào. . Anh ta tưởng tượng ra một hình thù lạ lùng (dù nó xấu-xí cách mấy cũng được, miễn là thời) và đặt tên cho nó là không gian. Cái hình-thù được đặt tên là không gian đó, anh cho nó «chát xiệc» một hồi với cây cọ của anh, một lát nó trở nên phi-lý thật. Vậy là sự phi lý của không gian... Thường mấy người họa sĩ khác ngiệt. Khắc ngiệt là vì theo họ phải làm cho những hình thù

xấu-xí đi thì mới có nghệ-thuật. Họ đã nhìn thoáng qua (có khi nhìn rất kỹ, nhưng cái kỹ đó chỉ có bề ngoài) những tác phẩm in lại của các bức thầy hội-họa và có ý-niệm như vậy. Và sự tưởng tượng của họ về vẻ thâm-mỹ của sự vật không có gì làm tiêu chuẩn; nó chông chênh giữa những sự lạ lùng và không biết dừng ở đâu. Vì không nắm được cái tinh thần của hội họa mới, nên cái thiên-phú — nếu có — của họ không thừa lĩnh được; nó bất-lực trước thực-tế và không sai khiến được sự tưởng tượng. Công việc mới đầu của người họa sĩ là chọn lựa những tiêu chuẩn cho sự phát-triển tài-năng chứ không phải sáng tác (tôi sẽ nhắc lại ý này ở đoạn sau).

Sự tưởng tượng buồn cười trên chỉ là kết quả của sự thiếu thành thật và giáo dục (Sự giáo dục của mình với chính mình, đòi hỏi cái thông minh nó cho ta những bất chợt chớp nhoáng và sự trau dồi liên tục). Những người bạn đi xem tranh với tôi ở phòng triển lãm Mùa Xuân cũng thế. Nếu họ được giáo dục thẩm mỹ từ thuở nhỏ, nếu họ chịu khó làm quen với cái đẹp, những cái đẹp luôn luôn có mặt (không kể ở thiên nhiên) ở những nghệ phẩm có « giá trị thực thụ » thì có lẽ họ tránh khỏi được lối làm trò kỳ cục đó. Tôi nhấn mạnh ở « giá trị thực thụ » bởi vì có nhiều điều sai lầm khi người ta thực hiện sự giáo dục nói trên. Tôi nhớ có lần Nha Mỹ Thuật học vụ đã thực hiện công việc đó cho quần chúng mà nhè mang những bức không biết có gọi là tranh được không ra triển lãm. Làm việc đó, nếu quả thật Nha Mỹ Thuật học vụ có ý xây dựng trong việc giáo dục thẩm mỹ thì thật vô ý thức và hậu quả tai hại không nhỏ. Bởi vì giáo dục thẩm mỹ là làm sao cho người ta có trong đầu một tiêu chuẩn về cái đẹp, cho sự phán đoán của giám thức có một chỗ tựa; như thế cái tiêu chuẩn, cái chỗ tựa bất định không phải là mấy cái tranh hạng bét, bần thiêu kia... Với lại các bạn đừng lầm là muốn biết được thế nào là đẹp thì phải được giáo dục ở trường Mỹ thuật. Trường Mỹ thuật là nơi cho những người muốn học cho biết nghề. (Những người có thực tài thì họ tự luyện lấy nghề mình). Ở đó các bạn được chỉ vài cách thức sơ đẳng không có gì là trí thức như các bạn mơ mộng, tưởng tượng hết (cũng lại tưởng tượng lý như người xếp ga-ra dạy anh học nghề phải vặn bù loong chặt chỗ nào, lỏng chỗ nào. Vậy đó. Rồi họ vẽ như cái máy, không biết thế nào là đẹp là xấu hết. Trí tưởng tượng của họ thiệt là nghèo nàn hoặc nếu giàu có thì trí tưởng tượng phần nhiều già hết. Và họ coi tranh như kiểu thầy giáo bắt lỗi chính tả học trò vậy. Anh Thái Tuấn có nói chuyện với tôi là mấy người không có ở trong giới hội họa có cái nhìn nhiều khi « sù » hơn mình. Tôi cũng đồng ý. Nhưng có một điều là với cái nhìn « sù » của mấy người có giám thức tốt đó (giám thức, cái nghĩa theo Đào Duy Anh là biện biệt cái hay cái đẹp của sự vật), chỉ để dành riêng cho chính họ thôi, chỉ để mang lại cái đại hạnh phúc — thưởng thức được cái đẹp của nghệ phẩm là một đại hạnh phúc — cho chính họ thôi. Nếu lý mà những người đó có lỗi bưng, muốn san sẻ cái đại hạnh phúc đó cho kẻ khác, nghĩa là họ muốn

SỰ TƯƠNG TƯỢNG TRONG HỘI HỌA

giải thích cái đẹp cho kẻ khác, thì lỗ bịch lăm; họ phải đem những cái tương tượng giả ra chộ kẻ khác, bởi họ có biết nguyên do nào làm cho họ thích thú trước tác phẩm nghệ thuật, hay nói cách khác, họ có biết do sự cấu tạo huyền diệu nào khiến nghệ phẩm có bộ mặt rạng rỡ đáng yêu như vậy đâu!

Thường thường trong các phòng triển lãm, tôi bắt gặp nhiều người đi theo một người khác đang giải thích tỉ mỉ từng bức tranh. Tôi tội nghiệp cho cả hai đảng. Một đảng đang động trờ lương gặt một cách thật lòng. Một đảng ngây thơ và chịu khó. Chung quanh bức tranh, dù là bức tranh không có chút gì nghệ thuật, được nam một thứ gì huyền hoặc bởi sự tương tượng giả của mỗi người. Người đóng trờ tưởng là mình đang thủ vai vén cái màn huyền hoặc đó (chắc hẳn đó là một vai quan trọng) những người khác đang háo hức đợi cái màn huyền hoặc do họ tưởng tượng đó được vén lên (hẳn là hơi hợp lăm).

NHỮNG TIÊU CHUẨN

Đoạn trên tôi có đề cập về *những tiêu chuẩn cho sự phát triển tài năng*. Bây giờ tôi xin khai triển về ý đó ở khía cạnh *những truyền thống trong nghệ thuật*. Đó là tựa của một bài ngắn trong quyển « *Préliminaire à l'Esthétique* » của Alain. Alain là một triết gia, nhưng viết về nghệ thuật bằng một giọng hết sức sáng sủa, tế nhị và thực nghiệm. Ý của bài này cũng không có gì mới (Trong Văn nghệ Mới, anh Thái Tuấn có nhắc đến, cũng như trong *Thế kỷ hai mươi* tôi cũng đã nói đến một lần) hoặc giả, chúng tôi đã vô tình ảnh hưởng Alain trong những sách vở rải rác ở đâu đó, nghĩa là chính chúng tôi làm tiếng vang cho Alain và Alain là người tiên phong trong ý niệm về truyền thống trong nghệ thuật nói trên. Việc đó không có gì quan trọng; điều quan trọng là khi làm nghệ thuật, khi đọc đến những dòng mang ý tưởng của Alain, chúng ta đã hành động như thế nào, hoặc chúng ta đã hiểu như thế nào về tinh thần ấy. Tinh thần ấy gói ghém trong câu này của Alain: « Trong lúc mấy thằng điên sáng tạo, những người khôn chép lại. » (Ý này, trong một cuộc điều tra về đời sống các họa sĩ đang chờ thời ở Paris, một ký giả đã nhắc lại: Những người trẻ thì ghi chép chờ khoan sáng tác). Khi câu này đọc lên, tôi chắc hẳn có hai loại phản ứng như sau: Phản ứng thứ nhất là của những người trẻ, chủ trương làm mới, giải thoát cho nghệ thuật, nghĩa là chủ trương cách mạng hoàn toàn trong nghệ thuật. Những người này sẽ la lên đập bàn, đập ghế và bỏ tóc bù xù, đồng đặc lên tiếng:

— « Không thể được. Không thể nào dung nổi bọn cổ điển; phải có một bút pháp hoàn toàn mới mẻ, nhất định không để ai gây ảnh hưởng dù là một chút, chớ đừng nói chuyện chép lại. »

Và tác phẩm của họ nếu không là những cái gì dị thường thì cũng thô kệch, thật thà như những người chưa có một chút gì văn minh trong đầu hết.

Còn phần ứng thư hai, dĩ nhiên là của mấy ông già, hoặc nếu không phải mấy ông già thì cũng là những người có bằng cấp. (Những người này nếu rỗi mà họ có ý làm mới, thì cũng làm một thứ làm dáng vô duyên thôi!). Họ sẽ hưởng ứng câu nói của Alain, nhưng với một sự hiểu lầm đáng thương!

— «Đúng rồi. Chỉ có mấy bằng diên mới vẽ phá»

Nhưng theo những người này thì không vẽ phá có nghĩa là làm sao chép cho đúng sự thật, làm sao đúng phản sự thật. Và sự *thật* của họ có nghĩa là những gì hiển-hiện trước mắt mình. Họ thiếu mất, họ không biết đến cái sự thật trừu-tượng ở bên trong. «Sự thực ở bên trong mới đúng là sự thực» như Chagall nghĩ. Tranh của họ sẽ có những hình-thức rập theo những ông thầy cũ, từ đời này nối tiếp đời khác.

Tôi rất ít được xem tranh của mấy người xuất-thần trường Mỹ-Thuật Việt-Nam, từ khi mới thành-lập lời giờ, nhưng có được coi mấy cái tranh lụa — (mà những người trong trường đã coi như là một thứ nghệ phẩm đặc biệt của Việt-Nam, và mỗi khi có cuộc trưng bày quốc-tế nào thì những thứ đó được mang ra ưu-tiên, và vô-tình người ta đã coi như một thứ thủ-công-nghe, chỉ vụ vào việc lạ mắt người ngoại-quốc chứ không phải việc chứng tỏ nghệ-thuật của mình) mấy cái tranh lụa của trường Mỹ-Thuật Gia-Định, ở đó mấy người học trò đã làm hết sức ngoan ngoãn theo những lời chỉ bảo của ông thầy. Những lời chỉ bảo hẹp hòi, cố chấp sai lạc, những sự nghe theo mù-quáng, hoặc vì vô ý thức, hoặc vì sợ trượt v.v... Những lời chỉ bảo đó, các thầy của họ đã phải vâng lời của những người thầy trước và cứ thế từ đời này qua đời khác. Và đó cũng là cái tinh-thần mà họ hiểu theo câu nói trên của Alain.

Phản-ứng của loại người thứ nhất vì ý-thức một cách sai lầm sáng tạo. Nhưng cả hai người kể trên đều tự ý mình cản bước tiến của mình không ít. Người thì không bao giờ chấp nhận một ảnh-hưởng nào của ai, người thì nhất định theo nguyên những bậc thầy trước. Ảnh-hưởng là một sự việc tất có ở người nghệ sĩ chân chính. Đời sống của chính bản thân mình một chuỗi dài ảnh hưởng; nền văn-minh nhân loại cũng thế; và nền văn minh văn tiến, nghệ-thuật văn tiến là nhờ con người đã biết cộng những ảnh-hưởng, những truyền thống với những *tưởng tượng* mới và diễn biến để thành những khám-phá liên tục.

Những người theo khuôn-khổ trường ốc thì cứ khư-khư giữ những truyền-thống cũ mà không biết cộng thêm sự tưởng tượng của cá tính để sáng tạo. (Đó cũng là nguyên nhân của sự sụp-đổ của nền văn-minh Trung-Hoa). Còn những người chủ-trương phá bỏ và làm mới hoàn toàn đã không biết xây-dựng cho nghệ-thuật bằng một truyền-thống để hỗ-lúc cho sức tưởng tượng dồi dào của mình. (Những trường phái mới cho ta thấy sự tưởng tượng của người thực-hiện dồi dào như thế nào!) Và đó cũng là nguyên-nhân sự chết-yếu của một vài phong-trào nghệ thuật quá-khích vậy.

NGUYỄN TRUNG

chim nhỏ

Những chiếc lá của mùa thu
loài chim di màu xám
đương lan vào đêm đen
ôi đêm đen
giấc mộng nào đã làm tôi tỉnh dậy
Và trên không từ một trời cao
thả xuống linh hồn này từng vùng lũng tối
xuyên cánh đồng dorm lửa đầu tiên
báo tin một vì sao lạ thế
một đám tang cử hành ngoài vô biên
trên lối đi hoa rắc thành bụi nhỏ
con chim không kêu, gục đầu cỏ úa.
Khi mỗi tiếng mình tan vào thinh không
đời sống ngăn lại như một sợi bắc đèn
rồi đôi chân của núi
dẫn tôi đi dạo vòng tròn
đi dạo vòng tròn và quay
trong không trung gió bão
giống nước mắt rơi vào miền hồi tiếc
làm sao nói với anh
Khi mỗi chúng ta tan vào thinh không
thinh không mà từ đó
lệ là mưa
xanh xao ngày tháng trên gò má
những mặt trời tan vỡ

Từng chiếc lá của mùa thu
loài chim di màu xám
đã tan vào đêm đen
ôi đêm đen làm sao kể với anh
giấc mộng nào làm em còn sống mãi

nhã ca mùa đông

không còn một nàng tiên vũ về ru giấc ngủ
không còn một lời ca làm dịu hồn cô đơn
không còn thư tình thơm rức mùi thuốc lá
không còn một bàn tay vuốt ve giận hờn

không còn gì, không còn gì, tất cả

mỗi buổi mai thức dậy, liếng còi lâu
đời tình ái cổ rơm
cùng khoảng trống bên vai nơi nỗi buồn ở lại
với mặt trái bàn tay, mặt phải của linh hồn

anh đã tự do vào đời lời đập phá

tôi cũng tự do xài phí hết đời tôi
cuối những sớm mai chiều tối của đời mình
khi ngã xuống những tháng ngày mục rã
lời cũng không cần ai nhớ ai quên

người con gái chết đi mang tên loài cỏ dại.

bài đơn ca

Bây giờ mỗi chúng ta
là nỗi buồn khôn kiếp
anh như loài rong
trên mặt dài lo sợ
em như loài rong
xanh rớt niềm ăn năn

Khẽ cho dĩ vãng
sâu trong rừng hoang
với tuổi xanh hồn đổi
với bản này ngã xuống
lá khô bồi đất đen

Đưa con gái soi gương
vỡ mặt tôi thất vọng

Thời bây giờ, đời em
lối đi về dưới mắt
cỏ lá sâu khố lẫn
sự hao mòn thảo mộc
là dấu mờ thanh xuân

Em như loài rong
trôi mãi niềm ăn năn.

Thời bây giờ, chúng ta
trên mọi giòng hối tiếc
không bao giờ gặp nữa
hết lên vào thình không
lên em cùng với nỗi bi ai
nỗi bi ai tròn kiếp

Thời bây giờ, hỡi anh
vết chém trên thân thể
lìm bầm trong tiếng kêu
một đời tình hèn hạ
không còn nữa.

Thôi bây giờ, nhũ ca
chỉ còn là tiếng nói
buồn lỡ hết thời gian
bài đơn ca thú tội
với tuổi xuân một lần

Tôi như loài rong
chìm dưới vùng ăn năn.

trần thỵ nhã ca

tháng mười sài gòn

Mùa thu lên vút hàng cây
đưa tay với lấy mây bay buổi chiều
đường im vắng bước chân xiêu
ưu tư sầu chất rất nhiều trên vai
đếm ngày qua chợt bóng ai
bâng khuâng đôi ngón tay dài nhớ thương
nhìn xa thoáng mấy trùng hương
không em khỏi thuốc cay buồn mắt thôi

hữu thu

sau trận dịch hạch

DƯƠNG NGHIÊM MẠU

Lão Chệt ngồi trong bóng tối ngó ra, lão mở lớn đôi mắt tưởng như đã kèm nhèm nhưng thật còn tinh tường lắm. Từng đám cỏ động nhanh từng vệt rồi lại biệt tăm. Tiếng kêu của đám chuột đang từ chỗ này sang chỗ khác rủ nhau đi kiếm mồi, mùi của nướng lão Chệt còn ngửi thấy thơm phức chứ riêng gì đàn chuột, giá như một lúc khác, với những con của nướng đó, thêm vào vài sí để chắc đã làm lão say sưa quên hết sự đời. Nhưng bây giờ thì không được, chỉ một tiếng động nhẹ lão cũng tránh, nuốt một chút nước bọt lão cũng thận trọng chứ đâu dám nghĩ đến chuyện nhai từng chiếc lữ, chiếc chân ròn tan trong hàm răng chắc chắn này. Gió tây bắc thổi nhẹ nhẹ, mùi của tỏa theo. Tiếng chuột kêu mỗi lúc một nhiều :

— Ra đi các con, mồi ngon lắm, toàn là những của hang tao đã bắt cả ngày mới được, có con nó còn dùng cả hai chiếc càng bự mà cặp tao xưng cả tay lên đây này. Những chú của béo vàng ấy thật khoái. Chà nó vừa vào lửa đỏ sèo sèo chảy nước ra nghĩ mà thèm, thế mà tao không được nhậu một miếng Tụi hay sương rồi còn gì, tao lại phải ngồi đây chần chừ hầu hạ tụi mày nữa. Như một triều đình còn chi ? Ăn đi các quan, xin các quan soi cho cần thận, rủ rê thêm nữa — những quan cố, quan bác, quan con, quan cháu hãy rủ nhau ra cho đủ mặt mà nhậu một chầu đại yến. Ngàn năm một thuở đấy .. Rồi làm sao à...

Lão lăm lăm nhưng rồi lão bỗng lặng yên, có mấy tiếng sùng nhỏ ở đâu xa vọng về. Cần gì, còn xa. Những chú chuột kia mới hệ trọng. Tiếng kêu đã đông đảo thêm. Tiếng kêu có vẻ riu rít vui vẻ gấp bội, có cả tiếng những chiếc lữ của vỡ ròn tan, tiếng chi chèo như rảng rựi đùa cợt. Nhưng lão Chệt vẫn thấy hiu hiu như chưa nhiều đối với chiếc lưới sập mà lão dang ra phía bờ mương. Đã ra ăn thì không chú nào lòng chạy thoát, lưới trời mà. Lão mỉm cười như thương hại lũ chuột, và cũng như đắc ý. Ai bảo tham ăn, cái luật là như thế. Chẳng lẽ những

chủ của mỗi thơn phức ấy lại bị hy sinh một cách oan uổng và phí phạm sao ? công lao của lão rình rập nữa ? và nhất là còn cơm áo của lão, còn cô bé xinh đẹp ở trong xóm mà lão vẫn muốn được cưới làm vợ. Hơn ba năm trời rồi chẳng gì cũng đã qua cái cảnh tang bà nó, chết đi bỏ lão cô đơn buồn rầu. Nhưng thực tình còn bà lão thì cũng già rồi, có nước non gì, và vì vậy lão cũng cứ phải buồn phiền lên tỉnh bảo thằng Lai nó kiếm cho một đứa thỏ tã nào đấy mà hú hí một đôi khi cho khuấy khoả tuổi già. Nhưng có được lâu tới vài ba ngày bao giờ, một đêm đã quá lắm, nên lão thường buồn.

Có hai con chuột đuổi nhau chạy vào tận chân lão. Ăn no uống say rồi chúng nó cũng rưng mỡ đây. Nó kêu, chạy rồi cắn nhau có vẻ âu yếm, có vẻ ưu du, có vẻ đủ đốn tâm lão đến phát bực. Lão thì một mình. Lão muốn đập cho chúng một cái, lão dơ tay ra, nhưng lão nghĩ đến chuyện đi xa lão lại rút vội lại. Đôi chuột chẳng coi lão ra gì cứ tiếp tục, rồi chừng như chúng nó cười nhau nữa. Mắt chúng nó để đầu mà làm chuyện đời đời như vậy trước mặt lão. Giống chuột có khác.

Sáng mai này thằng Lai nó hẹn về đây. Phải đi với nó một hôm mới được. Chuột chiệc gì vứt hết đi. Lão thêm đàn bà rồi. Mẽ lưới tối nay nhờ trời lấy độ trăm chú thì khá. Như vậy cũng được tới hơn năm trăm con còn gì ?

Lão ngồi thẳng rồi vắn người một cái, vài đốt xương khục làm lão khoan khoái thở một hơi dài, lão thấy mình già hẳn đi, lão muốn được ngã lưng xuống mà ngủ một giấc cho khoái. Trời tối thui, lão chẳng thể nhìn xa được bao nhiêu ngoài tầm lưới. Nghe tiếng kêu đã bắt đầu có vẻ im, đã đến lúc lão phải ra tay. Lão gỡ bỏ chiếc nón dầy cây đèn xách lên, một tay lão kéo chiếc dây động mạnh, chiếc dây có buộc những ống bơ ri kêu leng xeng, lũ chuột chạy tán loạn về phía bủa lưới nhưng vô ích. Lão thấy lũ chuột đã chạy về đủ mới kéo chiếc lưới ụp xuống vây kín lấy lũ chuột. Một vài con khôn hơn tối số chạy ngược trở lại là thoát thân, còn bao nhiêu nằm gọn trong lưới cho lão cuốn tròn lại kéo về. Lớn bé lúc nhúc nằm trong lưới kêu rợn :

— Thời mà các con, yền một chút ta mang về cho ở đình thự rộng lớn lắm, rồi mai sẽ được lên xe đi Chợ-lớn ở tiệm. Đừng kêu, la, cựa quậy làm gì cho phí sức đi. Sáng mai thằng Lai nó về đón đi.

Lão già túm chặt lưới vắt phần trên lên vai rồi còng lên kéo về. Vài chú ếch thấy động nhảy xuống mương. Lão dò dẫm đi qua nhịp cầu gỗ về nhà.

Sau khi cheo ngọn đèn vào cột lão mang lưới chuột xuống chỗ chuồng mở nắp bỏ vào rồi cuốn lưới lên thả lũ chuột vào đấy, chúng chạy lảng nhảng loạn xạ lên nhau, chúng húc đầu ra phen mắt cào kềm như muốn chạy ra, nhưng những lỗ hồng bằng đồng su chỉ húc được chút mồm là mắc kẹt, có con loét cả đầu nhưng vẫn cố húc. Đàn chuột cũ thấy lũ chuột mới chừng như không quên nhau nên chạy dạt về một phía như giữ thế thủ. Lão túm lấy đuôi một chú nhỏ nhất xách cao lên ngăm ngăm, chú ta kêu và rầy rầy, lão tưởng nếu có sẵn một chảo

mỡ đang sôi, lão sẽ quăng chú này vào rồi chổ vào miệng làm một miếng thì hay biết mấy. Lão nhớ lại bữa chuột bao tử mấy hôm trước khi lão bắt được chồn ỏ, lời mười bốn con chuột ỏ hồn chưa mở mắt lão đã mang về tẩm bột rán, lão nghĩ ăn cái ấy thì bỏ phải biết, cái gì bạo tử chả bỏ, đến rồi mà lão nghe nói cũng là một vị thuốc ghê gớm lắm. Lão cầm lấy đầu chú chuột bóp mạnh một cái, một tiếng kêu chít rồi tắt, giữa hai ngón tay, đầu chú chuột bẹp đi toé máu và óc, lão vứt bỏ vào góc nhà, lão đưa ngón tay lên miệng mút mút lấy một chút lấy nhầy của máu và óc ra chiều khoan khoái rồi lão vào trong bàn kiểm rượu để tợp một hớp. Lão lấy thuốc vấn một miếng chàm lửa hút.

Lão thổi ngọn đèn vào giường, lão sát mạnh và đập hai bàn chân phui cát rồi lăn ra ngủ. Nghĩ đến chuyện đi xa làm lão không sao ngủ được. Lão thấy tức bực về ông cha mình. Có lẽ lão là những người khốn nạn nhất hiện nay. Chẳng hiểu ông cha lão đã ngu si đến độ thế nào mà sang đây bằng mấy đời rồi chẳng làm nên cơm cháo gì. Còn những kẻ khác, cũng như lão thì họ giàu có, họ đang tọa hưởng bao nhiêu sung sướng. Cứ lên Chợ-lớn, nhìn những người cũng giống nhiều khi lão ưc đến ghen*thở. Họ đã đến đất này với hai bàn tay trắng chứ gì. Toàn những kẻ chết đói, trộm cướp tù tội mới phải bỏ quê hương mà đến đây chứ gì. Tất cả chỗ nào có ánh lửa là đến. Làm đủ mọi thứ, bán từ chiếc đầu cháo quẩy, nhất từng chiếc ống bơ, mảnh chai, rẽ rách. Bất từng con ong, xác ve. Cái gì cũng nhặt, người Tàu lập nghiệp từ những thứ khốn kiếp khốn nạn đó để làm thành danh. Lão Chệt không hiểu ông cha mình đến cái đất này từ bao giờ? kẻ cũng lạ thật, thế mà bây giờ già rồi lão vẫn không được nghỉ ngơi. Cứ nghĩ việc lão làm thật cũng chẳng mấy nặng nhọc, nhưng lão tủi thân. Chẳng phải lão không có lúc sướng đâu, cái hồi lão còn làm chủ cái tiệm chạp phô kia thì cũng chủ nhân ông lắm, nhưng cô vợ tài hoa, son phấn của lão lại chót đa mang với nàng tiên nầu đã về tròn, dứt lỏ hết cả cái sản nghiệp vào hơi khói, đến nỗi lão cũng mắc nghiện, nhưng khi nghèo khó nuốt sái mãi không chịu được lão phải cai—cái thuốc khốn khổ đó, không có chút nhựa đã vật vã lão tưởng chết, nhưng nợ đời nó chẳng tha cho nên lão vẫn phải sống, phải về đây bắt chuột bán. Cái nghề này thẳng Lai, đứa con đầu của lão khi làm cho tiệm ăn tìm ra chỉ cho lão. Thằng con này thật chả giúp gì cho lão ngoài chuyện làm trung gian bán chuột, nó còn ăn bột ăn sén của lão nữa. Lão bắt chuột nhốt một chỗ cho nhiều, mỗi tuần Lai trở về một lần mang tiền cho lão rồi xe chuột ra cho tiệm làm bánh bao và sủi mại bán. Lão cứ nghĩ đến những món ăn đã được những đầu bếp khéo léo chế biến chuột ra mà bán thì thật phục. Lão đã ăn rồi, ngon lắm, bầm nhỏ ra ai biết đây là đâu. Thịt gì chả thế, có lẽ thịt người cũng tương tự vậy thôi, có chăng là cách chế biến sao sao sao cho nó ra vị là được, với lại có chút mỡ, hành, và tiêu vào thì có đến phần trâu cũng ngon lành và đắt khách.

Mong gì chuột nó sinh sản thật nhiều cho lão bắt là khá rồi, giá có

cách nào mà nuôi tui nó chắc hay lắm, nhưng lão chưa nghĩ ra.

Lão mơ tưởng tới một thứ kỹ nghệ thịt chuột, nếu có thì chắc lão sẽ là kẻ liên phong: nào trại nuôi chuột, rồi sữa chuột, thịt chuột đóng hộp... biết đâu lại chẳng giúp cho lão có xe hơi, nhà lầu, gái đẹp. Cái món sau chủ cần gì miễn sao cười được con nhỏ Miên, có liên cười ai chẳng được mà phải lo. Lão nghĩ tới cái tương lai ấy lấy làm thích thú. Lão thiếp ngủ nhưng trong đầu óc lão chỉ mơ tưởng tới những chuột là chuột, và trong đám chuột ấy những xe hơi, nhà cao, những cô gái trẻ mơn mớn hiện ra làm lão muốn quờ quạng, muốn nhìn rõ thì lão lại chỉ nhìn thấy toàn những chuột: chuột sống, chuột chết, cả những chú chuột bị lột da đang băm ra làm món ăn... Chẳng gì lão cũng là người. Nhưng đó chỉ là một mơ mộng hão huyền trong đầu óc một kẻ thấy mình chả còn hy vọng được gì.

Chú Hai lếch sần bột cà phê ra đĩa đưa lên miệng hớp một chút lấy làm khoái, chủ để tay lên môi chấm một chút nước miếng vào đầu ngón tay chỗ rồi rinh một tờ giấy vắn trong chiếc hộp sắt tây, chủ vẽ một chút thuốc vắn lại, chủ dùng lưỡi vuốt lần chót điều thuốc rồi lăn lăn cho tròn trặn trảy về khi ngậm lên môi. Trong nhà cái Miên đang chải đầu trước tấm gương tròn cầm tay. Chú hai lếch kêu lên:

— Chà, có ai ở đâu về hả. Tưởng ai hoá con ông Chệt, anh ta trông sang hơn, ở Sài Gòn có khác.

Miên bỏ gương xuống nhìn ra mỉm cười. Trong quán có anh Tư Đen và anh Hộ Nhâm cũng đều ngó ra. Anh Tư Đen quần lại khăn bông xanh lên cổ nói một cách tin chắc: — Anh ta mang tiền về cho lão Chệt đấy và mang chuột đi đó. Anh ta giàu nhỉ, tôi vẫn định đi xa một lần, lâu quá rồi chưa đi được.

— Sao thằng con ra vẻ đang hoàng vậy mà lão Chệt ngó bộ nghèo khổ quá, hần mò mẫm bắt chuột mà thương hại.

— Thương hại gì, Anh Hai đâu biết. Các chủ nó chỉ thủ lắm, rồi anh coi một ngày nào đấy, nếu lão còn ở đây thì lại không có khi phá cửa của anh không vào tay lão mà xem tui Tàu có tiền mà hông mình biết được.

— Sao lại không biết.

— Ở kia, Anh có thấy là hần giữ từng cái đôi chuột để có liên không. Hồi năm ngoái lão là người được thưởng một ngàn đồng vì giết được nhiều chuột đấy thôi, mình thì bao giờ nghĩ được những chuyện đó.

Miên đứng ra cửa tựa vào cột, Lai tay xách chiếc cặp da đang từ ngoài đường bước vào ngõ, hần diện lắm, miệng hút thuốc lá phì phèo tiến về phía quán. Hần mỉm cười nhìn mọi người rồi cất tiếng chào.

— Anh Hai, anh Tư, ông Hộ sao uống cà phê muộn vậy?

— (Ồ, ở quê mà, có đâu mệt nhọc như anh.

Lai đưa mắt nhìn Miên, hần kéo cái áo ni-lông cho thẳng ra, Miên ngó thấy cả chiếc máy ô, cả cái giấy năm trăm xanh để trong túi áo có gái.

SAU TRẬN DỊCH DỊCH

Bỗng một hôm lão Chết thấy tiếng chuột kêu rầy chết, tiếng đàn chạy chồm, lão thấy một con chó xuất hiện. Con chó có màu lông đen nhưng là xù như chó hoang, gầy teo, nó đi khắp khểnh như kẻ nghèo đói, trên một mảng mỡ lỏ loét đỏ lỏm xem chừng khổ lắm :

— Chào quý khách ! chào quý khách ! không ngờ tôi lại được tiếp ngài. Ngài mới ở xa tôi ? xin ngài cứ tự tiện. Nhà của tôi như nhà của ngài, lũ bè bạn chuột của tôi đây cũng vậy. Chắc ngài chỉ ghé tạm đây trên con đường đi tìm chân lý, bình định thiên hạ. Chả sao, ngài cứ tự tiện với những người bạn quý này nếu cần. Tôi cũng vậy ..

Lão Chết cầm một mảng thịt chuột nướng ở tay cho con chó ngồi ngồi, nó ngoạm một miếng nhai ngấu nghiến ra chiều khoái trá lắm, lão tiếp tục nhét một ít bạn quý nướng vào lửa, con chó liến đến gần, có lúc chưa kịp vút ra chó đã vồ lấy, lão chết không lấy thế làm bực. Nghe chừng đã no bụng chó ta khoan tròn tròn ở rơm ngay bên lão Chết ngủ.

Sự có mặt của con chó, lão Chết thấy khoái hơn, nhưng ăn mãi thịt chuột lão bắt đầu thấy chán. Vả trong đám chuột đã bắt đầu có con sinh đẻ ra từng đàn chuột con. Lão nghĩ đến con chó. Tay phải lão chết có chỗ sưng lên và lở loét, con chó nhiều lần ngửi ngửi và liếm láp. Lão Chết rung người. Lão thấy lo sợ nghĩ đến chuyện một lúc nào đó con chó sẽ đẻ lão ra mà nhai, chỉ con chó là có thể thịt lão được, còn bầy chuột kia thì ăn thua gì. Chờ con chó ngủ, lão kiếm một cái chai để bên cạnh rồi cầm ở tay thu sức dằng một cái xuống đầu chó. Chó ruối hai chân rầy rầy lê lười và sẽ bội mếp. Lão chết mệt nhẹ lắm mới kiếm được con dno mỡ bụng ra, lão chẳng còn hơi sức để làm thịt con chó, lão mỡ bụng moi bộ gan nướng ăn, lão thấy tiết chó nóng và đặc sánh, lão thấy cổ khát nên vốc uống. Lão ưng ý về món ăn lạ kỳ. Lão vút bỏ xác chó ra giữa nhà, lũ chuột kéo đến ngoạm.

Trong xóm người ta bỗng xôn xao về cái chết của hai cha con ông Hộ Nhâm, bệnh tình giống nhau và chết ngay, có người nghĩ ngờ nên kiếm bác sĩ về khám, người ta phát giác ra bệnh dịch. Số chuột ở trong làng tăng lên một cách ngạc nhiên, khi đó người ta mới nghĩ đến lão Chết :

- Tại bây giờ không có ông ta nên chuột nhiều.
- Mà ông ta đi đâu ấy nhỉ ?
- Chắc theo thằng con đi Sài-gon rồi
- Ờ các ông có biết cái Miền không, chính nó theo thằng Lai đi đó, Tôi gặp chúng nó đi cặp kè ở Sài-gon mà...
- Còn cái bệnh dịch hạch thì sao ?
- Chả sao, chắc họ giàu thì chết, chứ mình thì đến đập đầu vào đá cũng không chết.

Người nói câu đó là Tư Đen, hai hôm sau anh ngã bệnh rồi chết. Thêm một ít người chết nữa làm cho cái làng nhỏ bé ấy bắt đầu run sợ, không ai hiểu căn bệnh ấy rồi sẽ ra sao. Người ta nhắc lại chuyện bác sĩ hôm trước ông ta bảo tại chuột, bệnh nguy hiểm ông lo lắng bỏ đi ngay. Chuột ở đâu chạy ra cũng khắp các ngõ, chỗ nào cũng thấy chuột

nghe ngung thấy người không muốn chạy. Những chú chuột lờ lỏi xuất hiện thêm nhiều, không ai ra khỏi nhà, thấy chuột thì không dám động đến.

Một hôm có một đoàn người mặc áo trắng về với một chiếc xe, họ cõng một nhà bạt, họ mang ống thuốc đi sít vào mọi nhà, từng đàn chuột lan ra chết được nhặt vào một chỗ mà đốt, mọi người bắt buộc phải trích thuốc và được tập trung vào một chỗ.

Thằng Lai dẫn vợ nó về vào lúc đó, Miên đã có mang được mấy tháng và bị dẫn đến chỗ ở tập trung. Chú Hai Léch nhận ra con mình bưng mặt khóc. Lai không thấy bố mới hỏi mọi người :

— Ông cụ tôi sao không có ở đây ?

— Tôi tưởng ông theo anh đi ?

— Không.

Lai vội trở về nhà cũ, vừa tới cổng đã ngửi thấy mùi hôi thúi xông lên, hắn ta hoảng hồn sò cửa vào : một cảnh tượng khủng khiếp trước mặt, trong nhà chuột ở lúc nhúc, lão Chệt nằm ở ổ rơm rên khi thì, tay lão còn cầm cả một con chuột như mới nhai dở, môi mép lão ta máu me, quần áo rách tơi, chuột bỏ hiên từ ở cổ tay, rúc cả trong quần áo. Lai kêu :

— Ba, ba...

Lão chệt mở mắt rồi lại nhắm nghiền, mãi ông ta mới nói :

— Mày về lấy chuột bả, không được nghe, nó là bạn của tao chứ không phải của mày. Đừng đụng tới nó, nếu không tao giết mày như con chó cho chuột nó ăn.

— Chuột nguy hiểm lắm. Bệnh dịch hạch đó.

— Dịch hạch ! mày nói chi lạ. Tao chết đau, thế từ bao nhiêu lâu nay họ ăn thịt chuột cả sao không chết. Đừng bịp tao để bắt chuột đi mà bán. Nhiều lắm, bây giờ thì dễ lắm ă. Hừ, mày mang con nhỏ đi bỏ tao lại mà. Chuột mới chiệc gì. Nhưng chuột nuôi tao và cũng đã nuôi mày. Con nhỏ đâu ?

— Tôi mang nó về đây định ở với ba, nó mang bầu rồi, ba sẽ có cháu.

— Tao muốn có con, có con của tao kìa. Mày muốn lập nghiệp với đàn chuột này à ?

Lai không nói, nó trông thấy lũ chuột mà tiếc rẻ, lão chệt bỗng nhắc hẳn chuyện làm ăn. Hắn mang lão chệt ra cho người ta chữa, vị bác sĩ trông thấy thất kinh, ông không thể nào ngờ được một người lại có thân hình kỳ cục như thế, bệnh tình rất nặng mà chưa chết. Lúc bấy giờ người ta mới rõ trong mấy tháng trời ông ta vẫn ở nhà. Vị bác sĩ hỏi :

— Vậy chứ sao ông sống ?

— Chuột, chuột... xưa tôi bắt chuột bán lấy tiền sau chuột không bán được tôi nướng ăn, rồi sống. Ông xem nhà tôi toàn chuột là bạn của tôi, còn ông ?

— Tôi chữa bệnh cho ông, chuột nó giết ông đó.

— Không, tôi sống với chứng nó đó. Tôi có bệnh gì đâu. Ông phải biết tôi sáu mươi tuổi đầu chưa bao giờ phải uống một viên thuốc, mắt không đau... Rồi ông coi tôi thì biết.

Thằng Lai nghĩ tới mối lợi về chuột, nó tình nguyện đi bắt chuột, nói là nhốt vào một chỗ rồi mang ra bờ ruộng đốt nhưng nó đã tìm cách mang chuột lên ra khỏi vùng chẳng ai biết đấy là đâu. Lai đi mấy chuyến đều suôi nhưng rồi hẳn ngã bệnh và chết. Cái Miên khóc mếu nghĩ về cái thai trong bụng. Lão chột đỏ :

— Đừng lo con, về ở với ba, ba nuôi. Nó là thằng bất hiếu đáng kể gì. Tại nó bắt chuột mang bán nên mới chết như vậy đó.

Tiếp tục những người trong làng theo nhau lần ra chết, một vài kẻ trốn đi—còn thì ai cũng như chờ lúc để lần ra. Bác sĩ gần như bỏ tay trước tình trạng nguy kịch. Ngay trong số y tá cũng có người bỏ mạng. Sau một thời kỳ truy nguyên người ta mới hiểu ra rằng người gây ra bệnh dịch, hay là nguyên nhân khiến có bệnh dịch phát khởi là bởi những con chuột mà lão Chột đã nuôi nấng, nhưng lão sống dai quá. Lão nặng nhứt nhưng vẫn sống.

Khi Miên nhuộm bệnh đoàn y tế mới nghĩ ra giải pháp muốn mang bệnh nhân ra khỏi vùng, nhưng điều đó không được phép vì người ta sợ bệnh lan truyền.

Ilom Miên hấp hối lão Chột xin được đến ngồi bên, mọi người bỏ chạy, lão hát liu lo cho Miên nghe như một điệu kèn Tàu. Miên hỏi :

— Sao ông không chết ?

— Vì Lai và con chết, ta chết sao được

Khi Miên tắt thở lão Chột vuốt mắt và đặt tay lên chiếc thai nói thầm :

— Cháu ta mà. Nếu là con ta đâu có chết.

Tin tức vùng dịch hạch được loan truyền toàn cõi làm mọi người xôn xao trước sự chết. Tất cả mọi người ở trong vùng dịch không được phép ra ngoài, (nhưng nhân loại ngu dốt có biết đâu dịch hạch vẫn lan truyền) cả ngay những người trong đoàn y tế. Người ta đã nghĩ đến chuyện thiêu hủy vùng nhuộm bệnh. Trong đoàn y tế chỉ còn có bốn người phụ và vị bác sĩ, dường tiếp tế bị cắt đứt không còn gì liên lạc với bên ngoài, hàng ngày có một chuyến máy bay thả dù xuống một ít lương thực. Trong bữa cơm ăn ngày thứ sáu chỉ có món thịt làm cho người nữ y tá khóc, một chàng thanh niên cầu nguyện lúc ăn nói với vị bác sĩ là cô ta theo đạo, thứ sáu kiêng thịt — và nhất nữa cô muốn rời khỏi vùng này :

— Thế nào tôi cũng phải về, còn vị hôn phu của tôi, còn mẹ tôi, em tôi... không ở đây được sớm mai tôi về, tại sao người ta lại bắt mình chết thêm vào số người làm bệnh ở đây. Tại sao ?

Vị bác sĩ trầm ngâm tháo gọng kính ra khỏi mắt :

— Mấy đứa cháu của tôi chắc nó đang nói đến tôi, mắt tôi cứ nháy hoải. Tôi, tôi thì ở lại được.

— Không, bác sĩ cũng không thể ở lại được, không có ích gì, rồi bác sĩ cũng chết.

— Tôi già rồi. Sự đời tôi nếm cả rồi. Các người còn trẻ, phải trở về, nhất định phải về.

Vị bác sĩ ngồi nhìn từng người và xin mọi người nói lại tên mình một lần cho ông nghe. Người thứ nhất tên là Thành 25 tuổi, theo đạo, đã có lần đi tu, rồi bỏ ra sống với mẹ già. Người thứ ba tên là Sinh : — « Chính ra tôi cũng chẳng biết nên về hay nên ở. Về có ích gì ? Ở có ích gì ? Tôi 27 tuổi, cha mẹ chết không nhớ ngày. Tôi chẳng bao giờ muốn quyết định chuyện gì ? Tôi đến đây xem cái chết đến với mọi người ra làm sao, nhưng tôi thấy cũng chẳng lạ. Lúc nào con người cũng hèn. Nhất là đối với cái chết. Tôi cũng cảm thấy cái đó. Nhưng có lẽ khi ra khỏi vùng nhuộm bệnh tôi lại muốn trở lại hoặc mong cho bệnh lan truyền ra... » Người thứ ba là một sinh viên ngành thuốc, anh ta nghĩ rằng đã được tiêm thuốc trừ bệnh như vậy việc đến đây chẳng can hệ gì, mà chỉ muốn tỏ ra mình là một con người có lòng nhân đạo, thế thôi. Còn cô y tá, chính khi cô quyết định đến đây là vì cô đã giận đối vị hôn phu bởi một nguyên do là vị hôn phu đó đã ôm hôn một người đàn bà khác mà cô bắt gặp. Còn vị bác sĩ, ông nói điềm đạm, âm áp : « Tôi thì tôi muốn chết. Sự đời tôi nếm cả rồi. Từ đại đồng đường còn gì ».

Ngày hôm sau trước khi đoàn y tá bỏ đi, vị bác sĩ đã yêu cầu mọi người ăn một bữa cơm chung với các bệnh nhân. Còn cả thầy mười bốn người, họ đều còn đủ sức để ngồi vào ghế. Họ đã cầu nguyện. Trong khi đang ăn lão Chệt nhăn nhó cái mặt lở loét đứng dậy khóc chèo chèo và nói mếu máo không ra lời :

— Các người đi hết cả thì ai chôn chúng tôi.

Mọi người nín thinh không nói gì.

Sau bữa ăn vị bác sĩ cất giọng hát, ông giảng giải cho mọi người nghe về khúc hát đó. Khúc hát mà hồi trẻ ông vẫn hát, bài hát thật vui. Vị bác sĩ trong con mắt mọi người như hồi sinh lại, khi hát ông vỗ tay, mọi người cũng vỗ tay theo khiến họ thấy xa cách sự chết. Vui miệng vị bác sĩ còn kể một câu chuyện, đó là chuyện hồi ông trời còn ở một mình, ông buồn nên muốn tạo ra một giống vật cho vui, ông đặt tên là vật—người. Ông ta lấy đất nặn chân, tay, mình mẩy, nhưng thuở đó thời gian ngắn, ông bắt đầu từ sớm mà mãi tối chưa xong không kịp làm đâu phải đề đến hôm sau. Sáng đến, ông thấy con vật bị phá, cứ thế liên tiếp nhiều ngày, ông tức bực nổi lên : « Ai làm công việc ám muội này ? » — « Thừa tôi ». Ông trời nhìn ra đó là ông đất : « Sao lạ vậy ? » — « Vì đất là của tôi ». Ông trời nghĩ ra nên ôn tồn : « Vậy ông cho tôi mượn được chứ ? » — « Được, nhưng nhớ trả lại tôi ».

Mọi người vui vẻ nghe câu chuyện khiến quên cả giờ. Sau đó bốn người y tá đi khỏi. Nhưng họ đã không thoát được vòng vây, họ khóc lóc trở lại nói cho vị bác sĩ nghe.

SAU TRẬN DỊCH HẠCH

Sau đó ít lâu vùng nhuộm bệnh dịch chỉ còn có hai người. Vị bác sĩ đã gần như mất trí. Lão bò lê bắt chuột cùng khắp và xé ăn, chuột sinh sản nhiều làm cho trí óc lão Chết cuồng quít. « Ước quá, thằng Lai không còn, nếu không nó có thể giàu lớn, bây giờ không cần dâng lưoi nữa. Còn có hai người thì làm sao ăn hết số chuột này ». Chết hỏi vị bác sĩ:

— Chắc ông liêm và uống hết cả thuốc nên sống sót phải không?

— Ô tôi là dân giết heo mà. Còn ông?

— Tôi à? Tôi là giám đốc một băng kỹ nghệ đồ hộp. Dứa con lớn làm luật sư, đứa con nhỏ du học, đứa con gái thì lấy một vị hoàng tử.

— Con tôi hai đứa đầu làm đảng cướp giết người, hiếp dân bà bị treo cổ. Đứa cháu đích tôn rơi xuống sông chết. Tôi định tôi đây bắt chuột và làm thịt. Thịt chuột ngon và lành ghê lắm.

— Trời ơi, ông nói làm tôi ghê cả miệng, thịt chuột mà ăn gì được, thịt người họa may còn ngon. Tôi có bao giờ động đến miếng thịt. Mọi người họ đi đâu cả nhỉ?

— Họ chết rồi. Tôi trông thấy họ chết mà. Về sau này tôi thấy họ thật đáng vui. Lúc trước họ khóc sau rồi cười, có người tự chặt chân, chặt tay, có người đập đầu vào đá, có người mổ bụng. Họ mong cái chết nên không muốn đợi chờ mất thì giờ. Thế mà họ cứ bảo tôi trốn đi mới lạ chứ. Họ tưởng tôi khoái sống lắm. Còn ông, chính ông đã làm cho họ chết.

— Chính tôi? Ai bảo ông vậy?

— Thôi mà, ông cứ đùa, ông tưởng chết chứ thực ra họ đã ra khỏi vùng này rồi. Họ đang vui vẻ với mọi người. Ông nhắm mắt lại mà coi. Lão Chết chờ đợi, khi vị bác sĩ nhắm mắt lão cầm cục đá đập vào đầu, ông ta lăn ra chết. Lão Chết bắt chuột ăn vào miệng vị bác sĩ.

— Ăn đi, thịt chuột ngon lắm.

Lão Chết đã tìm cách bỏ vùng dịch thoát đi. Tôi viết câu chuyện này theo một người điên vừa kể lại. Chẳng hiểu có phải người điên này là lão Chết không, có khi tôi thấy hắn bắt chuột ăn, nhưng dịch hạch vẫn đang lan tràn. Thật tối phi lý.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

cái ghế đá của gió

But Things go on anyway arranging everything that happens

V.R. LANG

Con sâu kèn đã làm làm xong chiếc võng lơ của nó
Trên cây kia và buổi chiều có những mặt hồ lạ lùng
Nhưng trong nỗi băn khoăn của chúng ta, đây là một lớp men
bạc lỏng lạnh bọc lấy buổi chiều và cả những sợi tơ
Mà mỗi người thấy mình ra ngoài sự yên lành với đàn bướm lớn
Than ôi, đó là cái chết của một hay nhiều cơn gió với thịnh
nộ của núi
Trong lòng chàng

Có mỗi tình nào nở ra trên trời, một con thú dữ mù và các
sợi râu đen, một mỗi tình nào
Mà bàn tay đã nhặt hết những mẫu xương vụn nát
Của tôi, và mặt trời
Có mỗi tình nào, một thôi, với nắng tắt tự nhiên, đó là chính
tự do tôi ngã xuống

Phượng Hoàng, thành phố gồm ghiếc mà đường của những
chiến mã hút sâu vào trận giao phong, bùn và đá và núi non,
tội lỗi của chúng bắt đầu rửa bằng những khối sắt tròn, một thế
giới muôn năm của con điều to trùm cánh lên lời phúc âm và
những luồng khói bay vùn vụt
Ngủ đi ngủ đi. Phượng Hoàng, giữa khi mọi người đang an giấc
tiếng kèn đồng bỗng nổi lên và họ hốt hoảng tự treo cổ mình
lên sà nhả lên cây lên mọi thứ
Sức sống của con, đánh giá bằng sự thân nhiên và mờ ảo, sẽ
nhuộm đầy lý trí nghiêng ngã xiêu vẹo, một bà mẹ từ tốn hiền
lành mà mọi kẻ ra đường lấy với giọng nghèo ngao của một
vững sơ sinh hối tiếc, con, ngủ đi, tình thương này một mẫu
đồng chín, rồi ngài sẽ để tóc con, và Phượng Hoàng, vực sâu
của những giống thú mềm chuyển động lách tách, cánh tay đầu

đơ lên không nói gì, đồ vật rời khỏi những ước muốn chung
mà mi, kẻ ngộ nhận bởi tất cả không còn đứng nguyên nữa.
Ta đập thử cái bình đất để tìm con như ta sắp già từ bạn hữu
như ta sắp đi về phía sau đó, sự tan vỡ thoáng chốc mà giá trị
sẽ phục sinh, ôi lẽ hành, cơn lốc đình cuốn ngất chúng ta vào
những ngôi sao xấu.
Ta dành hết ca ngợi cho mi.

Vụn gỗ là những vết cuối cùng làm dấu rải rác trên cánh đồng
và lá. Còn tất cả mọi thứ, một tiếng nói xa nào, cho câu tiên
tri mà tội lỗi cũng góp mặt cùng ánh sáng và sự trong trắng
hòa nhiên, con chim của anh, một người đứng mãi trong cánh
đồng cho tội biết

Gió thì xuống thấp như quả núi đổ với cây lá nhạt màu, gió
thì thổi dữ dội và đóng chặt nó vào đỉnh sắt, gió thì như
biển mênh mông rình và hoang vu. Một người đàn bà vừa thức dậy
Là một pho tượng trắng, là một người hôn độn, một mặt
người mới làm và một cơn mê có hai lần nổi gờ của nó
Với gã đàn ông tầm thường như con chó xù mà bóng tối không
soi rõ sự lơ dờ ương ngạnh, nổi chán chường câu tiếc và cái chết.

Cùng thế giới, kẻ đứng ngoài soi mói những vò tư vào niềm
bí mật ấy, tôi sẽ chết dần mòn không bao giờ nói được tôi vô
tội. Kẻ đó đã đem đến chúa sự máy móc của ngài nếu ngài
sinh nó. Trong vui mừng hiện hữu của tôi, buổi sáng này đầy
đủ những ý thức căm rứt liệt. Em, hãy để cho mọi người biết
đến chúng ta, đừng quay mặt vào sự giả dối và trơ trẽn, nó
chẳng biết được điều chúng ta nói với nhau, và Chúa cũng thế
Dâng lên ngài một một loài hoa mọc giữa rừng mà tâm hồn tôi
ngài không bao giờ để chán tôi
Sự hủy diệt to lớn đang chụp lấy em, với thế giới im lìm cần
bỏ đi. Một cùng phẳng sẽ trải ra kia mà thân phận tù đầy với
lời chúc tụng

Ước vọng linh

Em hãy cho biết chúng ta hội họp làm gì. Mọi người nắm
một người ngồi một người đứng quay mặt vào tường

Trong mọi sự thân ái chỉ là nỗi cơ đơn rút về với nó
Với một con chuột chết, một con mèo, một khẩu súng, một
thanh kiếm, với tất cả giấc ngủ mệt mỏi
Chẳng có ai đi đến sườn núi kia để qui xuống. Qui xuống. Một
tên lính đã chết bằng cái mặt nhẵn tím trên tay già nua, một
tên lính bị bệnh phù

Mà nàng con gái 18 tuổi yếu

Nhắm mắt như cục đá

Em hãy cho biết chúng ta được về chưa? Một người nắm một
người ngồi một người đứng quay mặt vào tường một người
đứng trên trời và một người rơi từ cao xuống
Trong buổi sáng có năm vụ án mạng. Chúng ta đi về. Em hãy
cho biết chúng ta ngồi đâu cả rồi hãy báo chỗ vặn đèn và cho
biết có bao nhiêu bàn ghế

Mà chúng ta không thấy không nghe

Hãy lên tiếng đi, thật ra thế giới của một ngọn đèn là sự yên
tĩnh của mọi phản kháng và chế độ, em hãy lên tiếng
Hãy báo chúng ta có mấy người, có mấy người và họ còn sống
không?

Em sẽ vấp ngã lẫn cùng với mọi thứ ở đó. Em hãy cho biết
em ở đâu, tôi ở đâu, và căn nhà này, cái gì thế? Căn nhà của
em, em, và một đứa mù lòa què quặt. Hẳn chỉ là khối thịt
không có ai hơn và ôm em đến nghẹt thở. Và hẳn cũng
chết, duy cái thế giới đang nằm kia, mọi người đều thiệt thòi
cho hư không

Đắp tấm chăn xanh vào miền bóng dày với nửa khoảng đêm
mở những cột tóc dài sang bên kia bờ sông một giòng sông
trời nổi hình ảnh của con tàu đắm

Và nổi âu sầu đó. Một ngày nào trên bề dài của mặt trời loang
thành vòng trắng, vào mắt tôi, Cúc nổi buồn rầu bắt bắt. Xin
đề cho hẳn lựa chọn hay niềm đau yếu kia, ngày u ám dằng
trên vùng lạnh lẽo, còn đó, những tiếng chuông ngân gõ tay em
và tóc. Ánh sáng đan giữa lối đi này, lối đi về thiên đường mà
chúng ta xa dần những linh cầu lẻ loi, sự dai dẳng của kẻ chết,
lương lai đi những chân ao tù và khoảng cổ xưa trên miền muối
trắng, và còn đó, và chúng ta; người xin với những điều cho
kẻ nào

Ngày nằm trên những giá gỗ vuông, phiến đá lớn bắt đầu ca hát, âm thanh của bụi bắt đầu làm nằng thức dậy trong căn nhà hờ hộc và dỏ

Là một vùng yên lặng mà người mất hút sau bức tường đang xây, lối đi và nằng vật lộn từng hồi còn ngồi sao không lờ mọc c dè hồi tiếc

Chỉ là cái mũ của người cầm đèn đi dọc những ngọn đồi, người cầm đèn không mặt mũi và nó up lên nằng điệu nhầy man rợ Nằng chết ở đó, lặng lẽ và thức giấc, không biết mình

Trên cột buồm cao lồi nhô nhưng xuống những rê mòn và tiếng chim ca chuyển tàu xanh vô vọng, giữa khu vườn là nó chuyển vào lòng chúng ta em chết ngày thơ chiều trên cột buồm một tàu chở cát

Ngày nhớ nhưng là em làm thành những cột gỗ nâu cho ta Bầu trời sẽ ru dài lặn xuống. Hãy đứng dậy cho nó bài kinh rửa tội và cho anh ưu tư rồi cái chết của em không còn nữa Sóng sẽ xô vào đá, ngã nghiêng như lòng mình tháp chuông vôi vôi Và ai sẽ đến mở những hạt ngọc của vũ trụ để ấn em vào đó, một vùng du dương gồm những bất ngờ mập mập? Em sẽ ăn thịt chúng như đàn bò sữa và em sẽ chết

Chết đi em, chết đi em Ở đây là thiên đường mà con sáo già không hát lên, ngồi tượng trình bạch và tội lỗi dẫn vào bằng lũ côn trùng vô hình, em sẽ chết

Chết đi em, chết đi em Vì đó, không ai cãi cho em, đi thẳng vào và em sống trọn một người khi vinh quang ào đến ngợp trán. Em sẽ chết hay không, sẵn sượng và căm trờ hơn núi, chúng ta và sự lỗ tay đều làm bằng cầm thạch cho riêng mình

nguyễn nghiệp nhượng

chị em, cha con và trẻ thơ

KỊCH BA MÀN

TRẦN DẠ TỪ

(TIẾP THEO VÀ HẾT)

● Nhân vật sắp theo thứ tự xuất hiện trên sân khấu :

VĨNH : vai người em, hăm bốn tuổi, dáng phóng lãng mết mội và tự tin. CHỊ SÁU : vai người làm, chừng bốn mươi, ít đặc điểm. LIÊN : vai người chị, hăm tám tuổi, đẹp lòng lấy qui phái, vẻ tự tin giống Vĩnh. ÔNG PHONG : vai người cha, gần năm mươi, to béo, vẻ trẻ trung lạc lõng. ĐỒNG : vai người con, trạc tuổi Vĩnh, vẻ say mê, vụng về, nhiều mặc cảm. BÍCH : vai tình nhân của Vĩnh, khoảng hăm mốt, đẹp buồn bã hoảng hốt, dấu hiệu sự ngây thơ hồn nhiên vừa bị mất.

MÀN THỨ BA

sáu người buổi sáng cảnh dạo

Trở lại phòng khách màn thứ nhất nơi căn nhà lớn Liên đang sống với chị Sáu, người làm. Màn mở lên ở đây vào hôm sau, buổi sớm tinh sương ngày thứ hai, đồ vật cảnh trí mang tinh thần một đêm vừa có người thức trắng, chưa được thu xếp lại : tủ rượu còn đương mở, nơi giá sách đầu hiện sự bị lật lọng tìm kiếm, trên hai chạc sừng sắt cửa ngoài, chiếc áo mưa của Liên đem qua để treo cái thố, đèn trên trần bật sáng trưng và quạt thì đương quay, tấm màn ngó ra phía vườn sau chưa cuốn.

Màn được mở lên với Liên ngồi bất động nơi bộ salon dưới quạt trần : hai

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRẺ THƠ

chân gác lên một chiếc ghế, đầu tóc vai dựa vào một chiếc ghế khác, trên mình đắp áo khoác màu đỏ xò lệch đáng co ro vì lạnh, một tay cầm thuốc lá thông xuống từ thành ghế, khói bốc lên quẩn tròn theo cánh tay. Liên đã ngồi ở đó suốt đêm qua như thế. Bấy giờ, trước mặt nàng, nơi bàn nhỏ, còn lại một chai rượu và một ly đã cạn, cạnh đó, máy nghe nhạc đương chạy nốt một đĩa dương âm nhẹ, còn Liên thì đương ngồi nhắm mắt, đột thuốc cháy nơi tay, cô gương với giấc ngủ đương mơ hồ ập tới. Cảnh này diễn chừng hai phút thì chị Sáu hiện ra nơi cửa trong, dáng dấp vừa ra khỏi giấc ngủ, tiến lại phía sau Liên, nhìn đĩa nhạc đương trở vòng, chỉ còn tiếng máy kêu, chị Sáu tiến lên tắt máy. Sân khấu bỗng tắt tiếng và sự yên lặng này đã làm Liên bừng tỉnh, máu thuốc trên tay nàng rơi xuống, Liên hai tay kéo lại áo choàng mở-mắt, nói: «Chị Sáu đó à, sao đây chị sớm vậy». Chị Sáu: «Cố lại thức trắng đêm rồi còn gì, khổ quá!». Chiếc đồng hồ gỗ mun treo trên tường đổ chuông, tiếng chuông rơi thánh thót, cả hai người lắng nghe xong, Liên hỏi: «Mấy giờ thế, chị Sáu?» chị Sáu: «Cố không nghe thấy sao, bây giờ, trời sáng rõ rồi». Liên: «Sáng rõ rồi thật ư? Quái, sao tôi lạnh thế nhỉ?» Chị Sáu nhìn lên trần: «Tại cô để quạt chạy suốt đêm đó mà, đi vào góc tắt quạt rồi trở lại — để tôi đưa cô lên phòng nghỉ». Liên ngồi dậy vươn vai: «Không, sáng hôm nay tôi có nhiều việc bận». Chị Sáu giọng đồ dảnh: «suốt đêm qua cô thức mệt, bây giờ phải ngủ bù thôi, để tôi đưa cô lên rồi còn xuống dọn nhà». Liên: «Tôi không mệt lắm đâu, chị pha cho tôi một ly cà phê đi». Chị Sáu: «Cố không nên dùng thêm cà phê nữa». Liên: «Tôi đã báo là tôi không hề mệt, không bao giờ tôi mệt. Mà thôi, chị cứ dọn nhà đi, để tôi tự làm cà phê lấy». Chị Sáu: «Hay cô rửa mặt cho tỉnh đã, để tôi đưa cô vào rồi sẽ soạn cà phê sau, nhé!». Liên đứng dậy, xò tay vào áo khoác: «chị sẵn khẩu chỉ còn lại mình chị Sáu đương xếp lại bàn, dọn cà phê lên đó. Vài phút sau, Liên trở ra, tới ngồi rũ tóc nơi ghế cũ: «Chị Sáu, chị lên phòng lấy đũa tới hộp phấn xuống đây chút nghe». Chị Sáu: «tôi sẽ mang xuống ngay, nhưng sáng nay thứ hai tôi đi đâu sớm vậy». Liên: «Tôi không đi đâu cả, tôi ở nhà, chị nhớ lấy thêm bao thuốc nữa». Chị Sáu đã khuất trên phía cửa thang, Liên tới mở máy thấu thanh, tiếng đàn ông trong máy: «Trong ngày hôm nay, một phái đoàn nhân sỹ quan trọng sẽ từ thủ đô đi kinh lý miền Trung để ủy lạo những đồng bào nạn nhân cơn thiên tai vừa. Phái đoàn này do ông Trần Đình Phong...» Liên tắt máy, trở lại salon châm thuốc, điều thuốc cuối, Liên vò bao ném xuống, chề thêm nước sôi vào phin cà phê. Chị Sáu xuống, Liên bắt đầu trang điểm: soi gương, chải đầu, thoa phấn, hút thuốc, nồng cà phê, trong khi chị Sáu thu xếp lại nhà cửa: lên giấy đồng hồ, kéo

mành, gấp chiếc áo mưa trên chạc sừng, thay bình hoa, xếp lại giá sách vẫn vẫn. Đó là những động tác giữa hai người trong lớp đầu màn kịch, sau khi tấm màn xám che phía ra vườn sân đã được kéo lên, và ánh sáng xanh mát của đầu ngày vẫn dịu dàng sinh động.

vào kịch

1

Liên : Chị sáu, chị ở đâu đó nhỉ ?

Chị Sáu : Tôi đang kê ghế để lên lại cái giấy đồng hồ, cà phê xong chưa cô ?

Liên : Rồi, xong rồi, chị cho tôi hũ đường.

Chị Sáu : Cô chờ tôi xong việc này chút đã.

Liên : Chị lại làm gì đó ?

Chị Sáu : Cô không nghe thấy sao, tôi đang lên giấy đồng hồ.

Liên : Thế đường để chỗ nào chị nói tôi lấy cho.

Chị Sáu : Trong cái tủ nhỏ ở sau lưng cô đó, ngăn thứ hai. Mà thôi, để tôi xuống, cô tìm không thấy đâu.

Liên : Tại sao lại không thấy, để tôi lấy chị coi (Liên đứng dậy, tôi mở tủ, tìm với giắc) ngăn thứ hai phải không, sao tôi chẳng tìm thấy gì cả ?

Chị Sáu : Thì tôi đã nói cô chờ tôi lấy cho rồi mà.

Liên nhìn lên : chị Sáu đang đứng trên tràng kỷ, người dân sát vào tường, ôm lấy các đồng hồ. Một giắc, nâng lên vô phía trong, đứng dưới nhìn lên xem chị Sáu làm việc. Trên sân khấu bây giờ, hai người đàn bà như hai cái bóng gầy.

Liên : Sắp xong chưa, chị Sáu ?

Chị Sáu : Cô chờ tôi một chút, chỉ còn mười vòng nữa.

Liên : Chị cứ phải lên giấy nó mãi thế này à ?

Chị Sáu : Chuyện, nếu không làm sao nó chạy nổi, làm sao mình biết bây giờ là mấy giờ, cô giữ dùm cái ghế, tôi leo xuống.

Liên : Thế mọi lần không có tôi chị làm sao xuống được ?

Chị Sáu : Thì tôi phải tự giữ lấy ghế mà leo xuống chứ sao, cô hồi rồi lần thân. Ấy, cô giữ cho chắc, té bề mặt giờ nghe. Thôi, được rồi, rồi.

chị Sáu đã leo xuống, dẹp ghế. Hai người đi ra phía ngoài, Liên trở lại chỗ ngồi cũ, chị Sáu mở tủ lấy hũ đường ra, đặt trên bàn.)

Liên : Quái, thế vừa rồi chị để đâu mà tôi tìm không thấy.

Chị Sáu : Thì nó ở trong đó chứ đâu, cô rồi thật lần thân.

Liên : Có lẽ tôi lần thân rồi thật, chị uống chung với tôi chút cà phê này nhé, còn nước nóng không nhỉ ?

CHỊ SÁU, CHỊ CON VÀ TRÊ THƠ

Chị Sáu : Cô đề tôi đi lấy.

Liên : Thôi, đây cũng vừa đủ rồi, chị ngồi xuống đó đi. (Chị Sáu ngồi xuống) Sao vẫn thấy lạnh ghê.

Chị Sáu : Cô uống cà phê vào chắc ấm. Suốt đêm rồi không ngủ. Thật tôi chẳng biết nói thế nào.

Liên : Chắc chị giận tôi lắm?

Chị Sáu : Vì tôi muốn cô ngủ, bây giờ nhà đã chẳng còn ai, lỡ ra đau một cái.

Liên : Không, không phải tôi nói chị giận tôi riêng một chuyện đêm qua không ngủ đâu.

Chị Sáu : Cô định nói chuyện gì?

Liên : Tất cả mọi chuyện đã xảy ra từ khi mình trở về căn nhà này (một giây) chắc chị buồn tôi lắm.

Chị Sáu : Tôi còn được trở về sống lại ở đâu với cô là điều may mắn rồi. Cô biết đó, tôi thì đến chết già cũng chẳng có ai là thân thiết ngoài cô và cậu Vĩnh.

Liên : Nhưng chính vì vậy chị lại càng buồn tôi, có phải như thế không?

Chị Sáu : Tôi hiểu cô cũng khổ tâm lắm, tôi chỉ buồn vì tôi ngu dốt không đủ胆敢 gì được cho cô và cậu Vĩnh. Thật đôi khi nhìn hai người tôi phải quay đi nuốt nước mắt. Nhất là sáng hôm qua. Bây giờ giá mà còn ông bà.

Liên : Sáng hôm qua, còn ba mẹ tôi liệu các người có dám nhìn tôi không?

Chị Sáu : Tôi chắc rằng bao giờ ông bà cũng ở bên cạnh cô, bao giờ cũng hiểu cô. Hôm qua, tôi cũng có bảo với cậu Vĩnh như thế.

Liên : Chắc chị cũng có nghe những điều nó nói với tôi nữa, phải thế không chị Sáu?

Chị Sáu : Tôi có nghe.

Liên : Chị có mong tôi sống khác đi không?

Chị Sáu : Đó là điều tôi vẫn hằng cầu nguyện.

Liên : Nhưng mà, chị Sáu này, chị có còn nhớ ngày họ tôi đuổi mình ra khỏi căn nhà này không nhỉ?

Chị Sáu : Cô bảo làm sao tôi có thể quên được, sáng hôm ấy cậu Vĩnh đã xách cái ba lô của ông đập bẻ đầu một thằng, chúng nó xúm lại giữ chặt lấy cậu ấy, và tôi phải mang nhốt cậu ấy vào gian phòng của ông...

Liên : Nhưng rồi sau đó chính chị lại lên mở cửa cho nó ra đi rồi nó bỏ đi ba tháng sau mới tới nhà cậu Huệ tìm mình. Tại sao chị làm thế?

Chị Sáu : Tôi sợ bọn chúng sẽ tới bắt cậu ấy.

Liên : Thế còn buổi tối hôm nó trở về tìm mình ở nhà cậu Huệ, chị có nhớ không nhỉ?

Chị Sáu : Tối hôm đó, cậu ấy say rượu nôn mửa, chửi rủa rồi ngất đi ở ngay ngoài phòng khách. Thật đến bây giờ nhớ lại tôi còn

sợ.

Liên : Rồi sáng hôm sau cậu mợ Huệ bảo hãy thu xếp mà dọn đi nơi khác, chị có nhớ không nhỉ ?

Chị Sáu : Những cảnh ấy làm sao có thể quên được, nhưng thời cũng đã qua lâu rồi, cô đừng nhắc lại nữa.

Liên : Tôi phải nhắc lại vì chỉ còn có chị hiểu và thương tôi mà thôi, chỉ có chị mới có thể nhớ ra được căn nhà lá trong con ngõ lầy lội mình thuê bốn trăm bạc thế nào, những buổi chiều đợi mưa đi gõ cửa nhà bác Thủy, bác Hảo, đi Thuận để vay được trăm bạc về ăn như thế nào. Những cảnh ấy chỉ có chị nhìn thấy và còn nhớ. Vì thế, mình đã trở về căn nhà này, và tôi, tôi phải làm cho chúng nó không dám mở mắt khi qua con đường này nữa. Chúng nó đã coi mình như đồ ăn mồi, bây giờ, tôi phải coi chúng nó không bằng con Tò. Chị có thấy thế không ?

Chị Sáu :

Liên : Chị có thấy thế không, chị Sáu ?

Chị Sáu : Có (nước mắt) Tôi thấy.

Liên : Vậy mà thằng Vĩnh thì nó không thấy thế, nó không nhớ, không thêm nhớ gì hết. Hôm qua, chị đã nghe nó nói với tôi những gì rồi đó chứ. Nó muốn tôi phải bán căn nhà này để lấy tiền cho nó đi ăn chơi. Chị có nghe thấy nó nói thế không ?

Chị Sáu : Lúc đó tôi đứng ở dưới chân cầu thang.

Liên : Bán căn nhà này đi, chị nghĩ sao, chị Sáu ?

Chị Sáu : Thật tình tôi không biết phải nghĩ sao giờ hết.

Liên : Chị có thương em không, chị ?

Chị Sáu : Năm năm nay, cậu Vĩnh thì lang thang, tôi chỉ còn có cô là người thân thiết ở bên cạnh, (một giây) sao phải hỏi tôi thế?

Liên : Em cũng thế, em chỉ còn có mình chị, em khổ lắm (trốn tinh lại, một mình) Tại sao ? Tôi cũng không biết nữa. (chuông báo khách bỗng reo vang, Liên trang điểm lại với vàng cho xong, đẹp phần sắp xuống bệ bàn dưới, hai ly cà phê đã cạn).

Chị Sáu : Chết thật, nhà cửa chưa kịp dọn dẹp gì (dừng dậy) hay để ra nói lát nữa họ trở lại.

Liên : Chắc là ông Phong đó, chị cứ mời vô.

Chị Sáu : Để tôi ra thử xem (chị Sáu ra mở chiếc cửa lớn, nâng đèn ngáy làm căn phòng sáng lên, chị Sáu đứng tại đó nhìn ra ngoài rồi quay vào) không phải ông Phong đâu cô ?

Liên : Thế ai vậy ?

Chị Sáu : Một người đàn bà, không, không phải, một cô gái. Mời họ vô không, cô ?

Liên : Sao lại một cô gái ? Chị cứ mời vô thử (Liên chăm thuốc, ngậm trên môi ngời chờ, lát sau chị Sáu trở vô theo sau cô

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRẺ THƠ

- Bích gợn ớt và mệt mỏi, Liên hơi nhích chào khách, bảy giờ đã có được ba người đương ở giữa phòng khách, Liên nói với chị Sáu) Chị ra khép cửa lại, cuốn màn lên, pha trà rồi sửa soạn cho ăn điểm tâm đi (quay sang Bích) Mời cô ngồi.
- Bích : Xin phép bà.
- (Bích ngồi xuống, bảy giờ cửa ra vào đã khép kín, sân khuya bớt chị Sáu và tấm màn lối ra vườn sau đang được cuốn lên).
- Liên : Xin cô tha lỗi, chúng tôi chưa kịp sửa soạn lại nhà cửa tiếp khách.
- Bích : Chính tôi phải xin bà tha lỗi cho sự đến làm phiền quá sớm như thế này mới phải (chiếc đồng hồ trên tường bỗng đổ chuông, Bích nhìn lên). Mới bảy giờ mười lăm, sớm quá.
- Liên : Chắc cô có việc gì cần lắm?
- Bích : Thưa bà, chỉ là một việc cần cho riêng tôi mà thôi. Tôi mong bà tha lỗi và cho phép tôi được xin bà ít phút.
- Liên : Xin cô cứ tự nhiên.
- Bích : Cảm ơn bà. Tôi thật tình không biết phải bắt đầu câu chuyện như thế nào để xin bà biểu cho nỗi khổ tâm của tôi khi tới đây. Thưa bà, tên tôi là Bích.
- Liên : Cô cứ coi như chúng ta đã biết nhau từ trước. Chắc tôi không cần phải cần phải nói tên ra nữa.
- Bích : Bà thật tử tế và rộng lượng. Xin bà cho phép tôi được nói. Tôi phải khó nhọc lắm mới biết mà tìm được tới đây (ngó quanh) gian phòng này đẹp quá.
- Liên : Mời cô dùng với tôi chút cà phê, cô tới đây lần đầu tiên? (gọi vào) chị Sáu, chị Sáu ơi!
- Chị Sáu : (ra từ cửa trong) Thưa cô, cần thêm gì?
- Bích : Cảm ơn bà, tôi không thể dùng được cà phê buổi sáng.
- Liên : Thôi thế xin mời cô một ly trà vậy (quay sang chị Sáu) Chị mang trà lên đi. Nhớ gài kỹ cổng ngoài lại dùm tôi.
- Chị Sáu : Dạ, tôi đang chờ nước sôi ở dưới. (Chị Sáu vào)
- Bích : Thật tôi quấy rầy bà nhiều quá.
- Liên : Xin cô cứ bắt đầu câu chuyện. Tôi mong sẽ làm cô vui lòng.
- Bích : Thưa bà, tôi tới đây vì anh Vĩnh.
- Liên : Vĩnh?
- Bích : Vâng, anh Vĩnh. Tôi đang bị đau nhưng vẫn phải tới đây chắc bà không ngờ có chuyện này, chúng tôi sắp làm lễ cưới vào tháng tới chỉ mấy ngày nữa thôi.
- Liên : Lễ cưới? À ra thế, vậy tại sao tôi không biết gì cả?
- Bích : Tôi cũng nghĩ bà không biết chuyện này, chắc anh ấy giấu bà.
- Liên : Thảo này. (Chặn lớp diều thuốc khác) Vì thế cô đã phải tới đây.
- Bích : Vâng, vì thế (một giây). Đã hai tuần rồi anh Vĩnh không

gặp tôi. Trước đây, tôi không hiểu tại sao, mãi cho tới hôm qua khi tôi đến tìm anh ấy ở Thưa bà, chắc bà đã nhớ ra.

Liên : Tôi đã nhớ, ngay khi cô vừa vào đây tôi đã đoán là cô. (cười, gạt lén thuốc) chắc cô giận tôi lắm ?

Bích : Thưa bà, như vậy chắc bà đã hiểu hết tất cả những gì tôi muốn nói. Đáng lẽ tôi không được quyền làm thế này. Tôi xin bà đừng nói lại cho anh Vĩnh biết chuyện tôi đến đây. Biết thế này anh ấy sẽ buồn lắm.

Liên : Cô yên tâm điều ấy, tôi hiểu

Bích : Như vậy chắc tôi không cần phải nói thêm gì nữa. Xin bà tin rằng tôi sẽ nhớ ơn bà mãi.

Liên : Cô cứ ngồi lại đây chút nữa, tôi muốn nghe cô nói. Lát nữa Vĩnh sẽ tới.

Bích : Anh Vĩnh, (chợt ôm ngực, vẻ gương lại cơn mệt mỏi đương tới) Tôi xin bà ..

Liên : Kia, cô Bích, cô có vẻ mệt lắm.

Bích : Cảm ơn bà, tôi thường bị thế luôn nhưng không hề gì đâu. (trở mình). Tôi xin bà tránh cho tôi không phải gặp anh Vĩnh ở đây.

Liên : Tôi hiểu, nhưng cô rán sức vì chắc sẽ có nhiều việc cần phải biết.

Bích : Vâng, tôi sẽ phải rán sức. Tôi xin bà...

Liên : Vĩnh sẽ không tới đây ngay giờ đâu, cô cứ yên tâm nói cho xong hẳn những điều cô định nói.

Bích : Tôi mong bà hiểu dùm, tôi muốn nói nhiều lắm nhưng không biết phải nói ra thế nào (một giây) Tôi biết tôi không có được sự may mắn của bà, bà thừa sự quyến rũ, thừa sự giàu có, tôi chắc bà còn nhiều người hơn anh Vĩnh gấp bội, nhưng tôi, tôi chỉ còn có một mình anh ấy, tôi cần anh ấy lắm, tôi xin bà thương tôi

Liên : Cô Bích !

Bích : Không, không phải chỉ thương một mình tôi, tôi là đồ bỏ đi, yếu đuối, hư hỏng, không có gì đáng kể. Tôi chỉ xin thương cho đứa trẻ thơ ba tháng tôi đương mang trong mình. Nó hoàn toàn vô tội. Vì nó, tôi đã phải cố sống, phải tới đây gặp bà, (gục đầu xuống thành ghe, khóc) nó cần có anh ấy, anh Vĩnh.

Liên : Cô Bích, cô Bích (một phút, Bích vẫn khóc, Liên đứng dậy đi tới đặt tay trên vai nàng) Bích nghe tôi nói không ? (một giây nữa) chúng ta phải rán sức. Bích phải bình tĩnh lại. Chúng ta phải nói tiếp Bích phải nghe lời tôi.

Bích : (ngồi lên, lau nước mắt, Liên về chỗ, một giây) Tôi xin bà tha lỗi, tôi thật quá yếu đuối.

Liên : Tôi đã nghe và hiểu biết những điều Bích đã nói, bây giờ

- CHỊ EM, CHA CON VÀ TRẺ THƠ

- đến lượt tôi nói và Bích nghe. Bích nghe tôi nói không?
- Bích : Tôi xin nghe.
- Liên : Bích kém tôi nhiều tuổi. Có phải như thế không. Vậy Bích phải cố gắng tin tôi, cố gắng nghe tôi hỏi.
- Bích : Tôi thật tình tin và biết ơn bà, anh ấy sẽ ghét tôi lắm nếu nhìn thấy tôi khóc. Tôi sẽ không khóc nữa. Xin bà cứ hỏi, tôi đương cố gắng nghe.
- Liên : Bích phải cho tôi biết rõ câu chuyện của hai người, tôi cần biết rõ lắm. Hai người quen nhau từ bao giờ?
- Bích : Chúng tôi biết nhau đã từ năm năm nay.
- Liên : Năm năm?
- Bích : Vâng, năm năm, dạo đó tôi còn kẹp tóc đi học, chưa biết gì. Vĩnh khi đó là bạn với anh tôi.
- Liên : Rồi sau này?
- Bích : Khi anh tôi bỏ đi, tôi chỉ còn có Vĩnh, vì thế khi bắt đầu lớn lên là tôi thương anh ấy, mãi cho tới bây giờ...
- Liên : Nhưng Bích không biết gì về « anh ấy » cả, có phải như thế không?
- Bích : Tôi biết những không hiểu, mà tôi cũng chỉ cần hiểu có một điều là chúng tôi thương nhau, anh ấy bảo tôi như vậy.
- Liên : Thế Bích đã biết được những gì về « anh ấy », có biết « anh ấy » chơi với hung dữ không?
- Bích : Thưa bà, chính tôi đã đương ngồi ở trong gian phòng này. Tôi rất biết ơn bà nhưng xin bà đừng nói nữa. Dù anh ấy có hung dữ đến thế nào chăng nữa, tôi vẫn cần anh ấy.
- Liên : Chính vì thế, Bích lại càng cần biết « anh ấy » rõ hơn nữa và tôi lại càng cần phải nói hết cho Bích hiểu. Bích ngồi đây chờ tôi vài phút. (Liên đứng dậy, đi vào góc sân khấu lảng ra từ giá sách tập ảnh gia đình rồi trở lại chỗ ngồi) Bích mới biết « anh ấy » có năm năm phải không, Bích nhìn đây. (tập ảnh để trên bàn, hai người cùng cúi xuống) Đây là một gia đình, Bích thấy rõ không? Đây là căn nhà, đây là người cha, đây là người mẹ, đây là, đây là...
- Bích : Anh Vĩnh!
- Liên : Phải, chính nó. Cái này mười năm năm, cái này mười hai năm, cái này mười năm, cái này bảy năm, còn cái này mới cách đây hai năm, Bích nhìn thấy hơi mờ phải không, vì hôm ấy nó trở về nằm trên chiếc ghế Bích đương ngồi đó mà ngất đi, tôi phải chụp trộm nó. Bích hiểu vì sao không?
- Bích : Em hiểu, em hiểu, em không ngờ (Bích bồng ôm ngực, cơn bệnh đã tới, Bích cố gượng lại) Em không thể ngờ được. chuông báo khách bên ngoài bỗng reo vang, tiếng chuông gấp rút làm Bích kiệt sức, chị Sáu hiện ra trên sân khấu với vàng, hai người cùng đỡ Bích trong khi tiếng chuông vẫn reo vang.
- Liên : Bích, Bích, Bích!

- Bích : Chắc anh ấy đã tới. Không (cố đứng dậy), không, em không làm sao hết (ngả vào cánh tay Liên, ngã!).
- Chị Sáu : Phải làm sao bây giờ, còn khách bên ngoài nữa.
- Liên : Nó ngất rồi, chị đỡ dùm tôi, để khách đó, phải mang nó vào trong đã.
- Chị Sáu : Sao vậy, cô ?
- Liên : Nó tới đây đánh ghen.
- Chị Sáu : Trời đất, nó là ai ?
- Liên : Là con vợ thằng Vĩnh. Nó có mang ba tháng rồi đó, chị nhẹ tay một chút, cho nó vào phòng mẹ tôi đi.

2

Chị Sáu, Liên, và Bích đã mang nhau vào. Bây giờ, sân khố bỏ trống không hai phút, tiếng chuông khách reo vang trong phút đầu rồi sau đó gần lặng, người khách bên ngoài đã tự mở được cổng rồi đi vòng theo lối vườn sau mà hiện ra từ khuôn cửa phía góc trong sân khố, người khách đó là ông Phong : « Không có ai cả sao ? » Phong đứng nơi cửa một giây, hỏi lớn tiếng, rồi liến vào, treo mũ trên chiếc chạc sừng cạnh đó vào chỗ của màn nhất (nơi chiếc áo mưa của Liên vừa được chị Sáu dọn đi) rồi tất tả bước lên cầu thang. Liên từ phía chiếc cửa khuất sau cầu thang bước ra, sửa lại dáng điệu, nói : « Toa xuống đi, moa đứng đây kia mà ». Ông Phong dừng lại giữa cầu thang rồi quay người bước xuống.

Ô. Phong: Hề Lô, Liên. Vừa có chuyện gì vậy, chờ moa thấy lâu không ?

Liên : Trông toa lại từ sớm (hai người liến vào giữa sân khố, Phong mở máy thâu thanh) sao mãi giờ mới tới ? (tiếng trong máy thâu thanh : bây giờ bốn mươi lăm : bản thông tin buổi sáng. Tám giờ : câu chuyện thời sự thứ nhất trong ngày. Tám giờ mười : ông Trần Đình Phong người sẽ dẫn đầu phái đoàn nhân sỹ đi kinh lý miền Trung nói chuyện với đồng bào nạn nhân cơn thiên tai vừa qua...) Liệu còn đủ thì giờ để ăn chút gì không ?

Ô. Phong: Moa chỉ còn mười phút ở đây, nhiều chuyện lắm, em tùy ý dùng thì giờ đó được việc gì thì làm.

Liên : Mấy giờ hôm nay toa ra Trung ?

Ô. Phong: Mười giờ năm phút nữa thì máy bay cất cánh, mà trước đó moa đã phải có mặt ở hội, nhiều việc phải lo lắm.

Liên : Còn việc moa nhờ toa đem qua ?

Ô. Phong: Thì chính moa tới vì chuyện đó (tắt máy thâu thanh, về chỗ ngồi). Moa sẽ ở lại Huế hai ngày và Đà Nẵng một ngày, em liệu thu xếp cách nào chờ về được không ?

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRÉ THƠ

Liên : Còn bây giờ ?

Ông Phong : Móa đã cố hết sức nhưng ít thì giờ quá mà tiền thì bị kẹt gần hết không thể nào lo kịp. Em phải rần chờ vậy, móa đi chuyến này là để xoay chung cho hai đứa một món, không phải mang về riêng cho vợ con đâu.

Liên : Thế đêm qua, khi hứa với móa, toa nhắm vào chỗ nào, sao không cố lo hộ.

Ông Phong : Móa đã cố hết sức, đêm qua hai giờ sáng mới yên : móa đi kiếm thằng con trai (cười) thằng mà móa sẽ gả cho em đó, nó còn một ngân khoản nhỏ ở banque, móa định mượn nó để đưa em dùng tạm.

Liên : Rồi sao nữa.

Ông Phong : Móa kiếm mãi đến mười hai giờ mới trông thấy mặt nó, em biết nó trả lời sao không ? — Thừa ba, năm năm nay con không liêu gì cả là dành lại đến bây giờ để dùng, bây giờ con đã lớn con cần dùng nó lắm, xin ba hỏi mẹ vậy — Nó là thằng con hư, vì thế móa sẽ không đời nào gả nó cho em hết. Thôi, em rần thu xếp để chờ móa mấy bữa.
(Chị Sáu từ trong nhà ra, ghé tai Liên nói nhỏ, một giọng).

Liên : Toa ở đây ăn sáng đã chưa ?

Ông Phong : Có lẽ không kịp đâu, thôi, để chờ móa về đã.

Liên : Khi toa về có lẽ đã không còn căn nhà này nữa đâu. Hãy cố ở lại đây thêm ít phút (chị Sáu đỏ) móa có chuyện cần nói.

Ông Phong : Chuyện gì vậy, em không tin ở móa hay sao ?

Liên : Móa hiền, nhưng chuyện này không liên quan gì tới việc tiền nong vừa rồi cả, móa sẽ bán căn nhà này đi.

Ông Phong : Vì em giận móa không lo được cho em, có phải thế không nào ?

Liên : Không, không phải thế, vì móa sắp sửa phải đi xa.

Ông Phong : Đi xa ? Đi đâu ? Em điên rồi.

Liên : Móa không hề điên đâu, mà chỉ sợ sẽ làm cho toa điên vì chuyện này mà thôi (nụm cười). Vậy toa đừng ngạc nhiên gì cả khi nghe móa nói, đây không phải chuyện đùa : chúng ta phải xa nhau, móa sắp lập gia đình và sắp theo chồng đi thật xa nơi đây.

Ông Phong : Liên, em không điên thật chứ ?

Liên : Mấy năm nay, đã bao giờ toa nhìn thấy móa điên một phút nào chưa ?

Ông Phong : Nếu vậy chắc em làm móa điên thật rồi. Tại sao ? Em dự định câu chuyện quái gở này từ bao giờ, hay là mới vừa rồi ?

Liên : Đây là chuyện móa định đã từ lâu, lẽ ra đêm qua, khi hỏi toa món tiền để khỏi phải lo bán căn nhà này đi, móa đã định nói ngay cho toa biết, nhưng rồi vì mệt quá.

Ông Phong : Em sẽ không việc gì phải lo bán nhà, bán cửa cho ai hết. Xong vụ này, mấy bữa nữa, khi trở về, chính móa sẽ mua

TRẦN DẠ TỬ

hết những gì em cần bán rồi, tặng ơn tất cả. Miễn là câu chuyện kỳ cục này không xảy ra lần nữa.

Liên : Móa nhắc lại rằng đây là chuyện thật.

Ô. Phong: Em nên nghĩ kỹ lại, nên liêu móa, có bao giờ móa liếc em gì đâu. Việc không lo kịp cho em món tiền này chỉ là ngoài ý muốn.

Liên : Móa hiểu và nhớ ơn toa, nhưng không thể thay đổi chuyện này được. Toa phải lo nhiều công việc, chắc sẽ không còn thời giờ giận móa.

Ô. Phong: Thật toa không thể hiểu nổi em, em định rồi sẽ như thế nào?

Liên : (hắc cười vài hôm nữa, khi lo xong vụ ngoài Trung, trở lại đây, hẳn toa sẽ biết rõ chuyện ấy. Bây giờ thì hãy ở lại đây ăn với móa chút đồ. Chị Sáu, chị Sáu ơi (chị Sáu ro). Đã có gì ăn được chưa, chị mang lên lần đi.

Chị Sáu : Xin cô chờ ít phút nữa. Bây giờ nước mới sôi.

Ô. Phong: Chị cứ làm thư thả (chị Sáu vào) Móa không thể ở lại ăn với em nhưng móa phải biết rõ chuyện này trước khi đi. Tại sao em bỏ móa?

Liên : Mong toa không coi đây là chuyện quan trọng, vì móa đâu thể sống thế này mãi được.

Ô. Phong: Em chán móa?

Liên : Không, móa chán tất cả và móa bỏ tất cả (cười), ngay chính cả móa nữa.

Ô. Phong: Nhưng em không thể bỏ được móa, vì móa chỉ có em (một góc) Thật thế, chỉ có một mình em.

Liên : Không phải thế đâu, còn gia đình, con cái toa nữa chứ?

Ô. Phong: Hừ, gia đình con cái! Em có vẻ tha thiết với những thứ ấy lắm.

Liên : Toa nói đúng (lại cười) móa cần phải có một gia đình, sống cuộc đời tầm thường hạnh phúc với một ông chồng và sinh con đẻ cái. Toa thấy móa chưa quá tuổi để có một gia đình đấy chứ.

Ô. Phong: Em điên rồi, móa muốn thấy mặt ông chồng em quá, để biết lủi ra sao.

Liên : Bây giờ mấy giờ rồi.

Ô. Phong: Tám giờ đúng, (chiếc đồng hồ trên tường lại bắt đầu đổ chướng) chết thật, móa sắp phải lên đài phát thanh, làm thế nào bây giờ.

Liên : Vì toa bận, nếu không ở chắc toa sẽ gặp. Lát nữa sẽ đến đây. Thôi, đành để sau này vậy.

Ô. Phong: Móa phải đi bây giờ, nhưng không thể đi được. (hai người đứng dậy, ra cửa trước. Phong bỏ quên lại chiếc mũ trên chạc sừng.) Chút nữa, móa sẽ trở lại đây, móa cần phải trông thấy mặt ông chồng của em, cần phải giữ em lại.

Liên : Toa cứ yên tâm đi, không giữ móa nổi đâu — mà cũng không

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRÊ THƠ

- nên giữ làm gì — Chúc toa đi may mắn.
- Ô. Phong: Em nhớ mở nghe bài diễn văn của moa, đọc xong, moa trở về đây liền. Em không trốn nổi đâu.
- (Cửa mở, rồi sán khòu bởi Phong, Liên vẫn để nguyên cánh cửa, trở lại giữa sán khòu. Đốt thuốc. Về một môt trở lại và hiện rõ, chị Sáu từ trong ra)
- Chị Sáu: Ông Phong đâu rồi cô?
- Liên: Hân đi rồi.
- Chị Sáu: Còn chuyện cô gái trong phòng bà, bây giờ mình phải làm thế nào? Để tôi dọn cô dùng điểm tâm đã.
- Liên: Nó lập lại lâu chưa?
- Chị Sáu: Cô ấy đương đòi tôi dẫn ra gặp cô. Tội nghiệp, cô ấy trông cũng hiền: Thật tôi phổng hiều đầu đuôi câu chuyện ra sao nữa.
- Liên: Chị làm sao, hiều nổi (dừng dặt) chị cứ dọn lên đi, tôi vào nó chút đã (vươn vai) À, mà thôi, chị mang vô trong, tôi dùng với nó luôn thề (quăng mẩu thuốc xuống chán). Rồi xếp lại nhà cửa đi thì vừa.
- (Sán khòu bởi Liên về phía cánh cửa nằm khuất trong cầu thang, về gần lạng vạt phứt, chị Sáu dọn ăn xong trở ra bởi đầu thu xếp nhà cửa: quét nhà, xếp lại giá sách, dẹp lại bàn, thag bình hoa vắn vắn. Một lát, Vĩnh hiện nơi cửa ngoài. Bấy giờ, đã có được năm người ở đây. Vĩnh lại ngồi vào, nơi chiếc ghế Liên vừa dùng dặt, cầm tập ảnh Liên bỏ lại bàn lên đỡ xem từng trang, đánh diêm đốt thuốc trong khi chị Sáu vẫn tiếp tục làm việc)
- Chị Sáu: Kia, cậu Vĩnh, tôi đương mong cậu về.
- Vĩnh: Có gì vậy, chị Sáu. Đêm qua ông Phong lại ở đây phải không?
- Chị Sáu: Không phải đâu, ông ấy mới tới hồi sớm nhương vừa bỏ đi rồi.
- Vĩnh: Sao mủ của ông ấy còn kia?
- Chị Sáu: Ờ, cái mủ. Lần này thì ông ấy quên thật.
- Vĩnh: Chị Liên đâu rồi?
- Chị Sáu: Cô ấy đang ăn sáng ở trong, chắc cũng sắp xong rồi. Để tôi vào nói cậu dữ về.
- Vĩnh: Thôi, chị khỏi vào, để tôi ngồi chờ đây được rồi.
- Chị Sáu: Cậu đã ăn gì chưa để tôi dọn lên đây, kéo như hôm qua rồi lại không kịp ăn.
- Vĩnh: Chị cứ làm việc đi, lần này tôi ăn rồi, chị khỏi lo tôi đói (môt giáy). À, mà chị Sáu này, sao hồi này chị Liên bỗng dậy sớm thế nhỉ?
- Chị Sáu: Có ngủ đâu mà dậy, suốt đêm qua cô ấy ngồi ở đây một mình, tôi nói hoài không được.
- Vĩnh: Suốt đêm qua thật à? Vậy lại càng lạ nữa.
- Chị Sáu: Lạ, sao hôm nay cậu như cái gì cũng thấy là lạ hết?

TRẦN DẠ TỬ

- Vĩnh : Có lẽ tại tôi ham sống quá (cười, dùng dằng). Để tôi vào tìm chị ấy vậy (Vĩnh bước lên cầu thang) lâu lắm chưa bước lên mấy cái bậc thang này lần nào.
- Chị Sáu : Cậu Vĩnh !
- Vĩnh : Gì nữa vậy chị Sáu ?
- Chị Sáu : Cô ấy không có ở trên đó. Cậu để tôi kêu cho.
- Vĩnh : Chị ấy đang ở đâu ?
(Liên hiện ra dưới chân cầu thang)
- Liên : Đây, tao ở đây, mày xuống đi (Vĩnh xuống, hai người trở lại giữa sân khấu) chị Sáu lo vào trong giúp tôi chút đi (chị Sáu vào) còn mày, mày hãy ngồi xuống đó (hai người cùng ngồi xuống) sao hôm nay mãi đến giờ này mày mới về ?
- Vĩnh : Tôi đã về đúng với giờ chị muốn.
- Liên : Phải, thật đúng lúc. Mày đã ăn gì chưa ?
- Vĩnh : Chị khỏi lo, tôi ăn rồi.
- Liên : Tao không được quyền lo cho mày gì cả, có phải như thế không ? Vậy hãy nghe tao trả lời cho mày về chuyện mày đã hỏi : bắt đầu từ hôm nay, căn nhà này thuộc về quyền của mày, mày giữ hay bán đi tùy ý, mọi thứ liên quan đến nó mày cứ hỏi chị Sáu. Còn về món tiền hiện giờ ở đây chỉ còn vài trăm ngàn, tao để lại cho mày cả số đó. Trong ngày hôm nay tao sẽ rời khỏi đây, như vậy mày có thể yên tâm và bằng lòng rồi chứ.
- Vĩnh : Tôi không cần nhiều thế.
- Liên : Tao biết mày cần mà.
- Vĩnh : Tôi chỉ xin chị món tiền trăm ngàn trong số chị đang có.
- Liên : Nên tin lời tao nói, tao hiểu mày nghĩ gì.
(Một phút yên lặng giữa hai người, không khí súc động mạnh)
- Vĩnh : Chị Liên ?
- Liên : Mày còn cần ra thêm một cái lệnh gì nữa ?
- Vĩnh : Chị nên nghe tôi nói, giúp tôi một lần này, tôi cần chị.
- Liên : Mày có bao giờ cần tao giúp. Suốt năm năm nay có bao giờ mày thêm nói với tao một câu nào về mày, ngoài những lời ra lệnh (một giây). Đó, bây giờ mày được quyền ra lệnh cho tất cả những gì thuộc về gia đình này, trừ tao ra. Mày muốn gì hơn nữa ?
- Vĩnh : Chị làm vậy thật à ?
- Liên : Tại sao lại không thật, đó chính là ý mày kia mà. Hay mày sợ không biết phải làm thế nào để bán được nó đi, chuyện ấy đâu khó gì, chỉ vài giòng rao vặt : Cần bán gấp một villa, yên tĩnh, trung tâm thành phố, đầy đủ tiện nghi, sân, vườn, giá rẻ, thế nào chả có đứa tìm đến. Còn phần tao, mày khỏi lo gì hết. Mày đã muốn dùng đến căn nhà này, thì đó, tao giao nó cho mày dùng nó và trách nhiệm với nó. Hay mày sợ trách nhiệm ?

CUỐI EM, CHA CON VÀ TRẺ THƠ

(Bích hiện ra nơi chân cầu thang, thấy Vĩnh vội dừng lại, khựng vào và lắng nghe yên ắng).

Vĩnh : Tôi không sợ trách nhiệm (một giây) mà sự thực ở đây cũng chẳng còn trách nhiệm gì cần tôi mà bảo tôi phải sợ Vĩnh, mày vừa nói gì vậy ?
Liên : Chắc chị đã nghe rõ.

Vĩnh : Phải mày định nói rằng trong căn nhà này đã không còn ba, không còn mẹ, không còn tao. Và như thế nó không còn gì cả, phải thế không ?
Liên : Chị cứ nói.

Vĩnh : Tao nói lần cuối cùng là mày hèn. Dù mày coi căn nhà này thế nào đi nữa thì nó vẫn còn đó, vẫn còn những viên đá, những cánh cửa, những đồ vật đã nuôi mày lớn lên. Tất cả những thứ đó chưa đủ để mày phải có lấy một chút trách nhiệm với chúng sao ?

Vĩnh : Đó chỉ là những thứ giúp cho lòng kiêu ngạo của chị, mà tôi, tôi không thể kiêu ngạo như chị, vì thế, tôi nhắc lại : ở đây tôi hoàn toàn không một trách nhiệm nào.

Liên : Để tao cho mày được nhìn thấy cái trách nhiệm của mày (gọi vào) Chị Sáu, chị Sáu ơi ! (chị Sáu ra) Chị vào trong mời chị Sáu ngồi ngai, Liên quay sang phía Vĩnh). Mày biết cô Bích chứ, cô gái đêm hôm qua đội mưa đến tìm mày ở Night Club đó mà ?

Vĩnh : (Bích từ phía chân cầu thang chạy băng qua cửa sau ra vườn ba người không ai thấy).

Liên : Chị vừa nói gì vậy ? Bích ? sao lại Bích ở đây ?
Chị Sáu : Mày không ngờ phải không (chuông reo lần thứ hai). Nó ở đây từ sáng.

Vĩnh : Có khách tới ở ngoài.
Chị Sáu : Chị ra mở cổng đi, để tôi vào (dừng độ) Bích ở phòng nào ?

Liên : Cô ấy đang ở trong phòng bà.
Vĩnh : Mày ngồi xuống đó đã. Chị Sáu, chị ra mở cổng đi.

Liên : Tôi phải vào với Bích (bước đi).
Vĩnh : Vĩnh ! (Vĩnh đứng lại, chị Sáu ra cửa ngoài) mày lại đây (Vĩnh trở lại) ngồi xuống nghe tao đã.

Liên : Sao Bích lại ở đây.
Vĩnh : Mày ngồi xuống đó đi. (Vĩnh ngồi xuống) Nó vừa ngắt xong, bây giờ chắc còn một.

Vĩnh : Sao Bích ở trong căn nhà này ?
Liên : Vì căn nhà này có liên quan đến mày.

Vĩnh : Bích tới đây làm gì ?
Liên : Mày lại đang xấu hổ và đương sợ vì nó biết rõ tung tích mày, biết rõ rằng mày là em tao, khi tới đây tìm mày chứ gì ? (một giây) không phải thế đâu, mày khờ lo, nó tới tìm

TRẦN DA TỬ

tạo. (Một giây) Nó tìm tạo để nói rằng : atôi van bà, xin bà thương tôi, thương đưa trẻ vô tội trong bụng tôi mà buông tha anh ấy. Đó, nó tôi đây vì thế.

Vĩnh : Chị đã làm gì Bích.

Liên : Làm gì ? (cười) tao mở tập ảnh này ra, chỉ tấm ảnh mây ở trần nằm trên tay mẹ mà nói cho nó nghe, mây biết tao bắt buộc phải nói gì rồi mà ? Dù làm mây xấu hổ (Tiếng giêng trên lối đi ngoài cửa) Mây biết thế chứ, Vĩnh ?

Vĩnh : Chị để tôi vô trong với Bích.

Liên : Mây hãy ngồi lại đó, từ sáng đến giờ tao đã toàn nghe chuyện về mây, bây giờ đến lượt mây phải ở đây nghe những chuyện của tao. Bích còn mệt, hãy để nó nằm nghỉ. (Chị Sáu mang Đồng vào, người thư sáu đã tới)

Vĩnh : Bề tôi vô.

Liên : Mây phải ngồi lại đó ! (dừng lên, đón Đồng) Chúng tôi mong anh mãi, anh ngồi đi Đồng ngồi xuống một ghế). Anh Đồng, Vĩnh, em tôi (Hai người đàn ông bắt tay nhau).

Đồng : Khi đứng đợi ngoài cổng tôi sợ Liên chưa dậy.

Liên : Tôi mong anh từ sáng.

Đồng : Tôi có mang lại xấp thư Liên gửi cho anh Thành ngày xưa. (Đồng để xấp thư lên bàn, Liên đặt tay lên đó, và Vĩnh thì nhìn Đồng).

Liên : Đêm qua anh đã nghe lời tôi về nhà ! (qua sang chị Sáu) chị vào trong thăm cô Bích dùm tôi, nói cô ấy cứ nghỉ cho đỡ mệt.

Đồng : Sáng nay chắc Liên bận nhiều khách (nhìn Vĩnh) Mong tôi không làm phiền Liên nhiều.

Vĩnh : Chúng tôi đều là người trong nhà, xin ông cứ tự nhiên.

Liên : Đêm qua chắc hẳn anh đã suy nghĩ kỹ ?

Đồng : Tôi đã suy nghĩ từ lâu. Tôi xin Liên tin tôi (Vĩnh đứng dậy tôi mở tủ rượu)

Liên : Tin rằng anh sẽ không ân hận gì cả ?

Đồng : Tôi hiểu Liên.

Liên : Tôi cũng có thể tin được là anh hiểu tôi khi đã biết tôi từng sống như thế nào ?

Đồng : Tôi sẽ làm hết cách để Liên tin được tôi.

Liên : Nhưng liệu anh còn có thể vui lòng nhìn thấy cuộc sống của tôi thêm lần cuối cùng này nữa, trước khi mình cưới nhau ?

Đồng : Tôi chỉ mong tôi không làm phiền Liên.

Liên : Anh Đồng, nếu vậy, tôi đã có thể trả lời được anh là tôi bằng lòng, rất sung sướng bằng lòng.

Đồng : Vậy tôi là người sung sướng nhất.
(tủ đã hết hết rượu, Vĩnh trở về chỗ ngồi).

Liên : Tôi đã mong anh đến để nhường anh báo tin mừng này

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRẺ THƠ

- cho Vĩnh (với Vĩnh) Vĩnh, anh Đồng đã là vị hôn phu của chị.
- Vĩnh : Thật là một chuyện không thể ngờ.
- Đồng : Tôi mong được Vĩnh chia niềm vui với tôi, trong đám cưới này Vĩnh là người thân nhất.
- Vĩnh : Tôi là người vui nhất.
- Liên : *(chị Sáu từ trong ra, dáng hơi hoảng, ghé tai Liên nói thầm).* Sao, sao? Cô ấy đâu? *(với Vĩnh)* Bích vừa biến mất, phải đi tìm nó ngay.
- Chị Sáu : Khi cậu Vĩnh tới đây rõ ràng cô ấy còn đang trong phòng bà. Khổ quá.
- Vĩnh : Vậy thì Bích đâu *(đứng dậy)* tại sao có chuyện này? Chị Sáu đi với tôi coi nào *(Cảnh sân khấu nhốn nháo, Vĩnh vào phía cửa trước, chị Sáu vào cửa sau, lối ra vườn. Liên vào phía cầu thang một chút rồi trở ra trao đổi với Đồng và cả vẫn đáp. Nửa phút sau, tiếng chị Sáu từ hậu trường : Cô Liên, cô Liên. Liên và Đồng cùng vào, lát sau Đồng bỗng Bích ra sân khấu, theo sau là Liên, chị Sáu rồi Vĩnh từ cửa trước. Bích đã được đặt nằm trên chiếc tràng kỷ phía góc trong sân khấu).*
- Vĩnh : Có chuyện gì thế này, chị Sáu?
- Chị Sáu : Tôi tìm thấy cô ấy nằm bất tỉnh ngay dưới chân pho tượng. Khổ quá, không biết cô ra đó làm chi?
- Liên : Phải có người đi kêu bác sỹ ngay. Chị Sáu, chị kiểm xe kêu ông Đang đi.
- Đồng : Tôi biết Đang, để tôi đi liền cho.
- Liên : *(sân khấu bớt đông)*
- Vĩnh : Vĩnh, mày lo mang nó vào trong phòng mẹ đi.
- Liên : Khi tới đây Bích đã hề gì chưa?
- Liên : Nó ngồi được một lát thì gục xuống. Tao với chị Sáu phải mang nó vô nghỉ trong phòng mẹ. Hình như nó sốt, có lẽ vì trận mưa đêm qua.
- Chị Sáu : Ngay khi vừa mở cửa, tôi đã thấy cô ấy có vẻ yếu lắm rồi.
- Vĩnh : Chị Sáu giúp tôi đưa chút đi *(với Liên)* ông Đang tới chỉ mời vô trong ngay dùm tôi.
- (Vĩnh và chị Sáu mang Bích vô, còn lại một mình, Liên trở lại chỗ ngồi ôm đầu, vẻ mệt mỏi cùng cực. Chiếc đồng hồ trên phòng Bích một chiếc khăn mặt ướt. Mấy phút sau, ông Phong xuất hiện từ cửa ngoài vào, ngồi trước Liên).*

3

- Ô. Phong : Vừa có chuyện gì? Em đang đợi ai vậy?
- Liên : Đợi bác sỹ.

TRẦN DẠ TỬ

- Ô. Phong : Bác sỹ hay ông chồng của em. Móa chỉ ghé đây được một chút thôi đó.
- Liên : Trong nhà này đương có người đau
- Ô. Phong : Ai ? Ai vậy ?
- Liên : Vợ của Vĩnh.
- Ô. Phong : Vợ Vĩnh ? Sao ? Sáng móa không nghe em nói ? Năm đau ?
- Liên : Đương ở phòng trong với Vĩnh và chị Sáu.
- Ô. Phong : Sao bác sỹ chưa tới, đã có ai đi gọi chưa.
- Liên : Có, vừa có người đi gọi, chắc về tới bây giờ.
- Ô. Phong : Bữa nay tự nhiên căn nhà này đổi khác, thế ai vừa đi gọi bác sỹ cho em vậy ?
- Liên : Người toa đương muốn gặp.
- Ô. Phong : Em nói thật hả Liên ?
- Liên : Móa đã nói với toa hết lời từ buổi sáng.
- Ô. Phong : Vừa rồi có nghe bài diễn văn móa đọc ở đài không ?
- Liên : Nhà có người đau, móa bận từ buổi sáng không được nghe. Mấy phút nữa toa đi ?
- Ô. Phong : Móa chỉ còn dăm phút, em phải lo cho móa được yên tâm đi.
- Liên : Móa tưởng toa đã hết thắc mắc.
- Ô. Phong : Em không bỏ móa chứ, Liên ?
- Liên : Hôm nay, sắp đi xa, toa nên bình tĩnh lại.
- Ô. Phong : Phải, móa không bình tĩnh (chị sáu ra) nhưng không phải vì thế em lừa được móa đâu.
- Liên : Toa điên rồi.
- Chị Sáu : Thưa, cô ấy đã hơi tỉnh và nói xin gặp cô.
- Liên : Chị vô trước biểu Vĩnh tới đợi bác sỹ tới sẽ cùng vô một thê. Nói cô ấy cố nằm nghỉ chút nghe, chắc ông cũng sắp tới.
- Chị Sáu : Để tôi vô. (oáo)
- Ô. Phong : Hẳn là thắng nào vậy ?
- Liên : Là người mà chính móa cũng mong sẽ giới thiệu với toa nếu toa bình tĩnh lại và rón ngồi chơi ở đây mấy phút nữa. Móa không muốn toa giận hay trách móa việc này. Nhìn thấy anh ấy, toa sẽ hiểu tại sao móa làm thế.
- Ô. Phong: Em đã quyết định vậy móa mong em sẽ không ân hận. Em nên nhớ móa không là con nít, (đứng dậy) móa cũng không cần phải trông thấy mặt hẳn. Sáng thứ năm có móa ở Saigon Em nên suy nghĩ kỹ.
- (Phong tiến ra chạc sừng sát cửa để lấy chiếc mũ quên hồi sớm, Liên đứng dậy đưa khách, liếng chân bước ngoài cửa, Phong vừa cầm mũ trên tay thì Đồng và vị bác sỹ đã vào tới, Phong quay lại. Trong một giây rất ngắn hai cha con đứng sừng nhận ra nhau, chiếc mũ trên tay Phong rơi xuống).
- Liên : Xin mời bác sỹ vô phòng trong liền hộ.

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRỀ THƠ

- Ô. Phong: Thế ra chính là mày., mày ở đây làm gì?... thằng mất dạy!
(Vĩnh hiện ra từ cửa trong, Đồng không nói được tiếng nào, vùng bỏ chạy ra cửa, Sân khấu về hồi hoàng).
- Liên: Kia, Anh Đồng, Anh Đồng! Ô kia, Phong?
(Phong lắt lả đuổi theo Đồng, chiếc mũ vẫn nằm quên dưới đất).
- Vĩnh: Việc gì vậy, vừa có chuyện gì vậy?
- Bác sỹ: Tôi không hiểu gì cả, tôi phải vào đâu đây?
- Vĩnh: Chị Liên, sao vậy?
- Liên: Tao không có sao hết (tôi rơi mình xuống ghế). Mày mời bác sỹ vào trong đi.
- Vĩnh: Xin bác sỹ theo tôi. (trở gót, hai người đi dần vào phía trong)
Chị Sáu, Chị Sáu ơi!
Liên ở lại ôm mặt khóc. Khi Vĩnh và vị bác sỹ đã khuất, chị Sáu hiện ra, đi tới, đập phải chiếc mũ, cúi xuống nhặt lên: Cảnh Liên ngồi và chị Sáu nhặt chiếc mũ của vai người cha lên chấm dứt vở kịch này.

saigon tháng tư. sân mùt

TRẦN DẠ TỬ

trường hợp «Ba người bộ hành» (1)

hay trường hợp Nhất Linh

CUNG TRẦM TUỜNG

Truyện kể như sau :

Một thanh niên bốn ba hải ngoại đề làm cách mạng. Làm cách mạng, nghĩa là làm việc lớn, thì phải hy sinh hết thảy cho đại nghĩa, phải nghèo khổ, phải... quên nhện đói. Đó là sự tất nhiên. Quên nhện đói thì hay thêm ăn ngon. Cũng là sự tất nhiên. Vậy, thanh niên kia mang chiếc áo ngực hàn độc nhất của hắt đi bán, lấy tiền vào tiệm, ăn nào phở thịt cừn, nào «qua cầu mễ phở». Khởi thức ăn bốc nghì ngút, làm độc giả thêm đến rõ nước miếng, tạm gạt truyện cách mạng đã. Người chiến sĩ cách mạng của Nhất Linh tuy giết người không ghê tay, nhưng cũng rất thương tình, nghĩa là giàu tình cảm — Chúng nó chỉ là đồ vũ phu thuần túy, là sắt, là gỗ, là đá, là vật; chúng mình hơn chúng nó ở chỗ vừa cứng vừa nhuần, vừa chặt cõ người vừa biết làm thơ, vẽ hoa, thích mọi vẻ đẹp của trần gian — Ăn no thì «vỗ bụng» như ba Tàu (2), rồi thêm gái. Thanh niên kia, sáng khoái tinh thần, đến thăm Phương, người em gái «đẹp đôn hậu dịu dàng» của đồng chí Hoạt. Một mối tình đẹp? — Lẽ dĩ nhiên. Mối tình nào mà chẳng đẹp khi đã bị Tự lực văn đoàn hóa. Phương yêu âm thầm Ngọc — quên nhắc từ trước là thanh niên kia tên Ngọc —, Phương đan áo len tặng Ngọc. Ngọc cảm động, ước thử miếng len «lên ngực Phương chỗ hai bầu vú phòng lên» (3), định ôm lấy Phương hôn nhưng lại thôi.

Chưa xong. Phương mới chỉ là mở đầu câu truyện. Sau Phương là Thanh và còn nữa, nữ y tá Nam, cô hàng bán bún, hai cô gái người Thổ. Thanh đẹp? — Bất buộc! Thanh là một người đàn bà bị chồng ly dị nên thù ghét tất cả đàn ông. Sang hải ngoại, mở quán cà phê. Uống cà phê phin với Ngọc ở trên gác riêng. Hai người ngồi ngắm hoa lựu nở ngoài vườn. Thanh thật là người ra sao, Ngọc chưa được biết rõ. Thế nhưng, Thanh đẹp, hoa lựu đẹp, cà phê phin ngon làm Ngọc quên phất cả kỷ luật của Đảng, cả cái nguyên tắc «bảo mật phòng gian» thường thức nhất đề kể lẽ hết cuộc đời cách mạng của mình.

Truyện kể tiếp trong mùl rượu, á phiện, trong hơi đàn bà, trong khói thuốc lá lucky strike, khói cà phê. Nhất Linh đã tỏ ra hậu hĩnh về văn

(1) Đời-nay xuất bản — 1961.

(2) Hình ảnh Nhất Linh đang trong truyện

(3) Ba người bộ hành — trang 23.

TRƯỜNG HỢP «BA NGƯỜI BỘ HÀNH»...

đề cà phê, cho độc giả uống cà phê từ đầu đến cuối. Uống cà phê để đêm khuya làm sự cách mạng cùng các đồng chí, tâm sự tình cảm cùng đàn bà đẹp, để cuối cùng chơi đôn tối hậu là thủ tiêu Tư và Nghệ, hai tên Việt Minh trà trộn trong hàng ngũ Quốc gia, bằng cách dụ chúng uống... cà phê pha thuốc độc. Đọc xong «Ba người bộ hành», tôi có cảm tưởng đáng và đặc là, nếu không có cà phê, cuộc cách mạng và câu truyện kể sẽ vô cùng nhạt phếch.

Chiến sĩ Ngọc của chúng ta đi làm cách mạng vì có một kinh nghiệm bản thân đau thương với thực dân Pháp? — Không! Vì ý thức được nỗi nhục của một dân tộc bị trị? — Không! Vì muốn thực hiện một chủ nghĩa cao cả mà mình đang phụng thờ? — Cũng không nổi! Nhất Linh giải đáp bộ: vì thêm muốn đi xa!

Có thể thôi! Lúc thiếu thời, Ngọc có yêu Thủy. Thủy đẹp? — Lẽ dĩ nhiên, chúng ta đang đọc truyện của Nhất Linh mà! Thủy chết vì ho lao. Ngọc buồn, Ngọc khóc. Lẽ, anh ruột của Thủy, vỗ về Ngọc: «Anh có muốn đi không... Đi xa lắm, đi khỏi nước».

Xong. Cái «guồng máy» (1) bắt đầu quay. Ngọc đi làm cách mạng vì vậy. Câu truyện «đưa đổi thủ lên núi» (2) khởi sự cũng vì vậy. Người chiến sĩ cách mạng của Nhất Linh sống thường trực trong mâu thuẫn khó hiểu, khó hiểu vì nhiều giả tạo hơn thực. Thật tâm, hẳn không muốn, hay đúng hơn, hẳn sợ giết người. Lúc nghe nữ y tá Nam kể lại nàng đã bóp cổ thủ tiêu một cán bộ cao cấp cộng sản, hẳn thấy ghê tởm và cho hành động ấy là độc ác. Thế nhưng khi đã vào cuộc, đã bị «cái guồng máy lời kéo», hẳn «đưa địch thủ lên núi» một cách rất khôn ngoan, tinh táo, cần thận nấp sau một tảng đá lớn để quan sát địch thủ ngấm độc, ngã lăn ra chết. Rồi hẳn bỗng dưng trở nên hối hận, coi việc mình vừa làm là một hành vi lừa đảo dè bèn. Hẳn, con người của bao vụ thủ tiêu rừng rợn, lần này, hẳn không đủ can đảm nhìn mặt thầy địch thủ! Hẳn quay mặt, trốn tránh, đi tìm bào chữa trong một thứ triết lý thực tiễn thật ngu xuẩn: «Cá lớn nuốt cá bé... Vật nào cũng vậy muốn sinh tồn thì phải hủy hoại một vật gấu hơn mình, nhưng con người? Người có cần phải hại người khác mới sống được không? Chắc là không. Tại sao mình lại làm một việc độc ác như thế này, tại sao Nghệ không quen biết gì mình, mình cũng nghĩ đến việc thủ tiêu» (3).

Nhất Linh viết tiếp: «Ôc chàng (Ngọc) loay hoay nghĩ nhưng chẳng không tìm được một câu trả lời mà có lẽ suốt đời chàng cũng không bao giờ, không bao giờ tìm ra được».

Tôi thiết tưởng nếu Ngọc đã đi làm cách mạng vì một lý tưởng nào, hẳn sẽ tìm ngay ra câu trả lời hộ Nhất Linh và tội gì phải thắc mắc vơ vẩn, sống trong mâu thuẫn khó hiểu như trên.

(1) Danh từ của Nhất Linh

(2) Chủ thích của Nhất Linh: chỉ việc giết người vì ở bản Trung Hoa, cáo nghĩa địa đặt trên các gò đồng hay núi đồi.

(3) Ba người bộ hành — Trang 131

CUNG TRẦM TƯỚNG

Theo như truyện kể, tôi tin chắc bản hình của Ngọc bất hãm phải hẳn khoả, buồn rầu trên đường vô, sau khi hoàn thành xong nhiệm vụ Buồn rầu, hẳn khoả không một lúc mà suốt đời. Không. Hẳn chỉ việc « lấy một hôn cuối năm xuống nước suốt » là xua đuổi được ngay nỗi hối hận của hẳn. Hẳn trở về, cao giọng hát vang như không có chuyện gì xảy ra. Và nghĩ rất nhiều về cách mạng?—Không! Hẳn nghĩ về Thanh, người đàn bà đẹp đang chờ hẳn bên cạnh hoa lựu. Hẳn hẳn hoan thắm như :
— *Thanh yêu cũ anh, anh sắp về với em.*

Kút cục, truyện cách mạng của Nhất Linh, dù cố làm dữ, làm bạo đến đâu, vẫn cứ trở về cái mà tôi gọi là một bi kịch tam-giác rất hiền hòa mà ba ngọn tuần tự là đàn bà đẹp, rượu, cà phê ngon và phong cảnh đẹp. Khi Ngọc được lệnh về biên giới để « đưa lên núi » Nghệ và Tư, hai địch thủ Việt Minh rất lợi hại, hẳn chẳng thêm suy loán nhiều về công tác nguy hiểm ấy mà chỉ nghĩ ngay đến được đem Thanh đi theo làm một cuộc « ngao du dã thú vị ». Ngay cả lúc phải coi sóc căn mật địch thủ, trong một cuộc hành trình cô độc dài dằng dẵng, Ngọc cũng tỏ ra rất phớt lỉnh, vô ý đến độ thật khờ dại, dành một nửa tâm trí để mà vu vơ nhớ đến Thanh, tưởng tượng đến đời mà nàng « sẽ đổ hồng lên vì nắng như quả lựu ở vườn nàng », đến cả cảnh « nắng không dám tắm trước mặt mình nhưng thế nào nắng chẳng vén quần ngáy chôn vào nước suốt mát ».

Truyện đầy đầy những giả tạo tương tự. Tôi cảm tưởng đóng vai một chiến sĩ cách mạng kiểu Ngọc thì chẳng lấy gì làm gian nan, ghê gớm như Nhất Linh đã giới thiệu ở đầu truyện. Một thứ chiến sĩ cách mạng *play-boy*, nhiều gái mè, bông bầy, bông lòng, không chủ đích rõ rệt, làm cách mạng như đi du lịch xem phong cảnh đẹp, uống rượu, cà phê ngon, ăn của lạ, giết người dễ như tát gái, ngắm hoa lựu, hối hận rồi không hối hận, biện chứng bằng động bằng một thứ triết lý nhân sinh vô giá (*gratuite*). Một thứ chiến sĩ cách mạng kiểu « anh hùng cá nhân », duy kỷ đến độ tha giết địch thủ để hy vọng sau này, khi « cách mạng thành công », được thấy trong mắt địch thủ và vợ hẳn « một tia nhìn cảm ơn, một sự cảm ơn âm thầm vì đối với một việc như thế, người chịu ơn cũng như người làm ơn không ai có thể nói ra miệng được ».

Đình luận « Ba người bộ hành » như trên kể cũng gọi là tạm đủ. Nếu muốn có một ý niệm toàn diện hơn về 218 trang giấy ấy, in chữ thân 10, bán 70 đồng, tưởng nên kể thêm một vài chi tiết rất riêng biệt của nghệ thuật tiêu thuyết của Nhất Linh: viết văn hay, làm thơ và vẽ khéo. Vẽ khéo, đối với Nhất Linh, là vẽ một quả núi thành một quả núi, hai quả núi gặp nhau là hai quả núi gặp nhau, làm thành cái « Hèo ông Tháo », ba người bộ hành cách mạng đi đàng xa tập là ba người bộ hành cách mạng hẳn hoi, rõ rệt từ những chiếc ba-lô đeo trên vai. Nhất Linh tỉ mỉ đến nỗi cho rõ rệt như vậy vẫn chưa đủ. Chắc ông tưởng độc giả Việt Nam 1961 còn thích truyện Tàu, ông hẳn kể

TRƯỜNG HỢP «BA NGƯỜI BỘ HÀNH»...

truyện bên Tàu. Thế nhưng, ông sợ độc giả Việt Nam 1961 không hiểu nổi những đường dốc uốn khúc của ý nghĩ ông, ông không những vẽ cho rõ, cho khéo, lại còn cần thận chú thích mỗi bức tranh bằng một đoạn văn sáng sủa, hay cái lối sáng sủa, hay của Tự Lực Văn Đoàn một ngàn chín trăm ba mươi mấy, bịt tai trước sự tiến triển không lồ mà một nạn đói, một hai cuộc cách mạng, một cuộc chiến tranh chưa ngừng, một cuộc chia đôi đất nước và rất nhiều cuộc giao tiếp với văn hóa ngoại quốc đã đem lại cho Việt ngữ. Sáng sủa, hay chẳng hạn như câu văn sau đây: (1)

« Tôi chỗ vắng người, Thanh lấy khăn mùi-xoa cầm sẵn ở tay, để mặc nước mắt rã rụa trên má. Nàng nức lên mấy tiếng rồi nhìn những ngọn núi xa xa mà nàng đoán là về phía Văn Sơn, thều gọi: — Anh Ngọc, anh Ngọc của em ».

Ngoài vẽ khéo, viết văn hay, Nhất Linh còn tỏ ra mình có sở trường làm thơ. Ông thỉnh thoảng lại xen một vài câu thơ của ông vào truyện, rồi mượn một nhân vật của truyện mình để khen thơ mình hay. Giá trị thật về tư tưởng và ngôn ngữ của thơ Nhất Linh ra sao, tôi xin miễn bàn và trích ra đây để độc giả tùy ý suy xét:

Suối rừng một giải nước trong,
Thanh đưa suối, Ngọc cuối giòng, Thanh ơi!
Hai ta người sát cạnh người;
Đôi lòng cùng uống nước suối một giòng. (2)

Tôi là một người ba mươi tuổi, thuộc cái thế hệ sinh ra từ một nghìn chín trăm ba mươi, ba một trở đi nên nằm trong cái giai đoạn lịch sử đất nước xảy ra không ngừng những biến cố lớn: vui ít, buồn nhiều. Lúc hãy còn con nít, tôi cũng như những người đồng tuổi khác, đã bắt đầu hiểu làm thân phận người da vàng nhục nhiều hơn vinh, trong tiềm thức đã có mối nỗi lo âu, bằng cứ là cư trú thấy Tây «mắt xanh mũi lõ» là bỏ đi, rút về trong một pháo đài đồn nên âm u. Rồi Nhật chọc thủng biên thủy Lạng-Sơn, vào Hà-nội đánh Tây, sát Tây, bắt đầu cướp trường. Tôi được nghe các bậc cha chú, anh chị kể truyện nước, được chứng kiến tận mắt các anh sinh viên trường tôi đánh lộn với Tây bằng giáo, mác, búa loong, gậy, bằng bất cứ một chất liệu nào miễn nó cứng và đánh vỡ được đầu Tây. Tôi hòa dự vào các biến cố lịch sử đất nước, cả tâm hồn này bật lên vì uất ức, căm thù, cuồng điên, nổi loạn. Tôi tự nhủ: «Giả các anh có súng, mình có súng, á! Tây phải chết nhiều hơn!» Lúc đó cũng là lúc tôi bắt đầu đọc Tự lực văn đoàn, hát nhạc Lưu hữu 1 hươc, say mê «Đôi Bạn» «Bướm Trắng», lộn những Trương, Dũng và chính ngay Nhất Linh thành những thần tượng bất khả xâm phạm. Dũng bỏ Loan, sang Tàu làm cách mạng, Nhất Linh bỏ

(1) Ba người bộ hành — Trang 181

(2) Ba người bộ hành — Trang 188 — 189

CUNG TRẦM TƯỚNG

vợ, bỏ con, sang Tàu làm cách mạng. Tác phẩm và cuộc đời là một, tôi nghĩ như vậy. Cả bao nhiêu khát vọng hướng về tương tượng một Nhất Linh cao vời, vừa viết văn vừa đuổi giặc, vừa làm thơ vừa cứu nước, tôi thân phục theo rồi hành tinh Nhất Linh sáng ngời chuyển vần trong vòm tinh tú văn nghệ. Noi gương Nhất Linh, các anh thanh niên bỏ thành lên chiến khu phục kích giặc Nhật, bởi tại này, sau khi loại được Pháp, đã lộ bộ mặt thực dân bỉ ổi của chúng. Các anh đột nhập nội thành, thôn quê, ám sát những tên thân địch, làm chó săn cho địch. Hoan hô các anh ! Hoan hô các nhà cứu nước ! Hoan hô Nhất Linh, chiến sĩ cách mạng ! Có nhiều đêm, tôi bỏ ngủ để nghe ngóng bước chân các anh về như bước chân những anh hùng thuở xưa. Tôi yêu các anh hơn chính tôi, bố mẹ anh chị em tôi, bởi lúc đó, nếu các anh phản tôi phải chết, tôi xin chết ngay. Tôi lúc giận cả tôi con nít, tôi tự cười : « Nếu mày có thêm tuổi, nếu mày cao, lớn bằng các anh, cuộc đời này đâu có té-mọn, thụ động như vậy ! » (Thế hệ ba mươi chúng tôi hầu như không có thiếu thời, sống triển miên trong cái tâm trạng mâu thuẫn sau : lúc bé thì muốn lớn để được làm cách mạng, kháng chiến ; lúc lớn thì muốn bé lại để khỏi thấy hiện trạng buồn nản, nghèo nàn).

Thế rồi xảy ra như nạn đói mùa đông 1915. Sự thanh toán của nó, trên một triệu người chết, được viết bằng những nét chạm trên bia đá của lịch sử đất nước. Năm ấy, tôi gần mười bốn tuổi. Tôi bỗng nhìn vội được thực trạng sau : quanh tôi, ngay trong tầm hơi thở của tôi, đã nằm ngổn ngang từ mấy ngàn năm một thế giới đau khổ khác cái đau khổ riêng tư, vô ích, hơi hột của những Dững, Loan, Trương ; đói khát khác cái đói khát đời mới, cái lương, làm dáng, vị kỷ của phần đông những người làm văn nghệ thời đó ; đói khát cái đói khát của những bụng ruột, họng cổ, tim phổi, gan lách thêm cơm, thêm nước, thêm chất vôi, thêm đường, thêm sinh tố ; đói khát cái đói khát của những óc não thêm khí trời, thêm ánh sáng, thêm tự do, thêm độc lập. Riêng đối với trường hợp Nhất Linh, tôi tự hứa : « Ông bất buộc phải nhìn thấy thực trạng ấy, ông sẽ từ bỏ không thương tiếc cả Dững lẫn Trương, ông đang làm cách mạng, gần dân, gần thanh niên, hiểu được khát vọng chung của dân tộc. Ông sẽ thu thập kinh nghiệm sống để dựng lên những tác phẩm vĩ đại. Ông không thể không làm thế được, vì ông đã tự chọn, quần chúng đã chọn ông làm một lãnh tụ văn nghệ lẫn chính trị » Những tác phẩm vĩ đại, trong đó văn chương và cuộc đời là một ? — Phải, tôi mong chờ Nhất Linh sẽ làm những thứ đó hơn là ông làm bộ trưởng. Tôi mong chờ như vậy vì tôi nghĩ những chế độ chính trị sớm muộn rồi cũng đi qua như những cuốn phim, cái ở lại lòng người là những tác phẩm nghệ thuật có kích thước nhân loại và trường cửu. Tôi mong chờ trong niềm hy vọng Nhất Linh sẽ làm lớn trong văn nghệ.

Nhật thua. Cách mạng tháng tám. Việt Minh cướp chính quyền, loại trừ các phần tử quốc gia, trong đó có Nhất Linh. Kháng chiến chống thực

TRƯỜNG HỢP «BA NGƯỜI BỘ HÀNH» ..

dân Pháp cố ý trở lại đất nước này. Pháp thua, Hội nghị Genève. Chia đôi đất nước. Một triệu người di cư từ Bắc vào Nam. An ninh bị đe dọa. Đánh dữ, hồi phục an ninh... Bao nhiêu biến cố trầm trọng xảy đến rồn rập. Vết thương đất nước ngày càng chảy máu, khoét sâu thêm.

Nhất Linh bỏ Tàu về Sài-gòn. Lên tuổi Đam-mê chơi lan. Bỏ Đam Mê về lại Sài-gòn, ra báo «Văn hóa ngày nay», làm thơ, vẽ hoa, viết truyện «Đồng quê» di dỏm, hiền hòa, vui vui, dạy dỗ người ta viết tiểu thuyết. Những «Xóm chầu Mối», «Cố Mối», «Mối linh chầu», đánh tan thần tượng Nhất Linh trong tâm tưởng tôi. Kế đến là «Ba người bộ hành», được quảng cáo rầm rộ là tim, ruột của Nhất Linh, là chóp đỉnh của nghệ thuật tiểu thuyết của ông.

Xong. Tôi thấy cần phải dứt khoát với trường hợp Nhất Linh. Để tỏ nỗi bất mãn và công phần của tuổi trẻ trước cái kiểu sống tài tử bất lực của một vài thế hệ đàn anh đã bỏ lỡ những cơ hội làm lớn, làm đẹp làm ích cho họ, cho dân em, cho xứ sở, cho nghệ thuật? — Đúng, nhưng đúng một phần thôi. Tôi không hề muốn dùng bất mãn và công phần để hướng dẫn độc chiếm sự phê phán của tôi. Để không bao giờ rơi vào những trường hợp Nhất Linh khác nữa, không tin mong gì ở những thứ mà mình đã chót một lần tôn làm thần tượng, để cuối cùng nhận định rằng phần lớn của lịch sử, của nghệ thuật hôm nay là do những tâm hồn hai mươi, ba mươi làm nên, những tâm hồn sớm nhúng vào đau khổ, tang tóc, nghèo đói nên cũng sớm biết thương yêu, tin tưởng, xây dựng?—Đúng, đúng hoàn toàn. Con người hai mươi, ba mươi đang hết to, cực mạnh, trưởng thành trong một nhân bản mới. Mặc dù một vài thế hệ đàn anh chỉ vút lại nó những thất vọng, tù túng, ngột ngạt. Mặc dù một số người của những thế hệ ấy còn sống sót đến hôm nay, đang ăn to nói lớn, ngồi chiếu trên, hàng ngày xuống phố đi buôn, vào sở, đến tòa soạn. vô tình hay cố tình liên kết với nhau, mong phục hồi những vàng von đã phai màu, một chiều kết án con người hai mươi, ba mươi là cao bồi phá phách, đời bại, vô luân, phiến loạn. Mặc dù các nhà xuất bản có tái bản đến trăm lần «Đời bạn» «Bướm trắng». Mặc dù «Ba người bộ hành» có bán đến hai mươi, ba mươi ngàn cuốn.

Thôi vĩnh biệt chiến sĩ Dũng của những phòng tiếp tân. Vĩnh biệt cả hóa thân của bạn, Ngọc, chàng trẻ đẹp làm cách mạng không ý thức hệ, không trận tuyến tư tưởng, nên đã đại dột để tự kẻ thù qui quyết, tàn bạo, nhất quyết hơn, thủ tiêu dần các đồng chí của mình ở Ôn như Hữu, Vĩnh Yên, Yên Bái, Phong Thổ, Lão Kay... Vĩnh biệt cả lãnh tụ Nhất Linh mà tôi cảm tưởng đầu óc là một chiếc lá khoai đã chảy tuột những cơn mưa biến cố của lịch sử.

Chưa làm được cách mạng, tôi chỉ xin làm một người bộ hành tầm thường, đi vào cuộc đời hôm nay, tâm trí hoàn toàn đứng đưng với hình ảnh Nhất Linh.

CUNG TRẦM TƯỞNG

những điều nói với Thơ

LÝ HOÀNG PHONG

Hồi này tôi thật quá nhiều lo âu. Những lo âu nhỏ nhất, phiền phức, và những lo âu luôn luôn mong. Chân nắn, mệt mỏi. Nằm hoài trên giường mà không ngủ được. Nhà văn nào đã nói, cuộc đời là một mối lo, lo hoài cho đến chết. Nhìn chung quanh mình lại cứ thấy toàn những vấn đề, những câu hỏi, và tất cả đều như cấp bách, trái tim mình như cứ bị treo lên, treo lên mãi, mình không còn sống với chính mình nữa mà sống với một người nào ở ngoài mình. Thật chúng ta đang đi trên con đường tai họa, nhưng không bao giờ chúng ta biết được tại sao chúng ta lại đi vào con đường ấy. Chúng ta ăn, ngủ, nói, viết, làm lung, suy nghĩ, ân ái, ham muốn, tranh đoạt, chém giết nhau mà không bao giờ biết tại sao. Chưa bao giờ tôi lại thấy sáng tỏ như bây giờ cái ánh sáng của nhà Phật. Tôi nghĩ đến con người đã rời bỏ cuộc đời để đi vào rừng sâu và một hôm người đã hiểu được cuộc đời. Người đã nhìn thấy thấu suốt được tất cả, tất cả mọi bề, tất cả mọi phía, tất cả những tầng lớp, tất cả cái bí hiểm, cái phi lý, cái kỳ quái, cái lạ lùng của cuộc đời chúng ta. Chúng ta đã đúc tượng người, chúng ta đã đọc kinh, đã giảng giải, đã thuyết lý về những điều người đã nói, nhưng chúng ta chẳng còn hiểu gì lắm nữa. Tôi tưởng tượng đi vào trong một mái chùa thật rộng với một cái nền mát mẻ bao la và tôi sẽ đến nằm ở dưới chân người, ở đó tôi sẽ ngủ, tôi sẽ ngủ. Nhưng tôi vẫn nằm trên giường, vẫn thao thức, vẫn dang co với những lo âu dai dẳng.

Và bỗng nhiên tôi nghĩ đến Thơ. Bây giờ nghĩ lại tôi cũng lấy làm lạ lòng cho chính tôi. Tôi tưởng rằng tôi đã quên hẳn Thơ rồi. Thơ đã thuộc hẳn về quá khứ, không còn dính líu gì đến đời sống ngày nay của tôi nữa. Tôi vẫn nghĩ rằng dĩ vãng đối với tôi không còn nghĩa lý gì. Hôm nay tôi chỉ sống cho tương lai, sống với thực tại mà thôi. Tôi cho rằng như thế là tôi sống với sự thật và tôi đã từ bỏ được những lăm lặc. Ấy thế mà lúc ấy, lúc dang xé với những lo âu và thao thức,

NHỮNG ĐIỀU NÓI VỚI THƠ

tôi đã trở về với hình ảnh Thơ như trở về một hướng giải thoát. Quả tình tôi đã lấy làm hồ thẹn và ăn năn. Tôi cho rằng tôi đã yếu đuối. Nhưng không. Sau đó, với hình ảnh Thơ trong tâm trí, tôi chỉ thấy rằng tôi đã tìm được một nơi yên nghỉ. Tôi chỉ sợ rằng Thơ không còn là Thơ nữa. Tôi sợ rằng sau bao nhiêu năm tháng, tôi đã đổi thay và Thơ cũng đã đổi thay. Nhưng Thơ vẫn còn nguyên vẹn. Thơ vẫn đẹp. Một vẻ đẹp không thể so sánh, không thể phai mờ. Làm sao hiểu được vẻ đẹp của Thơ. Làm sao diễn tả được. Một buổi trưa hay một buổi chiều nào, tôi bỗng thấy Thơ. Thơ bận đồ trắng. Tôi thoáng thấy Thơ bước lên xe bus. Và Thơ ngồi xuống ghế và tôi chỉ còn trông thấy mái tóc của Thơ. Mái tóc đen uốn vòng ở sau đầu và thả dài xuống. Tôi đứng lại bên vỉa hè thành phố và tôi đã sống lại cái xúc động cũ. Xe đã chạy, tôi không trông thấy Thơ, tôi chỉ thấy Thơ ở sau lưng. Bây giờ thì tôi đủ hiểu. Thơ không chỉ đẹp, đẹp vô cùng. Thơ chính là cái đẹp. Khi tôi trông thấy Thơ lần đầu tiên, chính là tôi đã trông thấy cái đẹp.

Chiều tôi đi xuống phố. Tôi ngồi uống một cốc nước ngọt bên lề đường. Tôi nhìn đám đông người qua lại. Những con người, phần đông là những trai trẻ, họ gầy, nhỏ, xấu xí, không có một vẻ gì cho tôi mến cảm. Họ có vẻ tầm thường, mơ hồ, chẳng có gì đáng chú ý. Và bỗng nhiên tôi thấy thương họ, tôi thấy thương tôi. Tôi thấy nhục nhã cho họ và tôi thấy nhục nhã cho tôi. Có phải chúng ta vẫn thường mang cái mặc-cảm ấy, cái mặc-cảm thua yếu của con người đã chịu cảnh tôi mọi lâu ngày. Và để khỏi hồ thẹn chúng ta thường nghĩ đến những ngày chúng ta đã sống tự do, khỏe mạnh. Trông những con người nhỏ nhoi, yếu đuối ấy đi bên cạnh tôi, thật khó tưởng tượng được rằng họ là một dân tộc đã làm được những công việc lạ thường ngày trước, những công việc mạnh bạo, lớn lao. Thật khó mà tưởng tượng. Hồi mới lớn, tôi thường về chơi ở những bờ biển và tôi đã thấy một vài con người mà tôi nhớ mãi. Tôi đã thấy một ông già cao lớn râu tóc bạc trắng có một dáng đi và một vẻ người làm tôi tưởng đến con người ngày trước của dân tộc này. Họ có một cái vẻ riêng biệt mà những ông già chúng ta ngày nay không thể có. Và tôi cũng đã thấy một người trẻ tuổi đánh cá có một thân hình đẹp một cách lạ lùng làm tôi nghĩ đến những pho tượng hy-lạp. Nhìn những con người đi qua lại trước mặt tôi, tôi lại nhớ đến những hình ảnh ấy và tôi lại nghĩ đến cái thân phận chúng ta ngày nay. Cái bệnh nguy hiểm mà một thế kỷ nọ lệ đã để lại cho chúng ta là cái bệnh mất cá tính. Tôi nghĩ rằng một khi chúng ta chưa có được một cá tính riêng biệt thì chúng ta vẫn còn bị chia xẻ và bị người ta dẫn dắt đi. Tôi nghĩ đến những nhà văn đã muốn làm nhà văn khi họ nhận thấy những căn bệnh tinh thần của dân tộc họ và họ muốn làm người thầy thuốc cho những căn bệnh ấy. Tôi nghĩ đến cái mộng của chúng ta ngày nay là trở thành một dân tộc sáng tạo được những cái gì mới lạ riêng biệt của chúng ta. Chúng ta phải thực hiện được cái gì là chúng ta vì chúng ta đã mất mất gần như tất cả. Nhìn những con người đi trên đường phố tôi biết rằng họ cũng

đã mất mát tất cả như chúng ta. Và chúng ta cũng biết rằng chúng ta đang cần tin tưởng. Sinh mạng của chúng ta, tự do của chúng ta đang cần đến. Chúng ta lo âu cho số phận của đất nước này. Một buổi sáng chúng tôi xuống xe trên một đỉnh đèo và chúng tôi vào ngôi uống trà nơi cái quán bên đường. Chúng tôi nhìn về phía biển nối liền với trời xanh bằng những dải mây mù trắng xóa. Trời biển, mây, núi rừng và dải đất nhấp nhô chạy dài. Đưa tay chỉ về phía những hòn núi nhỏ quây quần với nhau ở sát bờ biển giữa bãi cát vàng và đám mây trắng, người bạn nói với tôi: « Đây là Ngũ Hành Sơn, ở đây có chùa Non Nước » rồi anh nói đến những cảnh núi đồi, làng mạc ở Hưng Yên, ở Sơn Tây. Ở những nơi tôi chưa từng đặt chân đến bao giờ và lần đầu tiên tôi bỗng cảm thấy cái rung động êm ái xen nhẹ vào trong người, lần đầu tiên tôi cảm thấy sống đây tình yêu của tôi đối với cái dải đất trải ra trước mặt, giữa trời biển vô cùng. Lần đầu tiên tôi thấy đất nước chúng ta là đẹp.

Ngồi giữa thành phố, giữa đám đông, tôi đã nghĩ đến những điều này và tôi đã nghĩ đến Thơ. Tôi nghĩ rằng Thơ chính là cái đẹp của đất nước này và cái đẹp của Thơ là một cái đẹp riêng biệt. Đôi mắt của Thơ, nụ cười của Thơ, vầng trán, chân mày, nét mặt, đường môi, vành cong sống mũi... và tiếng cười, giọng nói của Thơ là của một người con gái đẹp mà không ở đâu có được. Đối với tôi, Thơ không chỉ là một con người. Thơ còn là một hình ảnh, một ý nghĩa.

Tôi nhìn một vài người Âu đi qua đường. Họ cao lớn, cách biệt với đám đông chung quanh. Hàng bao lâu nay chúng ta đã xem họ là thần thánh, chúng ta đã đi theo họ, cố gắng làm một người học trò giỏi. Chúng ta đã rời bỏ quê hương đi theo bước chân họ, chúng ta đã học đủ mọi thứ và một hôm những ông thầy chúng ta đã đưa chúng ta đến nơi vực thẳm. Những ông thầy của chúng ta có thể tự cứu họ được không, chúng ta cũng không biết thế nào mà hiểu được, nhưng có một điều chắc là chúng ta cũng đang đứng nơi bờ vực với họ. Thật là thảm thương. Ngày nay người da vàng chúng ta nói rằng: chúng ta đã đuổi người da trắng ra khỏi đất nước chúng ta rồi, chúng ta không còn là tôi mọi nữa. Có thật thế không? Họ không còn cai trị và đóng thuế chúng ta nữa nhưng họ vẫn cai trị chúng ta bằng những chủ nghĩa của họ và họ vẫn đánh thuế tinh thần chúng ta. Nhưng thôi, nói làm gì nữa, cuối cùng lại thì họ và chúng ta đều cùng chung một số phận. Thật đáng cảm hờn. Nhưng lẽ nào chúng ta lại cứ phải chịu theo họ đi vào con đường tai họa.

Tôi ít khi nhìn một người Âu Tây mà không thấy một cảm giác thêm muốn và có lẽ trong tiềm thức một cảm giác thù hận. Tôi thêm muốn cái giàu sang, cái mạnh mẽ, cái đẹp, cái giỏi, cái thông minh và tài năng của họ. Và thù hận, thù hận chính mình thì đúng hơn vì thấy mình thua sút họ đủ mọi bề, nghèo khó, yếu đuối, ngu dốt và kém cỏi. Ấy thế nhưng để trả thù, tôi nghĩ mình phải có hơn họ một cái gì. Người Âu Tây cho rằng họ đã làm chủ được con người, và vũ trụ nhưng chúng

NHỮNG ĐIỀU NÓI VỚI THƠ

ta, chúng ta chính là những người có thể biết được hơn họ con người và vũ trụ. Người Châu Á chúng ta đang thoát dần ra khỏi cảnh nghèo đói ngu dốt và chúng ta sẽ nói lên với thế giới tiếng nói độc đáo của chúng ta. Chúng ta sẽ dạy cho người Âu Tây biết những cái gì họ không thể biết. Lúc ấy chúng ta sẽ đem đến quân bình cho thế giới. Và lúc ấy chúng ta sẽ trả được mỗi hận thù. Nghĩ về Thơ, nghĩ đến cái đẹp của Thơ tôi vẫn có cái ấn tượng của một cái gì đặc biệt, tiêu biểu của phương Đông. Thật khó mà diễn tả. Tuy nhiên tôi vẫn có cái cảm giác trực tiếp như thế. Tôi vẫn cho rằng vẻ đẹp của một người con gái có thể đem đến cho ta nhiều ý niệm về chọn lý và nghệ thuật. Cái ánh sáng đôi mắt đen của Thơ làm tôi liên tưởng đến một thứ ánh sáng của tinh thần. Và nụ cười của Thơ cũng thế. Bây giờ, tôi đã hiểu tại sao hình ảnh Thơ đã đến với tôi giữa những lo âu. Bây giờ, đối với tôi, Thơ đã trở thành một thứ ánh sáng của nghệ thuật.

Tại sao chúng ta lại làm thơ, làm văn, làm nghệ thuật. Chúng ta bị vọng những gì ở tác phẩm của chúng ta. Chúng ta đã lớn lên để trông thấy một thế giới đồ võ và để thấy tuổi trẻ của chúng ta đồ võ theo. Chúng ta đã nghe một số những nhà khoa-học, những nhà triết-học, những nhà chính-trị giảng giải cho chúng ta về sự thật và họ còn muốn bắt buộc chúng ta, tất cả chúng ta phải từ bỏ mọi tự do để theo họ. Nhưng chúng ta không tin họ vì chúng ta thấy sự thật khác họ. Chúng ta thấy những cái mà họ không thấy được. Những nhà khoa-học, triết-học và chính-trị ấy, họ chỉ thấy được những gì trong sáng, rõ ràng, trật tự, điều hòa, hợp lý. Chúng ta, chúng ta còn thấy được những gì là hỗn độn, mơ hồ, tối tăm, ảo ảnh, phi lý. Chúng ta vượt qua ở chỗ họ phải ngừng lại. Chúng ta tìm thấy một trật tự ở chỗ họ chỉ thấy hỗn độn, chúng ta tìm thấy được một ánh sáng ở chỗ họ chỉ thấy tối tăm, chúng ta nhìn được cái hợp lý ở chỗ họ chỉ thấy phi lý. Cũng như trái lại chúng ta đã thấy cái tối tăm ở chỗ họ thấy là sáng rõ, chúng ta đã thấy cái hỗn loạn ở chỗ họ thấy là trật tự, chúng ta đã thấy cái phi lý ở chỗ họ cho là hợp lý. Chúng ta đứng giữa nhà tôn giáo và nhà chính trị, chúng ta đứng giữa nhà triết lý và nhà khoa học. Chúng ta là cái gạch nối giữa họ. Chúng ta gắn liền họ với thực tại mà chúng ta cố gắng diễn tả. Chúng ta mở rộng thế giới, mở rộng sự sống đến những biên giới của vô hình. Chúng ta là những kẻ dám thử thách, dấn co với sự tuyệt vọng. Chúng ta là những kẻ còn muốn đem đến một giá trị cho con người khi mọi người đều hoài nghi. Chúng ta là những kẻ độc nhất còn nói đến tình yêu khi hận thù đang ngập tràn. Chúng ta là những kẻ cuối cùng còn tin tưởng ở loài người. Chúng ta là những kẻ còn muốn tìm thấy một ý nghĩa cho cuộc đời khi tất cả đều trở thành vô nghĩa. Chúng ta là những người còn yêu cái đẹp ở một thế giới không còn yêu nó nữa. Tôi đứng dậy và ra đi. Bước đi giữa đám đông trong đám tranh giành hủy diệt lẫn nhau. Tôi nghĩ đến một phần nữa dân tộc đang sống trong hoàn cảnh này, tưởng tượng đến đời sống của

LÝ HOÀNG PHONG

mỗi con người.

Tôi nghĩ đến đời sống của một phần nửa dân tộc đang sống trong một hoàn cảnh khác, lường lượng đến đời sống của mỗi con người. Tôi nghĩ đến cái nguy cơ của tự do, cái lo âu của tự do chúng ta giờ đây. Tôi muốn đâm thủng bức màn sương mù, tôi muốn đánh đổ cái bức tường mâu thuẫn máy móc, giả tạo, lừa dối đang ngăn chia dân tộc, ngăn chia thế giới. Chúng ta không ghê sợ chiến tranh cũng không e ngại chiến đấu nhưng chúng ta ghê sợ hơn hết sự dối trá, lừa gạt lớn lao đang bao trùm thế giới. Những kẻ nào đã hủy diệt tự do của nhân loại những kẻ ấy đã hủy diệt sự thật; họ đã tự giam hãm trong những khuôn khổ và ranh giới. Nhưng chúng ta, chúng ta bảo vệ tự do vì chúng ta muốn bảo vệ sự thật. Chúng ta phá vỡ những khuôn khổ những ranh giới và chúng ta sáng tạo tương lai, vì vậy chúng ta sẽ thống nhất đất nước. Chúng ta sẽ chiến đấu, mãnh liệt nhưng không hận thù, vì chúng ta chiến đấu cho hòa hợp, không phải cho phân ly.

Thành phố đã lên đèn. Con đường như chạy dài đến vô cùng. Hình ảnh Thơ đã trở thành hình ảnh nghệ thuật, hình ảnh dân tộc, hình ảnh lý tưởng. Hỡi Thơ, chúng ta còn sống, còn chiến đấu, còn hy vọng, còn sáng tạo.

LÝ HOÀNG PHONG

nhân một lá thư của bạn đọc

Vừa in xong khuôn cuối cùng, chúng tôi nhận được thư một bạn đọc gửi về tòa soạn.

Thư ngắn, với những câu tha thiết vừa khen ngợi sự cố gắng của tạp chí, vừa trách sự chậm trễ của những số báo gần đây.

Chúng tôi nhận sự khen ngợi và luôn điều trách đáng quý này. Là một khích lệ đóng góp cho sự tiến bộ của tạp chí chúng tôi. Sự hưởng ứng này còn là biểu lộ phần chân thành hợp tác của người đọc với tạp chí. Trong nỗ lực buổi đầu, không sao tránh khỏi những thiếu sót như đã xảy ra (điều mà chúng tôi không muốn). Sự thử thách thật gay go, đòi hỏi ở chúng ta những cố gắng và nhẫn nại. Công việc không chỉ của một người, một năm, mà là của nhiều người và lâu dài.

Chúng tôi cảm ơn lá thư gửi về đó của bạn đọc, chúng tôi cảm ơn cả lời trách móc này.

Và cũng bắt đầu từ những số sau tạp chí sẽ làm mới lại tất cả. Nhận rằng : Sáu số báo có mặt đã chứng minh thiện chí muốn làm của chúng tôi, nhưng là sáu số báo có những sai lầm phải sửa đổi : thiếu chân thành và rụt rè.

Ý nghĩ này là lý do chính đáng. Bất chúng tôi phải nhìn vào đời sống chung quanh mình : những cái tâm thường căn thiết. Bất chúng tôi phải nhìn thẳng vào lòng mình trước nhất. Từ nay thái độ của Văn Nghệ sẽ phải rõ ràng hơn. Kết quả tốt hay xấu là thuộc về sau này, nhưng phải dám làm. Chúng tôi bắt đầu bằng ý nghĩ này để bước tới.

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ

nhà in là vào toan 31 đường cô Bắc sai gon — điện thoại : 060 saigon